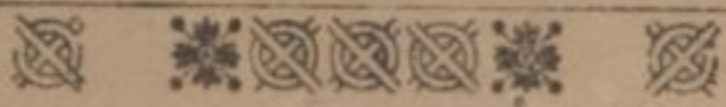


16°
Indoch
905



AFFAIRES
COMMUNALES



DEPUT LEGAL
INDOCHINE
N° 24148

CÔNG VIỆC LÀNG



: PHẬN SỰ CỬA :
: HƯƠNG - QUẢN :
: CHÁNH - LỤC - BỘ :
: XẢ - TRƯỞNG :



PAR

ĐÀO-VĂN-HỘI

TRI - PHỦ DU GOUVERNEMENT



IN KỶ THỨ NHỨT

GIÁ BÁN : 1 \$ 20

905

CÙNG MỘT TÁC-GIẢ

(Du même Auteur)

Recueil des textes réglementant les Budgets communaux en
Cochinchine (Điều-lệ về số công-nho thôn-xã Nam-Kỳ)

SẼ XUẤT BẢN :

(Pour paraître ultérieurement)

Lexique français-annamite et annamite-français des animaux
et végétaux (Cầm-thú thảo-mộc tiểu tự-điển)

Lectures récréatives pour la jeunesse : Traits d'intelligence
et qualités de cœur des animaux.

(Truyện giải-trí nhi-đồng : Thú khôn ngoan và có nghĩa)

Nam-kỳ vĩ-nhân (gồm có tiểu-sử những vị :

Võ tướng : Nguyễn-huỳnh-Đức, Lê-văn-Duyệt, Lê-văn-Khôi, Võ-Tánh, Nguyễn-văn-Thụy, Nguyễn-văn-Thành, Trương-tấn-Bửu v. v...

Văn nhân : Phan - thanh - Giản, Trương - vĩnh - Ký, Võ - trường - Toàn, Cử - Trị, Tôn - thọ - Trường, Huỳnh - mãn - Đạt, Học - Lạc, Thủ - khoa - Nghĩa, Đồ - Chiếu v. v...

Một vài dật-sử về xứ Nam-kỳ

Phật cứu giá, Sự tích Vũng-Tàu, Tích Miếu Ông ở Tân-an,
Bài phú cò Gia-định v. v...

ĐƯƠNG SOẠN :

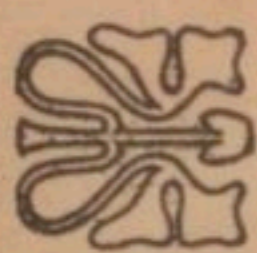
(En préparation)

Recueil de textes administratifs applicables en Cochinchine.

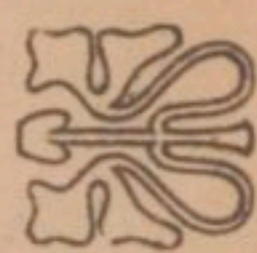


DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N^o 27148

CÔNG VIỆC



LÀNG



AFFAIRES
COMMUNALES

: PHẬN SỰ CỦA :
.. HƯƠNG - QUẢN .
CHÁNH - LỤC - BỘ
.. XÃ - TRƯỞNG ..



TÁC GIẢ :

ĐÀO-VĂN-HỘI

TRI-PHỦ DU GOUVERNEMENT

160 Indoch.
905

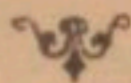


3^o Bureau

OBJET :

Souscription à l'ouvrage
intitulé "CÔNG VIỆC LÀNG"
(Affaires Communales)

NOTE POSTALE (CIRCULAIRE)



LE GOUVERNEUR DE LA COCHINCHINE

Chevalier de la Légion d'Honneur,

à Messieurs les Administrateurs Chefs de Province,

J'ai l'honneur de vous faire connaître que l'Administrateur de Cantho m'a soumis un ouvrage en quoc-ngu, intitulé "CÔNG VIỆC LÀNG" (Affaires Communales), travail de M. DAO-VAN-HOI, Triphu du Gouvernement, auteur du "Recueil de textes réglementant les Budgets communaux en Cochinchine" édité en 1939.

Cet ouvrage, soigneusement préparé et d'un style clair, comprend quatre parties :

1. — Le Conseil des notables — Sanctions et récompenses — Indemnités de route et de séjour — Hospitalisation des notables — Indemnités des notables Phai-viên — Institution des Huong-kiêm-diên — Insignes des notables.

2. — Attributions des notables auxiliaires du Procureur de la République — Enquêtes — Procès-verbaux — Diverses sortes de mandats de Justice et leur mode d'exécution — Conseils pratiques pour procédure d'enquête relatifs à un certain nombre de cas de crimes et de délits — Dispositions du Code Pénal relatives à la corruption, aux abus d'autorité, aux arrestations et séquestrations illégales et aux violences.

3. — Etat-civil indigène — Attributions des Chanh-luc-bô — Tenue des registres d'Etat-civil — Pénalités relatives à l'Etat-civil indigène — Adoption — Jugement supplétif d'actes de naissance — Reconnaissance d'enfant — Constitution de la généalogie.

4. — Budgets communaux — Remises aux notables collecteurs d'impôts — Marchés — Pêcheries — Công-diên,

Cette œuvre de vulgarisation de M. le Phu DAO-VAN-HOI "appelé à rendre d'indiscutables services aux autorités communales", — selon les termes de la lettre N° 748-PG du 3 Juin 1941 de M. le Procureur Général près la Cour d'Appel de Saigon, — constitue un guide très utile pour les notables surtout pour les Huong-quan, Huong-hào, Chanh-luc bô et Maire.

Son prix est fixé à 1\$20

Je ne vois aucun inconvénient à ce que vous autorisiez chaque village à souscrire un certain nombre d'exemplaires de cet ouvrage pour le mettre à la disposition des notables.

A cet effet, il y a lieu de grouper les commandes des villages de votre province et de me les transmettre LE PLUS TÔT POSSIBLE, sous le timbre du 3^e Bureau du Gouvernement.

Le paiement de la fourniture globale pour chaque province sera effectué au moyen d'une demande de retrait de fonds à établir par le village du Chef-lieu qui se fera rembourser par les autres villages du montant de leur commande.

P Le Gouverneur absent :

**L'Inspecteur des Affaires Politiques et Administratives
Chargé de l'expédition des Affaires courantes,**

Signé: ESQUIVILLON

Pour ampliation

Le Chef de Cabinet Adjoint,

Signé: GRANGE



QUAN THỐNG-ĐỐC NAM-KỲ
Thượng-thọ Ngũ-đẳng Bắc-đầu Bửu-tinh

Cùng các quan Tham-Biện Chủ-tỉnh,

Bồn-quan cho các ngài hay rằng quan Chủ-tỉnh Cantho có trình cho bồn-quan một quyển sách chữ quốc-ngữ, nhan là "CÔNG VIỆC LÀNG" của quan Tri-phủ ĐÀO - VĂN - HỘI, soạn - giả quyển "ĐIỀU-LỆ VỀ SỞ CÔNG-NHO THÔN-XÃ NAM-KỲ" xuất bản năm 1939.

Quyển sách "CÔNG VIỆC LÀNG" soạn rất kỹ lưỡng, viết cách dễ hiểu và gồm có 4 phần:

1^o — Bàn Hội-tề — Sự thưởng phạt hương-chức — Phụ-cấp đi đường — Sự hương-chức năm nhà-thương được trừ bớt tiền phòng — Phụ cấp hương-chức phái-viên chứng kiến việc đo đất — Hương-kiểm điền — Quan-bài hương-chức.

2^o — Phận sự hương-chức phụ tá quan Biện-ly (Hương-quản) — Cách điều-tra — Lập vi-băng — Cách thi-hành những lệnh của quan Thăm-Án (mandats) — Lời chỉ bảo riêng về cách tra xét mỗi tội — Điều-lệ luật Hình về những tội hối-lộ, lạm quyền, bắt buộc giam cầm trái phép và hành hung.

3^o — Sanh, tử, hôn-thú, phận sự của Chánh-lục-bộ — Sự kiểm xét bộ — Hình-phạt về bộ đời — Nuôi con nuôi và lập tự — Xin tòa lên án thế vì khai sanh, sự nhìn nhận con — Lập tông-chi.

4^o — Sở công-nho thôn-xã Nam-kỳ — Huê-hồng cho hương-chức trong việc thu thuế — Hoa-chi chợ — Thủy-lợi — Công-điền.

Theo thư số 748-PG ngày 3 Juin 1941 của quan Chương-Lý tại Saigon thì quyển sách phổ-thông này chắc giúp được nhiều việc cho hương-chức; ấy là một quyển sách chí-nam rất hữu ích cho làng nhứt là cho Hương-quản, Hương-hào, Chánh-lục-bộ và Xã-trưởng.

Mỗi quyển bán nhứt định 1 \$ 20.

Bồn-quan tưởng các ngài nên cho phép mỗi làng xuất công-nho mua vài quyển sách ấy cho hương-chức dùng.

Thay thế cho quan Thống-Đốc Nam-kỳ vẫn mặt.

Quan Thanh-Tra chánh-trị,
Ký tên : ESQUIVILLON.

* TỰ A *

Trong khi thi-hành phận sự chốn thôn quê. chọn cử Hương-chức Hội-Tề, kiểm xét bút-toán làng, thu xuất Công-nho, điều tra việc án mạng, sát nhọn, kiện cáo, sanh tử, hôn thú, thì có nhiều khi xảy ra đều khó khăn, bối rối cho Hương-chức làng, nhứt là Hương-quản, Xã-trưởng, Hương-hào, Chánh-lục-bộ, phải thông thuộc lẽ luật mới tránh đặng sự thiếu sót, sai lầm, nên cần phải coi đi coi lại các tờ châu-tri, nghị-định, chỉ giáo phận sự.

Nay quan Tri-phủ ĐÀO-VĂN-HỘI xuất bản quyền sách "**CÔNG VIỆC LÀNG**" gồm đủ Châu-tri, Nghị-định, dạy công-việc làng, Quan Thống-Đốc Nam-kỳ và quan Chưởng-Lý đồng công nhận là hữu ích cho chức việc làng, và đả truyền cho các quan Chủ-tỉnh cho phép làng mua quyền sách ấy để dùng, thật là một điều may mắn cho Làng Tổng.

Quyền sách "**CÔNG VIỆC LÀNG**" chẳng những là có ích cho Hương-chức làng mà thôi, chúng tôi tưởng ai ai cũng nên xem, vì các điều quan hệ trong đời người như việc sanh, tử, hôn-thú, ai ai cũng cần phải hiểu rõ.

Thônốt, le 26 Juin 1941

DƯƠNG - THÂN - HỸ

Đốc - Phủ - Sứ



MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT.

KHOẢN THỨ NHẤT.

	Trương
Nghị-định ngày 30-10-27 tổ-chức lại thôn-xả Nam-Kỳ.	1
Phụ-cấp đi đường	11

KHOẢN THỨ NHÌ.

a) Châu-tri số 222 ngày 24-11-16 về sự biệt đãi Hương-chức	13
b) Châu-tri số 497-API ngày 5-10-38 về sự giam cầm sai phép của Hương-chức	—
c) Châu-tri số 488 ngày 30-9-38 về phụ-cấp của Hương-chức phái-viên chứng kiến những cuộc đo đất.	—
d) Châu-tri số 80-B ngày 13-2-39 về sự Hương-chức dưỡng bệnh tại nhà-thương được trừ bớt tiền phòng.	14
e) Châu-tri số 87-B ngày 13-2-39 về Hương-kiêm-điền.	—

KHOẢN THỨ BA.

Nghị-định ngày 3-8-39 định quan-bài Hương-chức hội tề.	15
--	----

PHẦN THỨ NHÌ.

KHOẢN THỨ NHẤT.

a) Quan Biện-ly	17
b) Quan Thăm-án	18

KHOẢN THỨ NHÌ.

a) Về sự phân biệt có tội với không có tội	19
b) Nguyên-chất mỗi tội	20
c) Nói về chánh-phạm, tòng-phạm và a-tùng	—

KHOẢN THỨ BA.

Chương thứ nhất.

	Trang
a) Hương-chức hay về việc tuần-phòng	21
b) Tội tại trận	22
c) Phận-sự của Hương-quản nhằm khi không phải tội tại-trận	23
d) Sự cáo báo	24
e) Đơn kiện	25
f) Trách nhiệm của kẻ đi cáo	26

Chương thứ nhì*Về việc điều tra.*

a) Khán sở thời tang tích	26
b) Lấy khai báo chứng cứ	28
c) Bắt buộc phạm-nhơn	30
d) Xét phạm-nhơn	32
e) Lấy khai phạm-nhơn	33
f) Vi-băng tra xét	34
g) Đối diện	36
h) Sự chạy án	37
i) Xét nhà	—
j) Xét đồ tang	40
k) Công-việc đặt phòng hồ	43

Chương thứ ba.

a) Bộ đời	43
b) Khán nghiệm	44

Chương thứ tư

Nói về tờ vi-băng	44
A. — Vi-băng chuyện sát nhơn	46
a) Vi-băng khán sở thời tang tích	—
b) — thâu đồ tang	48
c) — hỏi phạm-nhơn	—

	Trương
d) Đơn thưa của tiên cáo	49
e) Vi-băng lấy khai chứng có	50
B. — Vi-băng chuyện đánh lộn	—
C. — Vi-băng chuyện ăn cướp	52

Chương thứ năm.

a) Tờ đòi hầu (mandat de comparution) và cách thi-hành.	53
b) Tờ dẫn nạp (mandat d'amener) và cách thi-hành.	55
c) Tờ bắt buộc (mandat d'arrêt) và cách thi-hành.	58
d) Tờ giam cầm (mandat de dépôt) và cách thi-hành.	61

Chương thứ sáu.

Tóm tắt về phận-sự Hương-chức phụ-tá quan Biện-ly.	62
--	----

Lời chỉ dẫn chung.

1 ^o) Tội tại trận	62
2 ^o) Tờ đòi hầu	63
3 ^o) Tờ dẫn nạp	—
4 ^o) Tờ bắt buộc	—
5 ^o) Tờ giam	64
6 ^o) Xét nhà lấy đồ-tang	—
7 ^o) Mấy đều phải làm tại chỗ	—

KHOẢN THỨ TƯ.

Lời chỉ bảo riêng về mỗi tội

Tội phạm gian	65
Tội cường dâm	66
Tội phá thai	—
Tội giết con nít mới sanh	67
Dấu biệt đứa con nít	—
Bỏ con nít	—
Đánh có thương tích — Nhơn mạng — Sát nhơn.	68
Bỏ thuốc độc	—
Ăn cướp	69

	Trương
Đốt nhà	69
Bạc giã	70
Tội dâm bôn	—
Tội trùng giá, trùng thú	—
Cờ bạc, xổ số	71
Ăn mày ăn xin	—
Lưu-linh, không nghề-nghiệp	72
Gặp thầy ma	—
Tội soán đật	73
Gạt người ta mà lấy tiền của, đồ đật	74

PHỤ THUỘC

I. — Quyền trừng phạt riêng của Hương-chức hội-tề. — Nghị-định ngày 24 Février 1903	75
II. — Điều-lệ luật hình về các tội hối-lộ, tội dụng oai phép mà hiếp người, tội bắt buộc và giam cầm người ta sai phép	77

PHẦN THỨ BA

Sanh — Tử — Hôn-thú (Phận-sự Chánh-lục-bộ)

KHOẢN THỨ NHỨT

I. — Bộ đời	80
II. -- Chánh, Phó-lục-bộ	82
III. — Phận-sự của Chánh, Phó-lục-bộ	83
1 ^o) a) Thâu lời khai	—
b) Người khai	84
c) Người chứng	—
d) Cạo sừa	85
e) Chẳng nên viết tắt	—
f) Những điều không nên biên vào khai	—
g) Những tờ phải sao trọn vào bộ	86
h) Những lời cước tại lễ bộ	—
i) Ký tên	87

	Trương
2 ^o) Bộ phụ	87
3 ^o) Số thứ tự	—
4 ^o) Giá-trị bộ-đời	—
5 ^o) Sao-lục bộ-đời.	88
6 ^o) Nạp sao-lục cho tòa	89
IV. — a) Sự kiểm xét bộ	92
b) Sửa bộ sai, thêm khai sót	—

KHOẢN THỨ NHÌ.

Hình phạt về bộ-đời	94
-------------------------------	----

KHOẢN THỨ BA.

I. — Sanh.

1 ^o) Về việc khai sanh	97
2 ^o) Không nhìn nhận con	99
3 ^o) Con hoang	100
4 ^o) Con nít bỏ rơi	102
5 ^o) Con nít sanh ngoài địa-phận Chánh-phủ Pháp cai-trị.	—
6 ^o) Xin tòa lên án lập thế-vì khai-sanh,	103
7 ^o) Sự nhìn con	105

II. — Về sự nuôi con và lập-tự.

1 ^o) Lập-tự	106
2 ^o) Về sự nuôi con nuôi có phép	108

III. — Hôn-thú.

1 ^o) Khi nào trai và gái được phép làm hôn-thú với nhau.	108
2 ^o) Khai rao hôn-thú	111
3 ^o) Giấy tờ phải trình	114
4 ^o) Về phép cưới	115
5 ^o) Hủy hôn-thú làm trái-phép	116

IV. — Khai tử.

KHOẢN THỨ TƯ.

Chữ dẫn thêm về những sự lập khai sanh, tử, hôn-thú, nhìn nhận con, v. v.	121
--	-----

PHỤ THUỘC

Nói về bà-con mấy đời	132
---------------------------------	-----

PHẦN THỨ TƯ

KHOẢN THỨ NHỨT

I. — Nghị-định ngày 3-10-21 định điều-lệ về sổ công-nho thôn-xã Nam-Kỳ	134
II. — Nghị-định ngày 24-6-37 về sự ban tiền huê-hồng cho Hương-chức trong việc thu thuế	148
Thư số 8608 ngày 19-8-38 của quan Thống- Đốc Nam-Kỳ gửi cho quan Chánh Sở Kho-bạc Saigon về việc huê-hồng cho Hương-chức.	151
Châu-tri số 699-B ngày 18 Novembre 1940 định kiểu tờ huê-hồng	152

KHOẢN THỨ NHÌ

I. — Châu-tri số 369 ngày 14-8-36 về sự góp tiền chở trong các chợ	153
II. — Châu-tri ngày 2-6-38 về tiền chở trong địa- phương Saigon — Cholon	—
III. — Châu-tri số 142 ngày 9-3-38 về tiền mượn thủy-lợi của các làng (có dính kiểu tờ giao kèo).	154
IV. — Châu-tri số 300 ngày 29 - 6 - 36 về sự chia đất công-điền từ miếng nhỏ mà cho mượn.	157
V. — Châu-tri số 20 ngày 11 Janvier 1938 về sự cho các gia-quyển nông-phu nghèo mượn đất công-điền.	158

HẾT



PHẦN THỨ NHỨT

BÀN HỘI-TỀ

Sự thưởng phạt Hương-Chức

Khoản thứ nhứt. — Nghị-định ngày 30 Octobre 1927
Tổ chức lại thôn-xã Nam-kỳ

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Cách hiệp thành Bàn Hội-Tề. — Đẳng cấp. — Cách
tuyển-cử và thăng chức. — Việc thưởng
Danh dự Huân-chương

Điều thứ nhứt — Thôn-xã Annam là cơ-sở cuộc chánh-trị
bổn-quốc tại xứ Nam-kỳ; có một hội Hương-chức để cai trị
thôn-xã kêu là Bàn Hội-tề.

Mỗi Bàn Hội-tề theo lý, phải có những Hương-chức
sau này, kể theo đẳng cấp :

Hương-cã hay là Đại Hương-cã	Nghị-trưởng
Hương-chủ	} Phó Nghị-trưởng
Hương-sur	
Hương-trưởng	Nghị-viên
Hương-chánh	—
Hương-giáo	—
Hương-quân	—
Hương-bộ hay là Thủ-bộ	—
Hương-thân	—
Xã-trưởng hay là Thôn-trưởng	—
Hương-hào	—
Chánh-lục-bộ	—

Còn các Hương-chức khác (Hương-chức lớn hoặc
Hương-chức nhỏ) thì đều giữ lấy chức tước, đẳng cấp,
đặc quyền và cũng cứ tuân theo phận-sự y theo tục lệ ;

số Hương-chức ấy nhiều ít và chức trách của người rộng hẹp thế nào, thì tùy theo việc cần dùng trong làng và bề thế của làng lớn nhỏ.

Điều thứ 2 — Phải lập sổ biên dũ tên Hương-chức mỗi làng dặng đề tại nhà-hội làng và tại phòng việc Quan Tham-biện chủ-tĩnh, và giữ sổ ấy cho luôn luôn đúng theo tên tuổi Hương-chức hiện tại.

Điều thứ 3.— Phải chọn Hương-chức trong mấy người điền-chủ trong làng, mấy người dân làng giàu có hơn hết, mấy viên chức hồi-hưu hoặc từ chức thuộc các ngạch bổn-quốc thượng-đẳng cùng trung-đẳng, mấy người lính tập hồi-hưu hay là mãng khóa mà đóng dặng ít nữa là chức đội (sergent), mà mấy người ấy phải có đứng bộ đình trong làng.

Điều thứ 4.— Theo lý thì chẳng ai dặng đứng vào đẳng-cấp Hương-chức nếu chưa từng ở trong mấy bậc nhỏ dưới. Cho dặng cử làm Hương-hào thì phải ít nữa là 24 tuổi, biết đọc và biết viết.

Nhưng mà, mấy chức viên hồi-hưu hoặc từ chức thuộc các ngạch bổn-quốc thượng-đẳng và trung-đẳng, cùng mấy người lính tập hồi-hưu hay là mãng khóa mà đóng dặng ít nữa là chức đội, đều có thể dặng chuẩn khởi buộc phải ở chức dưới rồi mới lên dặng chức trên.

Chức Đại-Hương-cả có thể ban cho các quan đã lên tới ít nữa là chức Phủ, cho các người dặng thưởng thọ một phẩm Bửu-tinh (Légion d'Honneur), và cho các Hương-chức cựu hoặc đương-niên lên tới chức Hương-cả mà giúp cho làng nhiều công-cán đặc biệt.

Khi nào Bàn Hội-tề có khiếm khuyết, thì Hương-chức hiện diện cũng cứ theo qui tắc của tục-lệ mà chọn người sung thế, song phải có quan Tham-Biện chủ-tĩnh phê chuẩn mới dặng; bằng sanh ra sự kêu nài thì ngài sẽ trọn quyền quyết đoán.

Bàn Hội-tề chẳng dặng phép có quá ba Hương-chức thuộc về một gia quyến tới bậc thứ tư.

Điều thứ 5. — Phải giúp việc trong mỗi chức ít nữa là hai năm; còn ai ở chức nào thì dặng tự ý ở ngoài chức ấy, không hạn định. Chẳng ai lên dặng chức Thủ-bộ nếu không có làm việc ít nữa là hai năm trong chức Hương-thân, Xả-trưởng, Hương-hào hay là Chánh-Lục-bộ; chẳng ai lên dặng chức Hương-sư nếu không có làm việc ít nữa là 5 năm trong chức Thủ-bộ, Hương-quản, Hương-giáo, Hương-chánh hay là Hương-trưởng; song phải trừ ra những điều biệt-đãi của điều thứ 4 chuẩn cho các chức viên hồi hưu hoặc từ chức thuộc ngạch bôn-quốc thượng-đẳng và trung-đẳng, cùng mấy người lính tập hồi hưu hay là mắng khóa mà đóng dặng ít nữa là chức Đội.

Điều thứ 6. — Quan Thống-Đốc Nam-kỳ sẽ ra lời nghị định rõ khi nào dặng thưởng các thứ huân-chương có thể ban cho hương-chức vì công cán giúp cho thôn-xả, và định kiểu mẫu quan-bài riêng cho mỗi chức, để mang trong các cuộc lễ Nhà Nước hay là cuộc tế-tự theo tục-lệ.

CHƯƠNG THỨ HAI

Phận-sự và trách nhiệm của Hương-chức.

Phần Hương-chức đối với các sở Nhà Nước.

Điều thứ 7. — Phận-sự của Hương-chức định như sau này :

1^o. — Hương-cả hay là Đại-Hương-cả làm nghị-trưởng Bàn Hội-tề và cai quản hết thảy các việc công của làng.

2^o. — Hương-chủ và Hương-sư thế cho Hương-cả khi nào người vắng mặt, mà làm nghị-trưởng Bàn Hội-tề và thi hành phận-sự của người. Hương-chủ là người giữ tiền bạc của làng. Hương-sư kiểm soát hết các việc làng, và vì phận-sự ấy, người phải cho nghị-trưởng Bàn Hội-tề biết các điều lầm lỗi của Hương-chức hay về các việc ấy.

3^o. — Hương-cả hay là Đại-Hương-cả, Hương-chủ và Hương-sư có quyền cai-quản các Hương-chức khác và

phải coi chừng đối cho Hương-chức làm tử tế phận sự y theo qui-củ của tục lệ; phải quản-lý tài sản của bản thôn, lập sổ phõng định công-nho, coi chừng sự xuất phát và thu nhập; phải lãnh xử cho xong những điều vi-pháp nhỏ mọn nói trong chương thứ ba mà không đủ tội tình cho luật-hình xử phạt. Hương-trưởng lãnh phần lo cho cuộc giáo-huấn công chúng trong làng được tử tế và giúp sức cho các viên chức sở học-chánh khi có việc cần dùng.

4^o.— Hương-chánh chỉ bảo ba hương-chức hành sự là Thôn-trưởng hay là Xã-trưởng, Hương-thân và Hương-hào và coi chừng coi đối cho hương-chức ấy làm phận-sự mình tử tế, Hương-chánh lãnh phần phân xử cho êm, dùng phương tương-nhượng giải hòa, mấy vụ kiện thưa tằm thường nhỏ mọn xảy ra trong đám dân làng.

5^o.— Hương-giáo lãnh phần dạy bảo và chỉ dẫn mấy viên hương-chức còn trẻ, dạy cho đó biết phận sự trong việc làng. Hương-giáo là viên từ hàng của Bàn Hội-tề, phải làm tờ kết chứng (vi-bằng) mấy lần hội-nghị của Bàn ấy trong một cuốn sổ riêng buộc phải có.

6^o.— Hương-quản là thủ-trưởng cuộc cảnh-sát chánh-trị và đẽ-hình ở trong làng, là người phụ tá chánh của quan Biện-ly, và vì chức phận ấy nên phải lãnh phần truy tầm những tội đại-hình cùng tội tiểu-hình. Phải tuần thủ các đường thông hành trên bộ và dưới sông, đường xe lửa, cầu, đường giầy thép điện-tín. Trong phần việc ấy thì Hương-quản đặng Hương-thân, Xã-trưởng, Hương-hào trợ lực; và sử-khiến hương-tuần, cai-tuần, cai-thị, cai-thôn, trùm và trưởng, cả thầy đều có chức-trách cảnh sát.

7^o.— Hương-bộ hay là Thủ-bộ lãnh phần gìn-giữ các thứ bộ, địa-bộ và giấy tờ sổ sách của làng; người giữ sổ biên tiền thu xuất và coi sóc khí cụ bàn ghế và vật liệu của làng.

8^o.— Hương-thân là người đứng đầu trong ba viên hương-chức hành-sự; lại lãnh riêng phần lo việc giao-tiếp giữa cuộc chánh-trị và đẽ-hình với Bàn Hương-chức hội-tề.

9^o.— Xã-trưởng hay là Thôn-trưởng thì giữ mộc ký làng cùng tờ trát của chánh-phủ và riêng lo việc thu thuế khóa mà đăng nạp kho Nhà-Nước.

10^o.— Hương-hào là thủ-trưởng cuộc tuần-phòng trong làng; lãnh coi nhơn-dân tuân hành điều lệ về đạo-lộ; và lãnh chức Trưởng-tòa nghĩa là lãnh riêng việc truyền giao giấy đòi và giấy cho hay của Tòa-án cùng là những giấy đòi các sắc thuế cho các ngân-sách cõi Đông-Pháp, có tồn-phí hay là không tồn-phí về phần người thiếu thuế chịu.

11^o.— Hương-thân, Xã-trưởng hay là Thôn-trưởng và Hương-hào là ba viên hương-chức hành-sự; phải cùng nhau lo cho dân chúng đặng bình-hòa, an ổn và mạnh khỏe, phải lãnh lo việc giao-thiệp của làng đối với Chánh-phủ, thu thuế khóa, hiệp kẻ làm xâu, thi hành pháp luật, điều lệ, án từ cùng nghị-định của Chánh-phủ và của Bàn Hội-tề; tu bộ các sắc thuế và làm giấy tờ công văn của quan trên đòi hỏi, thị-chứng văn-khế, kiểm soát sơn lâm. Lại phải phụ tá Hương-quản về việc cảnh sát chánh-trị và đẽ-hình, hiệp nhau thi-hành những lệnh phát mãi y theo án tòa; và khi nào người ta xin, thì phải thị-chứng giấy tờ cho ra đủ bằng-cứ theo phép. Các Phó-xã, phó-ly, Lý-trưởng, Biện-lại, Cai-thôn, Trùm và Trưởng, đều ở dưới quyền ba viên hương-chức hành-sự.

Giấy tờ nào có đủ ba viên hương-chức, là Hương-thân, Xã-trưởng và Hương-hào thị-chứng thì mới đủ bằng cứ theo phép. Như Hương-thân và Hương-hào mắc việc, thì hương-chức khác trong Bàn hội-tề có quyền thị-chứng thế; còn Xã-trưởng là người giữ mộc ký làng, thì cần phải có mặt thị-chứng luôn luôn.

12^o.— Chánh-Lục-bộ, riêng một mình hay là có Phó-Lục-bộ, thì lãnh phần coi giữ các bộ-đời, sanh-tử, hôn-thú trong làng. Viên ấy phải cho quan trên hay hết thấy mấy bệnh truyền nhiễm của người hoặc của súc-vật phát ra trong làng.

Điều thứ 8. — Như có việc quan đòi Hương-chức Bàn Hội-tề đến tĩnh thành, thì phải có trát của quan Tham-biện chủ-tĩnh mới dặng; quan tòa-án có đòi Hương-chức thì phải chỉ riêng đích danh từ người.

Quan viên khác có cần dùng Hương-chức làng, thì phải xin cùng quan Tham-biện; trừ ra khi nào có pháp-luật điều-lệ định sẵn cho các sở các việc Nhà-nước có quyền sử-khiến Hương-chức tại chỗ, thì thôi.

Tại tĩnh thành thì giấy xin sử-khiến Hương-chức phải gửi cho quan Tham-biện.

Điều thứ 9. — Phần trách-cứ chung chịu của Hương-chức, và sau nữa của dân-làng, mà phải đền bồi bằng tiền bạc, thì chỉ có trong mấy khoản sau này :

1^o Thâu thuế ;

2^o Điền lính ;

3^o Phá hoại các đường xe lửa nhỏ và xe lửa lớn, dây thép điện-tín và điện-thoại, đê-đập bọng-cống, ống dẫn nước và đại khái hết thảy đường thông thương và những đồ vật chi của Nhà-nước tạo lập và tu-bổ.

4^o Phá hoại cây cối rừng rú trong mấy làng dặng phép hưởng nhờ quyền lợi về lâm sản ;

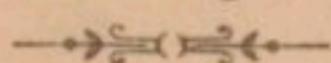
5^o Về việc rượu lậu và nha-phiến lậu.

Sở Nhà-nước nào có can-thiệp thì phải lập bằng có buộc làng về tội thông đồng hay là về tội kiểm-sát sơ thất.

Khi nào Hương-chức làng xem như có lỗi phải bị đều trách cứ, thì quan Phó-đốc-ly sở Thương-chánh trước khi truy-tố phải thương-lượng cùng quan Chủ-tĩnh coi về làng ấy. Nếu thương-lượng mà không thỏa thuận dặng hai đảng, thì buộc phải đệ trình vụ ấy lên quan Thống-đốc, và như còn không thuận nữa, thì trình lên quan Toàn-quyền dặng cho ngài định coi phải mở đường truy-cáo Hương-chức can-phạm cùng chấng.

Các điều đã định như vậy, nhưng mà nếu có thể lệ nào khác do nơi pháp-luật và chỉ-dụ đương thi hành, thì phải tuân theo thể-lệ ấy.

Thôn-xã phải lãnh phần trách cứ về việc trả những tiền phạt-vạ hoặc tiền bồi thường của quan trên hay là tòa-án đã phạt trong những vụ kể ra nơi khoản thứ 3^o, 4^o, 5^o (của điều thứ 9 này). Sau sẽ có một tờ thông cáo của quan Thống-đốc định cách chia những phần của Hương-chức và thôn dân phải trả.



CHƯƠNG THỨ BA

Quyền trừng phạt của Bàn Hội-tề và của các Hương-chức Nghị-viên. — Việc ngưng chức và cách chức Hương-chức.

Điều thứ 10. — Hương-chức đương niên có những quyền hành tùy theo chức phận, nghĩa là có phép lưu giam tại nhà hội làng, vừa đủ ngày giờ đặng xét riêng sơ-lược rồi mới giải nạp giấy tờ nội vụ và người bị cáo đến nha Biện-lý. Dầu thế nào sự lưu giam người bị cáo tại nhà hội làng cũng phải cho hết sức mau.

Điều thứ 11. — Hương-chức hội-tề đặng phép phạt ngày canh tại nhà hội làng mấy người dân nào chẳng chịu tuân hành điều-lệ của phong-tục và của Nhà-nước lập ra để lo việc tuần phòng và các việc công trong làng, mà phạt vậy là khi nào sự từ-nan nghịch mạng ấy không đủ tội tình đặng giải ngay kẻ phạm đến trước Tòa-sơ cảnh-sát, y theo điều-lệ của nghị-định ngày 24 Février 1903; song phạt vậy thì không đặng quá năm ngày canh.

Mấy ngày canh gia phạt và mấy ngày canh thường-lệ của dân, thì cho chuộc bằng tiền đóng cho làng y theo giá chuộc ngày công-suru thường.

Điều thứ 12. -- Hương-chức hội-tề đặng phép giam tại nhà-hội làng mấy người dân bị bắt đương trường say-sưa hoặc làm đều chi rối loạn nhục-nhả trong làng, nhưng mà chẳng hề giam đặng quá 24 giờ.

Điều thứ 13.— Hương-chức nào bê trễ bổn-phận thường ngày hoặc lầm lỗi nặng, nếu có Cai-tổng hay là Bàn Hội-tề chứng kiến hẳn hỏi theo phép, thì quan Chủ-tĩnh sẽ có quyền gia phạt như sau này :

Quở-trách sơ ;

Quở-trách có dán lời quở ấy tại nhà Hội làng trong một thời gian lâu hay mau ;

Ngưng chức ;

Bãi chức ;

Cách chức.

Hương-chức nào bị cách chức hay là xây bị phạt tù thì không đặng dự vào Bàn Hội-tề nữa.

Hương-chức nào có trát Tòa dạy bắt thì phải ngưng tạm chức lại.

Mỗi tháng hai kỳ, phải gửi tới cho quan Tham-biện một tờ biên đủ các khoản phạt vạ và trừng phạt theo điều thứ 11, 12 và 13, mà phải kể hết duyên-cớ của các sự phạt ấy.

Khi nào cả thấy Bàn Hội-tề hay là phần nhiều hương-chức Hội-tề có lỗi nặng, hoặc quyết tình kháng-cự làm trở ngại công-việc làng, thì quan Tham-biện Chủ-tĩnh sẽ có quyền giải tán Bàn Hội-tề và chiêu lập lên một Bàn ủy-viên cai-trị thế cho đó, lâu mau tùy sự cần dùng.

CHƯƠNG THỨ TƯ

**Phận sự Bàn Hội-tề về việc tài-sản của làng.
Cách thức cho phép làng thưa kiện tại Tòa.**

Điều thứ 14 — Tài-sản các hạng của làng, nhưt là tài-sản kê chánh danh là “*Công-điền*” tài-sản kê là “*Công-thổ*” và những tài-sản hồi trước cước bộ kê là “*Bổn thôn điền*” và “*Bổn thôn thổ*”, thì Bàn Hội-tề có quyền lo cho mướn trong hạn 3 năm, hoặc 6 năm, hoặc 9 năm.

Điều thứ 15. — Những tờ cho mượn lập y theo lệ định trong điều ước, thì chừng nào có quan Tham-biện Chủ-tĩnh phê nhận rồi mới là đủ phép, bằng không thì chẳng có khoản nào của tờ ấy mà có công hiệu gì dặng. Nhưng mà mấy tờ cho mượn kỳ hạn quá 3 năm thì phải đệ-trình lên cho quan Thống-Đốc xét với hội nghị tư, cho phép trước mới được.

Điều thứ 16 — Muốn phát mãi ruộng đất nào của làng, dầu mãi lai thực cũng vậy, thì cần phải có quan Tham-biện chạy tờ bày đủ duyên cớ về việc mãi ấy cho quan Thống-Đốc và Ngài cho phép trước rồi mới dặng. Tờ mãi, về thuận mãi hay là về đấu giá phát mãi, có quan Thống-Đốc phê chuẩn rồi mới là thành lập.

Điều thứ 17 — Cấm Hương-chức chẳng dặng vay hối số tiền chi cho làng, trừ ra khi nào có phép Bàn Hội-tề thương nghị đúng luật và tờ bàn nghị ấy đã dặng quan Tham-biện phê-chuẩn, hoặc là quan Thống-Đốc Namkỳ phê-chuẩn nếu số tiền vay quá một ngàn đồng bạc, mới dặng vay.

Tờ tá, tờ mãi hay là tờ vay mượn nào, dầu có nhận mộc ký làng cũng vậy, nếu lập ra nghịch với các điều-lệ của nghị-định này, thì không có can hệ đến làng, mà chỉ can hệ đến Hương-chức nào đã đứng ký tên, Hương-chức ấy sẽ coi như thường dân vậy.

Điều thứ 18. — Chẳng làng nào dặng thưa kiện trước Tòa nếu không có phép riêng của quan Tham-biện.

Mỗi khi án xử rồi, nếu làng muốn chống án lên Tòa trên thì phải xin phép quan Tham-biện một lần nữa.

Điều thứ 19 — Làng nào xin phép không dặng, thì có quyền kêu nài đến quan Thống-Đốc xét nơi Hội Nghị-tư. Phải kêu nài trong hạn ba tháng kể từ ngày tiếp dặng giấy truyền cho hay rằng quan Tham-biện đã định không cho phép; bằng quá hạn ấy thì mất quyền kêu nài.

Điều thứ 20 — Phàm ai muốn kiện làng thì phải trình trước cho quan Tham-biện một lá đơn khai rõ mối kiện và

duyên có vụ kiện. Hết hạn đơn thì có biên-lai thu nhận cho người đứng thưa. Trình đơn rồi thì các hạn-lệ về sự đắc quyền hoặc thất quyền đều đình lại cả. Thu đơn rồi thì quan Tham-biện phải lập tức truyền giao đơn ấy cho Bàn Hội-tề thương-nghị.

Điều thứ 21 — Dầu thế nào trong hạn 15 ngày, phải gửi lời thương-nghị của Bàn Hội-tề cho quan Tham-biện, đặng Ngài định coi nên cho phép làng đối nại trước Tòa hay không.

Lời nghị-định của quan Tham-biện phải ra trong hạn hai tháng kể từ ngày phát biên lai thu nhận nói trong điều trước đây.

Điều thứ 22.— Lời nghị-định nào của quan Tham-biện không cho phép đối nại, thì phải chỉ rõ duyên cớ làm sao.

Như quan Tham-biện không cho phép, mà Bàn Hội-tề có thương-nghị ưng kêu nại, thì Xã-trưởng đặng phép kêu nại tới quan Thống-đốc nơi Hội-nghị-tư. Trong đơn kêu nại phải chỉ cho hết sức rõ mối kiện và phải có ý-kiến của Quan Tham-biện phê vào mà chuyển-đệ lá đơn lên quan Thống-đốc.

Phải phân xử việc kêu nại cho xong trong hạn 2 tháng kể từ ngày biên thu lá đơn tại phòng từ hàn Hội-nghị-tư.

Điều thứ 23.— Phải đợi cho có lời nghị-định của quan Tham-biện cho phép rồi mới đặng vào đơn kiện; và như không có nghị-định ra trong hạn định nơi điều thứ 21 thì phải đợi cho quá hạn ấy rồi mới đặng phép kiện.

Như có kêu nại về nghị-định của quan Tham-biện thì việc kiện phải đình lại cho đến khi phân xử việc kêu nại cho xong đã; và bằng không có phân xử trong hạn định nơi điều trước đây, thì việc kiện phải đình cho tới khi mãn hạn ấy.

Chẳng khi nào làng đặng ra đối nại nếu quan trên không cho phép rõ ràng chắc chắn.

Điều thứ 24. — Nhưng mà, chẳng cần có phép trước, Xã-trưởng dặng vô đơn kiện hoặc đối nại về những việc cản trở trong sự ở yên nhà đất, cùng là làm đều chi khác dặng bảo-tồn tài-sản tạm thì, hoặc đình hoãn các kỳ-hạn có thể làm mất quyền.

Không có phép, Xã-trưởng cũng dặng chống án lên tòa trên và xin phá án tòa thượng-thẩm; nhưng mà làm vậy rồi, thì cũng phải xin thêm phép khác mới dặng hầu việc trong sự chống án hoặc phá án ấy.

Điều thứ 25. — Như làng có ưng thuận tính việc gì với ai, thì phải có nghị-định của quan Thống-đốc ngồi Hội-ngị-tư công nhận rồi, việc ấy thì hành mới dặng.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Việc đi đường và tiền bồi cấp lộ phí.

Thế-lệ đại khái.

Điều thứ 26 — Hương-chức nào mà có lệnh của một sở Nhà-nước Langsa đòi hỏi, phải đi khỏi chỗ mình ở theo điều kiện chỉ trong điều thứ 8 trước đây, thì dặng phép lãnh tiền phụ-cấp lộ phí.

Hương-cả, Hương-chủ và Hương-sur thì đứng vào hạng ba trong bản đính theo lời nghị ngày 13 Juin 1927 định tiền phụ-cấp cư trú và hành-lộ để trả cho các chức viên bản-quốc.

Hết thấy Hương-chức khác thì đứng vào hạng tư trong bản đính theo lời nghị ngày 13 Juin 1927 nói trước (xem bản in dưới đây).

Điều thứ 27. — Tiền phụ-cấp ấy về phần công-nho của sở Nhà-nước nào đòi Hương-chức đó chịu và người Hương-chức ấy phải trình giấy đòi mới được trả.

Điều thứ 28. — Tiền lộ phí về vụ thu thuế khóa, làm công-sưu và các việc công trong làng, tiền giải đến nha Biện-lý những kẻ bị cáo về tội đại-hình và tiểu-hình đã phạm

trong địa phận làng đều là sở phí cần yếu công-nho làng phải chịu.

Điều thứ 29 — Tùy làng lớn nhỏ và phần việc của Hương-chức nặng nhẹ, Bàn Hội-tề có thể thương nghị dùng công-nho mà trả tiền phụ-cấp ít nhiều cho Hương-chức, song lời bàn-nghị của Bàn Hội-tề phải có quan Tham-biện phê chuẩn mới dặng. Theo lý thì tiền phụ-cấp ấy để trả cho công việc làm xác-đáng mà thôi.

Điều thứ 30 — Nghị-định này phải làm ra yết-thị bằng chữ Lang-sa, chữ quốc-ngữ và chữ nho mà dán trong hết thảy các làng ở Nam-kỳ và phải làm ra yết-thị bằng chữ Cao-miên mà dán trong mấy làng có người bôn thổ Cao-miên ở.

Điều thứ 31. — Những thể-lệ nào trái với nghị-định này đều hủy hết.

**BẢN PHỤ-CẤP LỘ PHÍ VÀ CƯ TRÚ
CỦA HƯƠNG-CHỨC
(Thường kêu là phụ-cấp đi đường)**

HẠNG	MỘT PHỤ CẤP TRỌN	PHỤ CẤP TRẢ CHO		
		1 bữa ăn 11 h. 30	2 bữa ăn 19 h.	1 đêm ngủ ngoài
3 ^o	0 \$ 90	0 \$ 30	0 \$ 60	0 \$ 30
4 ^o	0 , 60	0 , 20	0 , 40	0 , 20



KHOẢN THỨ II

**a) Châu-tri số 222 ngày 24 Novembre 1916
của quan Thống-đốc Nam-kỳ.**

Hương-chức hội-tề được tưởng-lệ như sau đây :

1^o) Hương-chức đương niên hay là đả nghĩ và đả làm đến chức Hương-Cả sau khi giúp việc được 12 Năm thì được hưởng sự cúng tế đưa đón của làng lúc lâm-chung và được thưởng khuê-bài.

2^o) Hương - chức đương niên dầu làm chức gì cũng vậy, lúc mảng-phần được làng dọn một bàn đưa mà đưa đến phần mộ.

3^o) Hương-chức nào làm Hương-Cả đặng 3 năm, nếu còn tại chức thì được lãnh chức Đại-Hương-cả. Chức ấy là một chức danh dự chớ không phải là chức lớn hơn Hương-Cả. Trong các cuộc hội hiệp về việc công và cúng tế trong làng thì Đại-Hương-cả được ngồi chung bàn với Cai, Phó-tổng và Hội-đồng địa-hạt.

4^o) Hương - chức được trọng đãi vì là người thay mặt cho hương-thôn, và hễ giúp việc có công thì được thưởng khuê - bài.

*
* *

**b) Châu-tri số 497-API ngày 5 Octobre 1938
của quan Thống-đốc Nam-kỳ** — Cho các quan Chủ-tính hay rằng nếu Hương-chức thừa dịp thu thuế mà bắt giam người ta để trả thù riêng cho mình thì chẳng những là bị trừng phạt (cách-chức, ngưng chức, vãn vãn) mà lại còn bị Tòa án buộc tội nữa.

*
* *

**c) Châu-tri số 488 ngày 30 Septembre 1938
của quan Thống-đốc Nam-kỳ.**

Mỗi khi Hương-chức được phái chứng kiến những cuộc đo đất, phân ranh rấp giới-hạn, thì được lãnh tiền phụ cấp mỗi ngày là 0\$85.

Nếu đo đất công-diễn thì công-nho làng chịu tiền ấy, còn nếu người họa - đồ đo đất cho một người kia mua đất quốc-gia mà cần dùng đến Hương - chức phái-viên thì chủ mua đất phải chịu tiền phụ-cấp ấy.

**d) Châu-tri số 80 - B ngày 13 Février 1939
của quan Thống-Đốc Nam-kỳ.**

Hương-chức Hội-tề đương-niên được phép nằm nhà-thương, làng xuất công-nho mà chịu bớt cho một phần tiền.

Hương-cả, Hương-chủ và Hương-sư thì nằm như các viên-chức sắp vào **hạng ba** về lương bổng (3è catégorie, lương từ 751 \$ 00 tới 959 \$ 00 mỗi năm). Như nằm phòng hạng 2 \$ 00 thì phải trả 0 \$ 60 còn công - nho làng trả 1 \$ 40.

Còn các Hương-chức khác thì nằm như các viên-chức sắp vào **hạng tư** về lương bổng (4è catégorie, lương từ 456 \$ 00 tới 750 \$ 00 mỗi năm). Như nằm phòng 1 \$ 50 thì phải trả 0 \$ 50 còn công-nho làng trả 1 \$ 00.

Phải nhớ rằng Hương-chức đương niên mới được hưởng ân-huệ ấy, còn Hương-chức ngoại Hội-tề hoặc cựu thì không được.

*
* * *

**e) Châu-tri số 87 - B ngày 13 Février 1939
của quan Thống-Đốc Nam-kỳ (Hương -kiểm -điền)**

Trong mỗi làng, Chánh-phủ đặt ra một viên Hương-kiểm-điền chọn trong các vị Hương-chủ, Hương-sư, Hương-chánh và Hương-giáo để mà khảo-sát các vấn-đề về ruộng nương : tu bổ ruộng đất, chọn lựa lúa giống, làm cho ruộng sanh sản nhiều thêm.

Hương-kiểm-điền là viên phụ-tá của Sở Mễ-Cốc, và làm phái-viên trong các cuộc đo đất, lấy bông-đồ và giúp sức với các viên-chức sở Khám-đạt.

Có xảy ra việc tranh tụng về canh - nông giữa Chủ - điền thì Hương-kiểm-điền phải phúc bẩm cho quan Chủ-tỉnh rõ và lập vi-bằng khi có sự hư hao phá tán chi trong những công-tác canh-nông ích lợi chung (như kinh dần thủy nhập điền, đập cống vân vân . . .)

Hương-kiểm-điền phải lãnh làm các cuộc điều tra và các bản thống-kê mà Sở Mễ-Cốc và Sở Canh - Nông cậy làm. Hương-chức ấy phải phúc bẩm về các sự sâu bọ cắn phá, phải bán lúa giống và những cây có trái chiết ra, khảo sát về số lúa dự trữ, chọn người giúp việc và giữ gìn những phương pháp trừ sâu bọ thi-hành cho đúng đắn.

Những việc giao thiệp giữa Sở Mễ-Cốc và Hương-kiếm-điền luôn luôn phải nhờ Tòa-bổ chuyển đạt.

*
* *

Số tiền sở Mễ-Cốc bán lúa giống được bao nhiêu thì cho Hương-kiếm-điền một phần huê-hồng.

Vị Hương-chức ấy mỗi khi đi việc quan được hưởng tiền phụ-cấp, chiếu theo điều thứ 26 nghị-định ngày 30 Octobre 1927.

*
* *

Chiếu theo **nghị-định quan Toàn-quyền ngày 13 Septembre 1940** thì Hương-kiếm-điền và các viên phụ-tá sở Mễ-Cốc Đông-Dương, bán lúa giống dùm cho Sở ấy được bao nhiêu thì được hưởng huê-hồng hai phần trăm (2%) của số tiền bán.

KHOẢN THỨ III

Nghị-định ngày 3 Aoút 1939 của quan Thống-độc Nam-kỳ lập các quan-bài Hương-chức Hội-tề.

Điều thứ nhất. — *Trong các cuộc hội-hiệp về việc quan hay là để cúng tề, thì Hương-chức Hội-tề kể trong điều thứ nhất nghị-định ngày 30 Octobre 1927 chức nào mang quan-bài theo chức nấy.*

Điều thứ nhì. — *Đại-Hương-cả mang quan-bài bằng một miếng vàng, các Hương-chức kia thì mang quan-bài bằng bạc có ba kiểu :*

kiểu thứ nhất cho Đại-Hương-cả, Hương-cả, Hương-chủ và Hương-sư ;

kiểu thứ nhì cho Hương-trưởng, Hương-chánh, Hương-giáo, Hương-quấn và Hương-bộ ;

kiểu thứ ba cho Hương-thân, Xã-trưởng, Hương-hào và Chánh-lục-bộ.

Quan-bài ấy vì muốn để cho lâu nên sẽ làm bằng một chất kim-khi pha thứ này với thứ kia, rất chắc ; trên quan-bài có chạm chức, tên làng và tỉnh.

Miếng ấy sẽ mang trên ngực, phía trái, bằng một cái ghim.

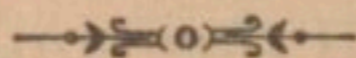
Điều thứ ba. — Công-nho mỗi làng sẽ xuất tiền mua quan-bài để làm của làng và giao cho mỗi Hương-chức mang trong thời kỳ mình làm chức ấy.

Nếu người Hương-chức làm mất quan-bài thì phải làm tờ khai mất và Bàn Hội-tề lập vi-băng; nếu vì vô ý từ, bỏ thờ mà mất thì người làm mất phải thưởng.

Điều thứ tư. — Các ông Đại Hương-cả không giúp việc trong Bàn Hội-tề cũng được phép mang quan-bài của mình trong các đám hội hiệp về việc công hay là trong việc cúng tế, song phải xuất tiền mình mà mua.

Điều thứ năm. — Mỗi năm, sau khi quan Chủ-tính phê chuẩn tờ cũ Hương-chức Hội-tề rồi, thì Hương-chức mới bổ hoặc sang chức khác, đều được lãnh quan-bài của chức mình trong một cuộc lễ tại nhà-việc, quan Chủ-tính sẽ trao quan-bài cho mỗi vị Hương-chức; nếu ngài mắc việc thì ngài phải một viên quan khác thế mặt.

Sau cuộc lễ ấy sẽ có một cuộc lễ nơi đình do Hương-chức lo việc cúng kiến tổ-chức.

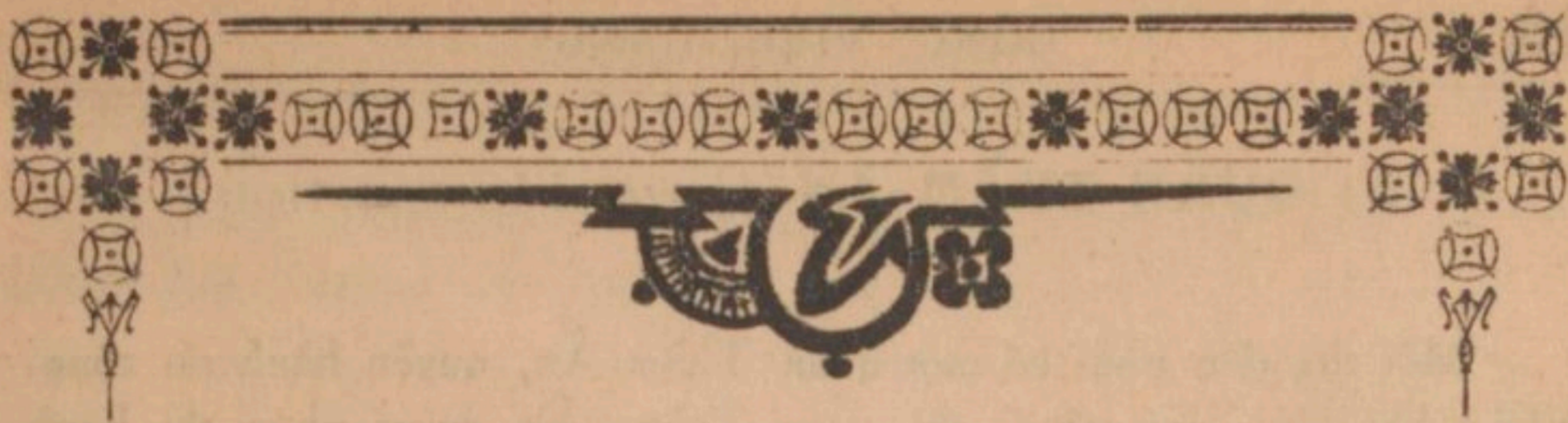


QUAN-BÀI CỦA XÃ-TRƯỞNG

Chiếu theo mạng-lệnh ngày 30 Décembre 1871 thì Xã-trưởng mang dây băng tam sắc có hai ngù tui bạc. Dây băng ấy Nhà-nước mua cho.

Nếu làm mất thì Xã-trưởng phải bầm với quan trên, quan sẽ viết thơ mua giùm mà xã phải trả tiền, vì Nhà-nước mua cho một lần mà thôi; nghĩa là Xã-trưởng năm 1940 thôi, giao dây băng lại cho xã năm 1941, nếu Xã-trưởng này làm mất thì phải mua mà mang.

Mỗi khi Xã-trưởng thừa hành công-vụ thì phải mang dây băng dặng cho người ta biết.



PHẦN THỨ NHÌ

PHẬN-SỰ CỦA HƯƠNG-CHỨC phụ-tá quan Biện-Lý

KHOẢN THỨ NHỨT

a) QUAN BIỆN-LÝ (Procureur de la République)

Quan Biện-lý là một quan tòa được trọn quyền hành-động trong địa phận mình về việc :

1^o) *tuần-phòng*, vì ngài là viên quan thuộc đề-hình (officier de police judiciaire) ;

2^o) *buộc tội*, vì ngài là viên quan tòa đứng buộc tội (officier du Ministère public).

Về việc *thứ nhứt* thì ngài tìm những khinh-tội và trọng-tội xảy ra : khán sở thời tang tích,

lấy khai báo chứng cứ,

bắt buộc và xét mình phạm-nhơn,

tra hỏi phạm-nhơn,

xét nhà cửa phạm-nhơn và từng-phạm, thu đồ tang và khán nghiệm.

Ngài thu những đơn từ, tố cáo và phúc-bầm, vi-băng của các viên chức phụ-tá ngài.

Về *phần việc thứ hai* thì ngài phú giấy tờ cho quan Thăm-Án xét và ngài đứng buộc tội trước tòa tiều-hình.

b) **QUAN THĂM-ÁN** (Juge d'Instruction)

Mỗi tòa đều phải có một quan Thăm-ÁN, quyền hành rất rộng. Nhằm khi tội "tại trận" thì quan Thăm-ÁN được phép thi-hành công-việc của quan Biện-Lý như là lấy khai báo, bắt bớ, xét nhà, v. v.

Khi nào quan Thăm-ÁN đến khán sở thời, thì các viên quan khác phải nhường sự tra xét lại cho ngài.

Ngoài những khi gọi là "tội tại trận", thì ngài không được tra hỏi việc gì mà không có trình tờ giấy (dossier) cho quan Biện-Lý xem trước, nhưng mà ngài được phát-hành tờ "dẫn- nạp" (mandat d'amener) và tờ "giam cầm" (mandat de dépôt) không cần phải có lời xin của quan Biện-Lý.

Những đơn từ về việc hình thì thường thường về phần quan Biện-Lý và chức việc phụ-tá quan Biện-Lý thâu, song nếu có ai đến thưa với quan Thăm-ÁN thì ngài cũng được thâu đơn.

Ngài có quyền đòi những kẻ có hay biết đều chi trong vụ ngài đang điều tra, buộc họ thề "lời thiệt khai ngay" rồi lấy khai báo của mấy người ấy.

Nhằm khi chứng cứ ở hạt khác thì quan Thăm-ÁN gửi giấy cậy quan Thăm-ÁN sở tại (tòa hạt đó) lấy khai dùm. Tờ cho thể-hành như vậy gọi là "Commission rogatoire".

Trong sự điều tra, khi quan Thăm-ÁN góp bằng cứ gì đều phải biên hết và xét lấy đồ tang. Tự nhiên ngài được phép tới nhà phạm-nhơn và các người khác đặng xét lấy giấy tờ, đồ đạc, bất kỳ là món gì, miễn là những đồ hữu ích giúp tìm cho được lẽ ngay gian.

Quan Thăm-ÁN được tổng phát bốn thứ tờ :

1° — Tờ đòi hầu (mandat de comparution)

2° — Tờ dẫn nạp (mandat d'amener)

3° — Tờ bắt giải (mandat d'arrêt)

4° — và Tờ giam cầm (mandat de dépôt)

Khi kẻ bị giam làm đơn xin và có lời quan Biện-Lý phê thì quan Thăm-ÁN được cho "tại ngoại hầu tra" (khỏi bị giam cầm) hoặc buộc phải đóng tiền thế chung, hoặc cho khỏi đóng, mà luôn luôn buộc phạm-nhơn phải giao-kết rằng mỗi khi tra hỏi và cho tới chừng tòa xử, hề khi tòa đòi thì nó phải tới hầu liền.

Khi nào phạm-nhơn bị trọng-tội, thuộc tòa Đại-hình xử thì không được hưởng sự "tại ngoại hầu tra".

*
* * *

Tra xét xong rồi, thì quan Thăm-Án giao giấy tờ nội vụ lại cho quan Biện-Lý, rồi nội trong ba ngày, quan Biện-Lý làm tờ, hoặc xin tha phạm-nhơn, hoặc xin giải ra tòa trừng trị.

Như xét không có bằng cứ đủ để buộc tội thì quan Thăm-Án lên án khỏi xử (non-lieu).

Xét ra là tội vi-cảnh (contraventions) thì ngài lên án giải phạm-nhơn ra tòa tạp tụng (tribunal de simple police).

Nếu xét là tội tiểu-hình (délits) thì lên án giải phạm-nhơn ra tòa trừng-trị (tribunal correctionnel).

Như nhằm trọng-tội (tội đại-hình : crimes) thì lên án giải qua phòng Phúc-án (Chambre d'accusation) thăm xét lại.

KHOẢN THỨ NHÌ

a) Về sự phân biệt : Có tội với không có tội. (Sur la culpabilité et la non-culpabilité)

Khi nào có người làm đều trái phép, thì phải xét coi có đủ hai nguyên chất sau này hay không thì mới kể là người ấy có tội :

1^o — đã phạm luật-lệ,

2^o — có ý gian mà phạm luật như thế.

Điều thứ 64 trong luật hình có nói : "Như khi phạm tội, phạm-nhơn mắc cơn điên, hay là có sự gì ép buộc, không thể cưỡng được thì khi ấy vô tội".

b) Nguyên - chất mỗi tội.
(Eléments du délit)

Mỗi tội đều có nguyên-chất riêng của nó, vậy phải đủ nguyên-chất mới buộc tội được.

Như về *tội ăn trộm*, điều thứ 379 luật hình có nói: “Người nào dùng sự gian mà lấy đồ của người ta, thì phạm tội ăn trộm”.

Vậy thì muốn định hình-phạt cho tội ăn trộm được, thì phải:

- 1^o — có lấy một vật kia;
- 2^o — có ý gian mà lấy vật ấy;
- 3^o — vật ấy là của thiên-hạ, không phải của mình.

Như về *tội hoang - đàng*, thì điều thứ 270 luật-hình sửa đổi nói: “Những đứa du-côn hay là những quân vô-vị là những đứa không phương thế chi mà độ nhứt và lại thường thường chúng nó không làm nghề nghiệp chi cả.

Vậy thì muốn định hình-phạt cho đứa hoang-đàng thì phải:

- 1^o — Nó không có phương thế độ nhứt (tiền bạc mà chi độ);
- 2^o — Nó không có nghề nghiệp chi thường thường.

*
* *

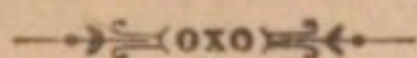
c) Nói về chánh-phạm, tòng-phạm và a-tòng.
(Auteur, co-auteur et complice)

Thường khi, tòa xét những bậc nặng nhẹ trong mỗi tội mà định hình phạt cho mỗi phạm-nhơn, cho nên phân biệt phạm-nhơn làm ba thứ:

- 1^o — Chánh-phạm là người đích-thân thi-hành sự phạm tội;

2° — Tùg-phạm là bộ-hạ chánh-phạm, giúp đỡ cho nó phạm tội, hoặc là hộ-vệ nó trong lúc ấy, hoặc là sau lúc ấy ;

3° — A-tùg là kẻ không có dự vào sự thi-hành phạm tội, nhưng xúi dục kẻ khác phạm, còn nó thì dự thính, hoặc là phi tang mà thôi.



KHOẢN THỨ BA

CHƯƠNG THỨ NHỨT

a) Hương-chức hay về việc tuần-phòng (Notables chargés de la police judiciaire)

Chiếu theo nghị-định ngày 30 Octobre 1927 tổ-chức lại thôn-xả Nam-kỳ, điều thứ 7 (xem Phần thứ nhứt) thì :

Hương-quản hay về việc tuần-phòng, tra xét, bắt buộc, giải tòa, có những Hương-chức nhỏ như phó-hương-quản, cai-tuần, cai-thị, cai-thôn phụ-lực.

Các quan Đốc-phủ-sứ, Tri-Phủ, Tri-Huyện chủ quận, Cai Phó-tổng đều là viên quan bôn-quốc phụ-tá quan Biện-lý trong việc tuần phòng đễ-hình.

Nhằm việc trọng tội, nhứt diện các vị ấy báo cho quan Biện-lý và quan Chủ-tĩnh hay, nhứt diện lo bắt buộc phạm-nhơn mà phải có lính tráng hoặc Hương-chức làng địa-phận chỗ xảy ra tội phạm ấy hiệp lực luôn luôn.

Nếu phải tra xét sơ tại sở-thời, thì quan Biện-lý sẽ dạy tra xét và khi gửi phúc bẩm tra xét cho quan Biện-lý thì phải sao một bôn mà gửi liền một lượt cho quan Chủ-tĩnh rõ.

Về việc gian lậu trong sở ngoại-ngạch quan-thuế như bắt rượu lậu, á-phiện lậu, thuốc lậu v. v. thì Hương-chức phải giúp sức mấy viên-chức sở thương-chánh trong khi họ làm

việc bõn-phận và nếu mấy viên-chức này liệu phải xét nhà cửa chỗ nào thì Hương-chức cũng lo giùm cho thuận tiện.

* * *

**b) Tội tại trận (Flagrant délit) Phận-sự của
Hương-quản trong mấy vụ bắt tại trận.**

Tội chi đương phạm hay là mới phạm vừa rồi, gọi là “tội tại trận”.

Khi nào phạm-nhơn bị người ta la lên nên chạy trốn hay là nhằm khi bắt đặng nó trong mình, trên tay, có quần áo, súng ống, đồ đạc giấy tờ chi tỏ rằng nó đã phạm tội hay là nó đồng đảng với kẻ phạm tội, thì tội của nó đó nên gọi là “tội tại trận”, miêng là tội đó mới xảy ra không bao lâu thì đủ.

Như nhằm tội đương phạm, hoặc mới phạm vừa rồi, hay là nhằm khi phạm-nhơn bị người ta la lên nên chạy trốn, thì đã đành là “tội bắt tại trận”. Song về trường-hợp (cas) thứ hai thì phải có cứ tích gì riêng mới dám chắc rằng cái tội mới nói đây là tội mới phạm: như nhằm khi người ta dám chắc quần áo, súng ống, đồ đạc và giấy tờ đó duy có một mình phạm-nhơn cùng đồng-đảng nó cầm mà thôi chớ không có kẻ nào khác có mấy vật ấy đặng, khi ấy mới gọi là “tội tại trận”.

Nhằm chuyện bắt tại trận mà tội đó phải bị “án thể-hình kiêm nhục-hình” (peines afflictives et infamantes) thì chức việc phụ-tá quan Biện-lý phải đến tại chỗ phạm tội mà tra xét, song trước phải đánh dây thép hay là cho người đem thơ cho quan Biện-lý liệu coi ngài có nên thân-hành tra xét hay không cùng là cho phép mình tra xét.

Hương-quản gặp những tội như vậy thì cáo báo Cai-tổng cùng quan Chủ-quận.

Nếu nhằm tội không đến nỗi bị “án thể-hình kiêm nhục-hình” như liệu đợi quan Biện-lý hay là quan Thăm-án đến cũng không mất dấu tích gì thì cho quan Biện-lý hay, cùng là gửi cho quan Biện-lý đơn thưa kiện hay là lời cáo báo chi của người ta đem đến.

Nhưng nhằm chuyện chi nếu đề cho quan Biện-lý hay là quan Thăm-án đến thì trề nải, mất dấu tích thì phải xem xét tức thì, hay là phải thâu chấp lời khai báo, vì để lâu có lẽ người ta không khai thiệt cho bằng lúc đó.

Vậy thì mỗi khi gặp tội tại trận, thì chức việc phụ-tá quan Biện-lý được phép làm y công việc của quan tòa ấy, nghĩa là, sau khi cho ngài hay trước rồi, thì phải :

- 1° — Khán sở - thời tang tích,
- 2° — Tra xét, lấy khai chứng cứ,
- 3° — Thâu đồ tang, xét nhà, thâu tờ giấy,
- 4° — Niêm đồ tang,
- 5° — Bắt, tra hỏi và xét mình phạm-nhơn,
- 6° — Làm tờ vi-bằng, giải phạm-nhơn và nạp đồ tang.

*
* * *

c) **Phạm sự của viên - chức tuần - phòng, nhằm khi không phải “tội tại trận”**

Mỗi khi không nhằm tội tại trận, người chức việc tuần-phòng thâu lời cáo báo rồi gửi lập tức cho quan Biện-lý và khi nào mình hay biết một cái tội gì (mà người ta không ai cáo báo với mình) thì cũng phải cho quan Biện-lý hay.

Khi nào người ta tới cáo báo một tội gì, dầu không phải là trong phần việc mình, cũng phải gửi lời cáo báo cho quan Biện-lý.

d) Sự cáo báo (Dénonciation)

Cáo báo là cho quan tòa cùng là người thay mặt cho tòa hay rằng có điều trái phép hoặc phạm luật, mặc dầu việc ấy không can phạm gì tới mình.

Có hai thứ cáo báo :

- 1^o — Cáo báo về việc công (dénonciation officielle) ;
- 2^o — Cáo báo về việc tư (— privée).

I — Cáo báo về việc công :

Trong sự này, bất kỳ viên quan chức sắc nào, trong lúc thi hành phận sự mình mà hay biết một tội gì đã phạm ra, thì lập tức phải phi báo cho quan Biện - lý nơi tòa sở tại chỗ phạm-nhơn ở ần, và gửi tờ phúc bẩm khai đầu đuôi mọi sự cho quan tòa ấy rõ.

II. — Cáo báo về việc tư :

Người nào thấy việc chi phạm đến sự bình yên của dân sự, cùng là làm hại đến người hay của cải của người ta, thì phải báo cho quan Biện-ly sở tại chỗ mình thấy sự phạm phép ấy, hoặc là quan Biện-ly chỗ tên phạm tội ở ần.

Người ấy phải viết lời khai của mình hay là mượn kẻ khác làm cho mình, cùng là đọc cho mấy người chức việc phụ-tá quan Biện-ly thấu và viết lời cáo báo ấy cũng dặng.

Viết rồi người cáo báo cùng người chức việc lấy khai đều phải ký tên vô tờ ấy.

Nếu người cáo báo hay người thay mặt người ấy không biết ký tên, hay là không chịu ký tên thì viên chức lấy khai phải biên sự ấy vào, còn giấy thay mặt phải ghim theo tờ cáo báo.

Hễ người ta đến cáo báo việc chi thì chức việc phụ-tá quan Biện-ly không dặng phép chối từ, không chịu chấp lời

cáo báo ấy, trừ ra khi nào ai báo đều gì xem không phải tội lỗi thì thôi, còn bất kỳ báo tội lệ gì cũng phải thu, dẫu mà nhằm chuyện nghi ngờ cũng vậy ; chuyện chắc chắn có bằng cứ cùng không thì để cho tòa xét đoán chớ mình không có phép đoán trước được.

Tờ cáo báo phải đặt cho rõ ràng, phải nói hết đầu đuôi gốc ngọn :

phạm-nhơn dùng cách thế gì mà phạm tội ?

phạm tại chỗ nào, ngày nào ?

tên họ, chức phận nghề nghiệp và chỗ ở mấy người tiên cáo bị thiệt hại, và bị cáo cùng chứng cứ.

Như biết dạng mấy đều trên đây thì phải biên hết vô.

Mỗi khi có ai khai quyết chỉ danh cho một người nào rằng người ấy phạm tội chi thì phải cầm người cáo báo ấy lại mà hỏi cùng tìm thế dọ cho dạng tánh hạnh khí tiết cùng là tên họ tuổi tác của phạm-nhơn và hết thấy những đều làm cho mình biết gốc gác tên phạm ấy là ai (như là hỏi tên cha mẹ nó v. v...).

Khi nào người ta đem nạp một tờ cáo báo đã làm sẵn, thì trước hết phải coi cho kỹ có phải người đi báo đã ký tên trong tờ ấy không, rồi ghi trong tờ ấy rằng mình thu ngày nào, tháng nào.

e) Đơn kiện (Plaintes)

Ấy là tờ khai cùng quan thay mặt cho tòa cùng các viên chức phụ-tá quan Biên-ly rằng có kẻ phạm tội gì cùng làm đều trái phép có thiệt hại đến mình.

Người vô đơn được phép thưa tại phòng :

quan Thăm-án sở tại, chỗ tội lỗi ấy phát ra,

quan Thăm-án sở tại chỗ gia-trụ của phạm-nhơn,

hoặc là phòng quan Thăm-án sở tại chỗ mình nghi phạm-nhơn tẩn ần.

Chức việc phụ-tá quan Biện-lý có phép thu chấp đơn từ rồi gửi cho quan Biện-lý xét.

Người đi thưa được phép làm đơn sẵn đến nạp hay là đến trước mặt chức việc phụ-tá quan Biện-lý mà khai cũng được.

Nếu người ta xin viết dùm tờ kêu nài thì mấy người chức việc ấy phải làm dùm và viết những lời người ta khai, rồi người viết, tiên cáo hay người thay mặt tiên cáo có giấy thế-hành (procuration) phải ký tên vào đơn.

Phải hiểu rằng dầu đơn kiện làm không đủ phép mặc lòng như không ký tên mỗi tờ, hay là người thay mặt không có trình giấy thế-hành cũng phải xét đơn ấy, không được bắt đi.

Tờ cáo báo hay đơn kiện làm cách nào cũng được, không có kiểu mẫu chi hết, làm như đơn, như thơ hay như tờ bắm đều được cả.

Dầu có lời cáo báo hay đơn thưa mặc dầu, viên chức phụ-tá quan Biện-lý cũng chưa được phép bắt người bị cáo, chỉ khi có trát tòa dạy bắt mới đặng phép bắt mà thôi.

f) Trách nhiệm của kẻ đi cáo

Người nào cáo gian làm thiệt hại đến danh dự người ta thì phạm tội vu cáo, bị tòa phạt *từ một tháng tới một năm tù* và *từ 100 tới 3 000 quan tiền vạ*, chiếu theo điều thứ 373 luật hình.

*
* *

CHƯƠNG THỨ NHÌ

Về việc điều-tra

a) Khán sở thời tang tích (Constat des lieux)

Mỗi khi có người tới phi báo sự gì với viên-chức phụ-tá quan Biện-lý thì viên-chức ấy phải tới tận nơi mà khán nghiệm tang tích.

Tới tại chỗ rồi, người chức việc phải cấm, đừng cho ai trong nhà đi ra và cũng được phép cấm ngăn mấy nẻo đường như vậy nữa. Ai bất tuân thì bắt giam cầm, đợi tra xét rồi sẽ thả ra. Như quan Biện-ly xin phạt thì người bất tuân ấy sẽ bị phạt nặng nề.

Rồi thì người chức việc phải khán tang tích, biên chép cho kỹ hết thấy các điều tỏ ra tội ấy là tội gì, phải nói rõ về cảnh chỗ đó, cùng những vật gì có tại đó cũng phải biên vô. Phải đo từ chỗ này tới chỗ kia là mấy thước; bất kỳ đều gì tuy nhỏ mọn mặc lòng cũng đừng bỏ qua.

Như từ chỗ phạm tội tới mấy cái nhà khác xa hay gần; chỗ ấy như có la rầy, người ta nghe tiếng tới được không. Hoặc có người bị đánh, đâm chém tại chỗ nào, chạy tới chỗ nào mới té xuống mà chết hay bất tỉnh; hoặc trong đường đi có dấu tích gì; nhằm mấy chuyện như vậy thì vẽ một cái bông-đồ dựng cho dễ hiểu đầu đuôi gốc ngọn.

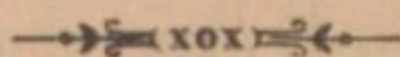
Nhằm khi một tội gì có tang tích để lại như là dấu chơn người ta, cùng là các thứ dấu gì khác, thì phải xem xét và nói hình trạng dấu đó cho rõ ràng, như dấu giày có dấu đinh trên mặt đất thì phải đếm coi mấy dấu đinh và coi có đều gì lạ thì biên vô, giả như trong mấy cái đinh ấy có cái nào cao hơn, cái nào thấp hơn mấy cái kia không.

Như có nghi cho tên nào thì đem nó lại đo dấu giày nó, dấu chơn nó với dấu trên mặt đất, coi có phải một dấu hay không.

Về chuyện cạy cửa cạy tủ cùng là phá rào, phá vách, thì cũng phải biên cho kỹ. Nếu mấy cái dấu ấy để lâu thì phải lu lờ hay là mất đi, như xem xét tức thì không dựng kỹ thì phải cho người coi giữ cho mấy cái dấu ấy còn y nguyên.

Phải thâm khí giới cùng đồ đạc bất kỳ món gì tên phạm đã dùng mà phạm tội cùng là những đồ của phạm-nhơn bỏ lại cùng là bỏ quên và thâm những vật gì bất kỳ, miếng là

đồ ấy có thể bày rõ chuyện ngay gian trong sự tra xét đó thì thâu hết, còn những vật gì không ăn nhập trong việc ấy thì chớ nên thâu lấy.



b) Lấy khai báo chứng cứ. (Audition de témoins)

Phải cần cấp lấy khai chứng cứ lúc sự phạm tội mới phát giác ra ; như thế sự gian ngay mới rõ đặng, chớ nếu để lâu rồi khó biết đầu đuôi gốc ngọn cho thiệt được, vì chứng cứ có thể bị năn nỉ, cám dỗ hăm dọa mà nói thêm, nói bớt, nói đi, nói lại không ngay thẳng.

Khi lấy khai chứng cứ thì lấy riêng từ người, đừng cho họ toa rập với nhau, đừng cho họ sợ sệt sự gì cùng là nghe lời ai.

Khi nào mấy người chứng đã tụ hiệp nhau rồi trước khi lấy khai họ được, thì phải làm làm sao cho họ đừng bàn luận với nhau về vụ mới xảy ra đó, và nhứt là đừng để cho chứng nào đã khai rồi nói chuyện lại với người chứng mình chưa hỏi.

Lấy khai chứng thì đừng cho phạm-nhơn nghe.

Trước hết phải hỏi chứng tên họ gì ?

có tên riêng gì không ?

mấy tuổi ?

làm nghề nghiệp gì ?

nhà cửa ở đâu ?

có bà con xa hay gần với phạm-nhơn không ?

Rồi thì biểu chứng nó biết sự gì thì khai hết đừng thêm bớt cứ sự thiệt mà khai.

Như chứng không biết tiếng Annam, thì kiếm người làm thông ngôn cho nó. Như nó câm và không biết chữ thì cũng lựa người làm thông ngôn, như câm mà biết chữ thì viết câu hỏi cho nó trả lời.

Trong khai, chúng phải nói hết thấy những điều nó mắt thấy tai nghe, điều gì người ta học lại với nó, hoặc là nghe phong phanh, nó phải đọc lại cho kỹ lưỡng đủ điều mọi sự, làm cho có bằng cứ rằng tên phạm quả ngay hay là gian.

Người chứng phải nói bởi cứ nào mà hay biết chuyện nó khai đó, lúc phạm tội ấy ban ngày hay ban đêm, lúc ấy tối trời hay là sáng trăng, tội ấy xảy ra chỗ nào, từ chỗ ấy đến chỗ người chứng khai đó ở cùng là tới chỗ mấy người chứng khác nữa ở trong lúc ấy là bao xa.

Lại phải khai bởi cứ làm sao mà tội ấy phạm ra, cách tội đã phạm, hoặc tội ấy mới khởi hành, rồi làm sao nữa, có ai xúi dục gì phạm-nhơn chẳng, cô nghe lời gì chẳng, và có tiếng kêu la gì?

Phạm-nhơn phạm tội ấy bằng khí giới gì, hay là không có dùng khí giới chi hết; khí giới ấy làm hư hại đồ gì?

Nếu phạm-nhơn trốn thì chúng phải tả hình trạng của nó, quần áo màu sắc thế nào, phải khai dạng dễ bề tầm nã nó.

Khai tên họ, tuổi tác, nghề-nghiệp, chỗ ở của mấy tên phạm, chánh-phạm hay là a-tùng cũng vậy, vai tuồng của mỗi đứa làm sao.

Khai tánh hạnh tên phạm tốt hay xấu, nó giàu có đủ ăn hay nghèo khổ; nó trí hóa thông minh hay là khờ dại điên cuồng; cách ăn thói ở của nó thường thường làm sao.

Chúng phải khai những lời nghe phạm-nhơn nói ra, mấy lời nó hăm dọa; nó có quen lớn với nạn-nhơn hay không, bằng-hữu thân thiết hay có oán thù gì; nếu có oán thù thì khai duyên cứ của sự thù oán ấy.

Như phạm-nhơn xin tự-thuận hoặc chịu lỗi, thì viên-chức lấy khai cũng phải biểu người chứng thuật rõ những lời của phạm-nhơn nói cùng là những điều nó đã làm trước khi phạm tội, hay là từ khi phạm tội nó nói lời gì, làm những điều gì, đặt cho người ta luận coi quả thiệt nó có

phạm tội người ta cáo nó đó chẳng hay là nó bị cáo gian.

Khi chúng làm khai rồi, mấy chỗ nào khai không đặng rõ thì phải hỏi chúng lại, biểu nó cắt nghĩa mấy khoản ấy hoặc hỏi thêm mấy điều nó quên khai.

Lấy khai chúng phải cẩn thận, đừng biên sái nghĩa lời khai của nó, đừng lựa câu hỏi không rành để làm cho rối trí nó, lại cũng đừng chỉ đường chỉ nẻo cho chúng trả lời, đừng hăm dọa cũng đừng dọa nó, đừng hứa với nó sự gì, cũng đừng ép uổng.

Xét lấy tang vật gì thì đưa cho chúng coi, tùy theo mỗi khi, thì hỏi những điều cần kiếm cho biết rõ đồ ấy bởi đâu mà có, của ai, để làm gì?

Lấy khai chúng rồi thì bắt buộc phạm-nhơn, xét mình phạm-nhơn, lấy lời khai của nó rồi cho đối diện với chúng hoặc với kẻ a-tùng của nó, hoặc với tiên cáo.

c) Sự bắt buộc (Arrestation)

Khi người ta giải phạm-nhơn đến cho mình thì phải hỏi liền người giải về tội chi mà tên ấy bị bắt giải đến, rồi mới hỏi phạm-nhơn.

Nếu tội có đủ bằng cứ hay tội đáng phạt tù thì giam cầm phạm-nhơn lại đặng giải cho quan Biện-ly.

Nếu không đủ bằng cứ buộc tội, hoặc nếu nhằm tội nhẹ, cũng là nếu người bị bắt đó là người có gia-trụ trong làng tổng thì thả nó khỏi giam cầm, song buộc nó phải đi theo làng mà hầu tòa.

Như bắt buộc tên phạm nào thì phải tra xét *cho mau rồi*, đặng mà giải cho quan tòa.

Điều thứ 10 Nghị-định ngày 30 Octobre 1927 tổ-chức lại thôn-xã Nam-Kỳ nói: "Hương-chức đương-niên có những

quyền-hành tùy theo chức phận, nghĩa là có phép lưu giam tại nhà-hội làng *vừa đủ ngày giờ* đặng xét riêng sơ lược rồi mới giải nạp giấy tờ nội vụ và bị cáo đến nha quan Biện-lý. Dầu thế nào sự lưu giam người bị cáo tại công-sở cũng phải cho hết sức mau. »

Tiếng nói *hết sức mau* như vậy, tuy hiểu rằng *gấp* nhưng mà không có nhứt định phải nội trong mấy ngày mấy giờ phải giải, bằng mà đề trễ kỳ ấy thì phải tội lỗi thế nào.

Khi nào bắt buộc giam cầm người ta, thì bởi chức việc dụng quyền thay mặt cho quan tòa mà làm ; vậy nên nói sơ qua một hai điều về quyền quan Biện-lý và quan Thăm-án trong chuyện bắt buộc đặng cho thiên-hạ do theo mà so sánh coi phải làm sao.

Luật ngày 20 Mai 1863 nói rằng : « khi nào bắt phạm-nhơn, *nhằm việc tại trận* và nhằm tội tiêu-hình, thì quan Biện-lý lập tức phải tra hỏi rồi giải ra phòng xử hội cho tòa xử. Nếu mà bữa ấy không nhằm ngày xử thì phải giải ra *bữa mai*. Nếu mà ngày mai không nhằm ngày xử, thì phải đòi tòa hội xử vụ ấy. »

Điều thứ 93 trong « Hình-sự-tố-tụng-luật » (thể-lệ tra xét việc hình) của Đại-Pháp nói về phận-sự của quan Thăm-án rằng :

« Khi nào có tờ đòi phạm-nhơn hầu thì quan Thăm-án *tức thì* phải tra hỏi nó ; như phạm-nhơn bị tờ dẫn nạp thì nội trong 24 giờ từ khi nó vào khám-đường phải tra hỏi nó.

« Khi phạm-nhơn bị giam vào khám-đường được 24 giờ rồi thì chức việc coi khám phải dẫn phạm-nhơn tới cho quan Biện-lý rồi thì quan Biện-lý nài quan Thăm-án hỏi phạm-nhơn *lập tức*. Nếu quan Thăm-án không chịu tra hỏi, hoặc mắc đi khỏi, thì quan Biện-lý phải nài xin quan Chánh-tòa, hoặc quan nào của quan Chánh-tòa định, đặng tra hỏi phạm-nhơn.

Bằng chẳng tra hỏi thì quan Biện-lý phải dạy thả phạm-nhơn tức thì.

“Nếu phạm-nhơn nào giam tại khám quá 24 giờ mà quan Thăm-án không tra hỏi, hoặc là không có dẫn tới cho quan Biện-lý thì kể như phạm-nhơn bị *giam cầm phi phép*. Cho nên, như người giữ khám với quan Biện-lý bất tuân lời dạy trên đây thì bị trách cứ chiếu theo điều 119 và 120 trong luật hình; và lại điều 615 và 616 trong Hình-sự tố tụng dạy rằng: như có người nào bị giam cầm không nhằm chỗ để làm lao tù, thì phải cho quan Biện-lý hoặc là quan Thăm-án hay.

Rồi thì quan tòa phải tới tại chỗ mà xét, dạy thả người bị giam ra tức thì. Như có bằng-cớ gì nhằm phép dạy nên bắt giam cầm như vậy thì phải dạy giải *tức thì* cho quan tòa nào nhằm phận sự.

“Như quan Biện-lý và quan Thăm-án hay công chuyện làm vậy mà không làm mấy đều mới dạy trên đây thì bị buộc tội a-tùng trong sự giam cầm phi phép”.

Luật cho quan tòa quyền phép bắt buộc chừng ấy thì các chức việc phụ-tá quan Biện-lý và quan Thăm-án phải liệu biện mà làm việc bổn phận kéo lằm lỏi.

Luật hình định hình phạt rất nặng nề, như điều 122 phạt tội “phế khí” (dégradation) những viên quan Nhà-nước nào đã giam cầm ai hay là biểu giam cầm ai tại chỗ không phải là chỗ Nhà-nước lập ra, và lại người nào bắt giam cầm ai mà không có lời của quan có phép sai biểu, và ngoài mấy khi luật dạy phải bắt người ta, thì bị điều 341 phạt tội khổ sai hữu hạn.

d) Xét phạm-nhơn (Fouille du prévenu)

Bắt phạm-nhơn rồi, lập tức phải xét trong mình nó kéo để nó lưu mất đồ tang.

Hề xét gặp đồ gì làm tang thì phải thu và biên rành rõ trong tờ vi-băng.

Phải khâu khỉ giới phạm-nhơn đã dùng mà phạm tội hoặc là sắm đồ mà phạm tội cũng là những đồ gì do sự phạm tội ấy mà làm ra, như bạc giả, tờ giấy giả v. v. . . .

Thâu đồ tang rồi thì đưa cho phạm-nhơn coi, biểu nó cắt nghĩa từ món cho biết của ai, phải đồ ấy là đồ nó dùng hay không, nó dùng làm sự gì, v. v. rồi biên vào vi-băng kế buộc nó ký tên vô.

Như quần áo khăn giầy gì của phạm-nhơn có dấu, do tội nó phạm mà sanh ra, như là có dấu chém, dấu máu, v. v. thì thâu lấy làm đồ tang.

e) Lấy khai phạm-nhơn (Interrogatoire)

Lấy khai phạm-nhơn là cốt để tìm biết cho rõ nó vô tội hay có tội.

Nếu nó chịu rằng nó đã phạm tội ấy thì cũng phải biểu nó đọc đầu đuôi tự sự nó đã làm sao mà phạm tội ấy, nó có a-tùng với tên nào, biểu nó phải chỉ đồ tang ra, v. v. phải kể như là nó không chịu án vậy. Phải nương theo lời nó chịu tội đó mà tìm đồ tang lấy khai chứng cứ, đặng ngày sau nó chối được, như nó có muốn chối đi nữa, thì tang tích đã góp nhóm đủ mà làm tội nó.

Còn như phạm-nhơn chối rằng không biết chuyện chi hết thì phải lấy lẽ công bình mà tra hỏi nó; câu hỏi phải cho rõ ràng, chính chắn, đừng có hai nghĩa, lắt léo. Đừng dùng sự gian trá, gạt gẫm mà gạt phạm-nhơn, vì làm vậy là có ý tà tư, không hợp lẽ công bình. Mình được dùng sự khôn ngoan nhưng phải cẩn thận ý tứ, đừng cho có chỗ nào người ta bắt bẻ được.

Phải dè dặt khéo lằm đến đời binh vực sự vu oan, sự hà hiếp.

Với một người bị cáo chối, mình không nên hỏi nó một cách y như nó chịu rồi; giả như nó chối thì không nên hỏi: "Cái dao này có phải là cái dao mầy dùng mà chém tên X không?"

Cũng đừng có chỉ đường chỉ nẻo cho bị cáo trả lời. Như muốn biết nó có vi-tùng hay không thì đừng hỏi: « Tên X có đồng lõa với mày không? » phải hỏi: « Ai là đồng lõa với mày? » vì câu trước là xúi nó chỉ tên X chứ không phải câu hỏi.

Đừng hứa với phạm-nhơn chi hết, giã như nó chịu tội thì nó được tha, nó chịu thì sẽ làm tội nhẹ, lại cũng đừng hăm dọa nó, làm cho nó kinh sợ trả lời không nhằm câu hỏi hay chịu hoãng những điều không có.

Như bị-cáo khôn lanh quĩ quyết, thì đừng có lấy sự đại khái mà tra nó ; trước hỏi nó dông dài, chuyện xa rồi lại gần, hoặc hỏi đi hỏi lại mấy câu hỏi hồi trước coi mấy câu trả lời của nó có y nhau không. Bị-cáo khai giống gì cứ để cho nó khai, nghe nó khai, hoặc là có chỗ nào hiểu hai cách được thì biểu nó nói lại cho rõ ràng.

Đối với một bị-cáo chịu án với một bị-cáo chối, phải hỏi hai cách khác nhau. Còn tên bị-cáo chối mà có bằng-cớ rằng nó có tội thì cũng hỏi một cách khác, không phải như tên phạm chối mà lại không có bằng cớ gì là nó gian. Gặp việc như vậy kẻ tra xét phải đem trí hóa, dùng sự lanh lợi, cốt làm sao tìm kiếm lẽ ngay gian.

f) Vi bằng tra xét

Luật không dạy phải lập vi-bằng làm sao, những tờ vi-bằng phải có những điều này :

1^o — Biên ngày tháng năm và phải nói vâng lệnh ai dạy đi tra xét ;

2^o — Biên lời khai của mỗi phạm-nhơn, tên họ nó, tên riêng nó, tên cha mẹ nó, nó mấy tuổi ; sanh tại làng nào, nhà cửa ở đâu, có vợ con không, mấy đứa con, nó làm nghề gì, ở với ai, có án tiết chi không ;

3^o — Như nó không biết tiếng Annam : phải có người thông ngôn cho nó ;

4^o — Như tên phạm câm, điếc : như nó biết chữ thì viết câu hỏi đưa nó coi đặng nó trả lời, bằng nó đốt thì lựa người hiểu cách ra dấu của nó đặng làm thông ngôn cho nó ;

Hỏi bị-cáo vậy chớ nó biết vì có lẽ nào mà nó bị bắt không ?

Nó có hay trước rằng có một vụ... mới xảy ra tại... ngày... đó không ?

Bởi làm sao nó biết sự ấy đặng ?

Nó có biết sự gì trong vụ ấy không ?

Trong lúc tội ấy xảy ra thì nó ở đâu ?

Nó làm sự gì trong lúc ấy ?

Nó có dự trong đám ấy chăng ? Nếu có, phần nó làm những điều gì ?

Rồi thì xét lại mấy lời nó khai coi thiệt giả làm sao. Như nó chối, thì chỉ cho nó biết bởi có gì người ta nghi cho nó phạm tội. Đừng cho nó biết tên mấy người cáo nó cùng lời người ta cáo nó cách nào. Như nó một mực chối hoài, khi ấy liền đọc mấy lời khai của chứng cho nó biết, rồi thì cho nó đối diện liền với mấy người chứng ấy.

Như bị-cáo không chịu khai, thì ghi vô vi-bằng rằng nó không chịu khai. Như nó cắt nghĩa vì có gì nó không chịu khai, thì phải biên y như vậy.

Như bị-cáo đã cung xưng, thì phải biên lời nó chịu tội một cách rõ ràng, chắc chắn ; đều nào có, đều nào không cũng phải biên vô. Nếu như nó đã chịu rồi sau nó lại chối, thì cũng ghi lời nó chối và cắt nghĩa vì có gì nó đã chịu rồi chối như vậy.

Như lúc xét hỏi nó, nó say sưa, điên cuồng cùng là không thông thả trí, cũng ghi vô. Bộ nó bình tĩnh hay là sợ sệt, giọng nó như thường hay là đổi tiếng, thì hỏi nó vì làm sao vậy, rồi cũng phải ghi vô tờ vi-bằng mấy lời nó khai đó.

Mấy lời hỏi phạm-nhơn và mấy câu nó trả lời, phải ghi vô cho rõ ràng, cho đủ, đừng sửa lời nó khai. Nó chịu hay

nó chối, cách nó khai mù mờ, ngấp ngừng, lộn đầu lộn đuôi, v. v. đều phải ghi vào y như vậy.

Lấy khai rồi phải đọc khai cho nó nghe và hỏi nó coi có tự quyết y như vậy hay là có thêm bớt chỗ nào không. Như nó thêm bớt điều gì thì ghi thêm sau khai nó.

Như bị-cáo biết ký tên thì biểu nó ký tên vô tờ khai, bằng không thì ghi rằng nó không biết ký; viên-chức lấy khai phải ký tên vô.

g) **Đổi-diện** (Confrontation)

Ấy là sự đem hai người hoặc nhiều người cho giáp mặt đặng đối nại với nhau.

Chứng đổi-diện với phạm-nhơn: chứng nhìn phạm-nhơn ấy quả là người nó nói trong khai hay là không phải. Như phải thì cho phạm-nhơn cải lẽ, bắt bẻ mấy lời của chứng đã khai cho nó.

Phạm-nhơn này đổi diện với phạm-nhơn kia, hoặc với kẻ vi-tùng nó. Nhiều khi nhờ sự đổi-diện ấy mà sự ngay gian tỏ ra minh bạch, vì đũa này đũa kia tranh nhau mà chữa mình cho nhẹ tội.

Còn nhiều cách đổi-diện khác nữa là :

đổi-diện phạm-nhơn với tiên cáo ;

đổi diện phạm-nhơn với cái thầy bị nó đâm chém ;

đổi-diện phạm-nhơn với đồ tang.

Sự đổi-diện phạm-nhơn với cái thầy của nó đã đâm chém nhằm trong cách tra xét luật lệ đã dạy lấy làm bằng, cho nên trong khi đổi-diện ấy, phạm-nhơn nói tiếng gì, lời gì đều phải ghi vô tờ vi-bằng; mỗi sự gì bày ra, lộ ra, trong lúc ấy phải ghi vô hết, như bộ-tịch của phạm-nhơn cứng cõi hay yếu ớt, diềm tĩnh hay sợ sệt, v. v. . .

h) Sự chạy án (Alibi)

Phạm-nhơn chạy án nghĩa là nó tự quyết rằng trong lúc xảy ra cái tội người ta nghi cho nó đó, thì nó ở một chỗ nào cách xa chỗ phạm-tội đó.

Như vậy thì bắt nó khai đầu đuôi gốc ngọn cho rõ ràng: trong giờ ấy nó làm sự gì, có ai thấy, có ai chuyện vãng gì với nó v. v... Rồi đòi mấy tên chứng ấy lấy khai riêng, đừng cho thông tin với phạm-nhơn kịp. Phải chỉ ra cho chắc, hoặc là nhắm chừng từ chỗ sự phạm-tội xảy ra cho tới chỗ bị cáo nói nó ở trong lúc xảy ra đó, đường đi bao xa, đi bộ hay là đi xe, đi ghe xuồng được, đi bộ mấy giờ, đi xe hay ghe xuồng mấy giờ.

i) Sự xét nhà

(Perquisition à domicile ou Visite domiciliaire)

Như mình nghi phạm-nhơn có giấy tờ cùng là đồ đạc gian, mấy vật ấy có thể làm bằng cứ mà đoán tội lỗi nó dặng (mà tội ấy là tội bắt tại trận hay là cách một giây lát kể bắt dặng) thì lập tức phải đi đến nhà phạm-nhơn mà xét và tìm kiếm những vật ấy.

Hễ đi xét nhà cửa thì phải giữ theo lẽ luật, phép tắc như sau này :

1°.— *Phạm-nhơn phải có mặt trong lúc xét.*—

Nếu phạm-nhơn đã bị bắt được thì phải xét nhà cửa nó trước mặt nó ; bằng như phạm-nhơn dự-kiến không dặng hoặc là không chịu dự thì nó được phép cho người thay mặt đi dự-kiến.

Nói : “ không dự dặng ” nghĩa là trong lúc xét, nó không thể nào có mặt tại chỗ tra xét được, như là bị thương tích, bệnh hoạn đi đứng không dặng.

Còn nói : “ Nó không chịu hay là không bằng lòng dự ” nghĩa là nó không có bị đều chi ngăn trở cả, song nó không

chịu bôn thân đến nhà nó mà dự cho quan xét; luật có dạy rằng: Hễ nhằm khi trắc trở như vậy thì phải ép buộc phạm-nhơn dự vô việc tra xét nhà cửa nó, không cho phép nó từ chối. Phạm-nhơn được phép xin cho người thay mặt nó, hễ nó cho phép người nào thế, thì viên-chức điều tra phải biên vô tờ “vi-băng xét nhà” cho rõ.

Sau rốt, nếu ép buộc phạm-nhơn phải dự vô cuộc xét nhà nó mà nó không chịu, cũng không phải người thay mặt thì viên-chức điều tra cũng cứ việc xét nhà nó như thường với 2 người chứng, rồi cũng biên mấy điều ấy vô vi-băng.

2^o.— *Cấm xét nhà ban đêm*.— Theo luật thì nhà cửa người ta mình chẳng phép làm ngan muốn vô ra lúc nào tự ý.

Ban đêm, trong cơn hỏa hoạn, hay nhằm lúc nước lụt cùng nhằm khi nghe người ta trong nhà kêu la cầu cứu thì người ngoài mới dặng vô nhà người ta.

Bên Pháp, trong khoản 1^{er} Octobre cho đến 31 Mars, người ta tính từ 6 giờ chiều cho đến 6 giờ sáng thì kê là đêm, còn trong khoản từ 1^{er} Avril cho đến 30 Septembre thì từ 9 giờ tối cho đến 4 giờ sáng gọi là đêm.

Nhưng vậy không phải cấm tuyệt vô nhà người ta ban đêm, luật cũng cho phép nhằm những khi sau này :

a) Như đã khởi sự xét ban ngày mà chưa rồi thì phải xét leo qua tới ban đêm cho rồi.

b) Như nhằm chỗ bất kỳ ai muốn vô ra cũng dặng, như quán cơm, quán rượu trà, nhà ngủ, v. v... thì có phép vô đó *luôn luôn* dặng coi có rầy rà hay là làm đều chi sai phép không; song phải biết rằng người ta gọi *luôn luôn* là khi nào nhằm chỗ ban đêm chủ nhà mở cửa để ai muốn vô thì vô, vậy mình mới dặng vô ra tự ý, còn như cửa đóng thì không phép vô.

c) Như có người tử tế đáng tin được mạch chắc rằng

có nhà kia chứa cờ bạc thì bất kỳ đêm hay ngày mình cũng đặt phép vô mấy nhà ấy mà xét bắt.

Bất kỳ lúc nào, nghĩa là ban đêm cũng đặt, lính và làng cũng đặt phép vô mấy nhà thờ (nhà số) mà thi-hành phận sự.

* * *

Trừ ra mấy khoản kể trước đây cho phép mình vô nhà người ta ban đêm, chớ thế nào cũng cứ ban ngày mà xét thì phải phép hơn. Nếu nhằm chuyện ban ngày thì phải xét nhà cửa tức thì, còn nhằm lúc ban đêm thì phải đợi tảng sáng mới đặt khởi sự xét. Trừ ra khi nào đã vây nhà kẻ trời tối, thì được phép xét ban đêm.

3^o. — *Về việc phá cửa.* — Khi nào xét nhà là vì muốn kiếm và tịch thu những vật để làm đồ tang ; nên hễ mình liệu như không có điều chi trong luật cấm thì dùng cách xét nhà ấy mà tra xét cho tiện, miễn là xét cho biết có đồ tang cùng không mà thôi.

Như vậy, nếu đến nhà nào cùng phòng chi mà gặp cửa đóng hay là không có người ta trong nhà cùng là trong phòng, hoặc người trong nhà hay trong phòng không cho vô, thì mình đặt phép cho người phá cửa và như có cần dùng lính tráng giúp sức thì cho đòi chúng nó đến.

Còn như gặp đồ đạc bàn ghế chi đóng kín hay là khóa chắc thì cứ việc cho người đi kiếm thợ mở ra, hoặc là mình muốn dùng phương thế chi cũng đặt miễn cho thành công thì thôi.

4^o — *Về sự tra xét đừng thái quá.* — Hễ khi nào coi cách thế chỗ xét hay là liệu có điều chi cùng là tình cờ tố rằng dẫu xét nữa cũng vô ích, thì phải thôi, đừng xét nữa.

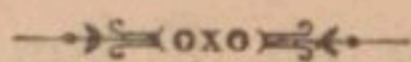
Hễ buồng phòng cùng bàn ghế chi theo trong công việc đương tra xét không chắc rằng có đựng đồ tang thì chẳng nên đá động tới. Còn trong lúc kiếm trong phòng cùng là trong tủ trong bàn thì mình lựa lấy những món chi thuộc về vụ mình tra xét mà thôi và chừa giấy tờ nào không ăn nhập về chuyện án mạng mình đương tra.

Và trong khi xét mà mình gặp dạng giấy tờ chi có chuyện kín của phạm-nhơn, thì bốn phận mình chẳng nên cho ai biết chuyện riêng của người ta.

Nếu nhằm tội mới sơ khởi mà mình muốn vào nhà phạm-nhơn cùng đến chỗ này chỗ kia của nó ở thì dạng, chớ chẳng nên vào nhà của kẻ khác ở gần đó, *trừ ra có một mình quan Thẩm-án dạng* phép xét nhà khác mà thôi.

Nhưng vậy, nếu mình chắc rằng tên nọ tên kia đồng lõa với phạm-nhơn thì dạng phép xét nhà mấy kẻ ấy.

Và như thiên hạ tri hô rằng có kẻ chứa quân gian hay là oa-trử đồ đạc cùng khí giới làm ra tội lỗi ấy thì xét nhà kẻ chứa đó được, vì hễ oa-trử đồ gian thì mắc tội liên can.



j) Xét đồ tang (Saisie des pièces à conviction)

Trong khi xét nhà phạm-nhơn, nếu gặp giấy tờ chi làm bằng có dạng, hay là làm cho biết rõ là nó vô tội thì đưa giấy tờ ấy cho phạm-nhơn coi dạng cho nó nhận là của nó hay là nó cắt nghĩa rằng tờ giấy của ai.

Xong rồi làm vi-băng nói về tờ giấy ấy và biểu phạm-nhơn ký tên vô; như nó không chịu ký tên thì phải biên sự ấy vô vi-băng.

Mấy món đồ theo luật dạng phép lấy làm đồ tang là :

a) Súng ống dao mát, khí giới có lẽ đã dùng hay là để mà dùng dạng phạm tội đang tra xét đó;

b) Những vật chi do tội phạm ấy mà ra ;

c) Những vật chi tuy không phải là súng ống cùng đồ do tội phạm mà ra song có thể làm cho quan rõ ngay gian dạng.

Đồ tang phải cho ăn nhập với chuyện đang tra xét và phải có dấu tích chi làm cho mình biết dạng rằng bị cáo có tội thiệt hay không.

a) *Khi-giới cùng là đồ dùng hay là để mà dùng đặng phạm tội là :*

1^o — Về tội làm bạc giã : máy móc, khuôn và vật chi của kẻ làm bạc giã dùng ;

2^o — Về tội đốt nhà người : mấy món chi để dùng mà đốt, bắt đặng trong mình phạm-nhơn, tại nhà nó hay là tại chỗ cháy nhà ;

3^o — Về tội hại mạng người, thì hết thấy súng ống, dao, chĩa, đồ ăn cùng rượu có thuốc độc, v. v.

4^o — Về tội ăn trộm thì chìa khóa giã, khí cụ để mà cạy cửa phá rào, dũa, thang, v. v...

b) *Những vật do tội phạm ấy mà ra là :* bạc giã, bạc điếc của kẻ làm bạc giã đem ra xài hay là để trong mình, đồ ăn trộm, bắt đặng trong tay kẻ nào có đồ ấy, tờ giấy giã, đồ ăn cùng đồ uống có hơi hay là còn dính thuốc độc đã dùng mà thuốc người ta rồi.

c) *Còn nhiều món đồ khác* tuy không phải là khí giới dùng mà phạm tội mà cũng không phải do tội phạm ấy mà ra, song có thể làm cho quan tòa rõ sự ngay gian đặng như là :

1^o — Những vật chi gặp tại chỗ phạm tội, hay là chỗ khác cũng vậy, miếng là vật ấy có thể làm cho mình biết được đũa nào là chánh-phạm, đũa nào đồng-lỏa với nó ; như là vật chi gặp tại chỗ phạm tội có hình tích chi lạ, có dấu riêng gì, ấy là chỗ có ích cho quan tòa trong khi tra xét.

2^o — Áo quần, chẳng những phải lấy của đũa sát nhọn mà thôi, còn phải lấy của người bị giết chết nữa, bởi vì nếu như áo quần của người chết có máu, dơ rách, thì nghĩa là có chứng cứ trước rồi mới bị giết hay là mới bị đâm chém, v. v.

3^o — Những vật chi có dấu tích của sự sát nhọn hay là sự đâm chém, như : một cục đá có dính máu, bàn ghế gãy bể, thơ từ bắt đặng trong mình phạm-nhơn hay là người ta gởi đến cho nó.

Nhằm khi tịch thu giấy tờ chi của phạm-nhơn hoặc là trong mình nó, hoặc là tại nhà nó, thì quan tòa đặng phép lấy đồ ấy, không ai ngăn cản được, miếng là giấy tờ ấy để làm đồ tang đặng, cùng là làm cho người ta khỏi tội đặng thì được phép thu.

Dẫu trong luật không dạy lấy đồ tang món nào, chừa món nào, song mình phải chừa lại chớ nên lấy đồ vô ích.

Còn trong khi xét giấy tờ gập đặng một cái thơ có gắn keo và đóng con dấu thì phải xé trước mặt phạm-nhơn và đọc cho nó nghe hay là đưa cho nó coi.

*
* * *

Đồ tịch thu rồi thì gói lại, gắn keo, đóng con dấu, nếu có thể làm như vậy đặng thời làm. Bằng đồ tang ấy không thể gói đặng thì bỏ vô ghè, hủ, rương, tráp hay là trong bao, rồi buộc theo một miếng giấy có đóng dấu.

Đồ tang phải biên rõ ràng vô số và mỗi món đều có số hiệu theo thứ tự (numérotés).

Phải biên rằng khi lấy đồ ấy thì đồ mới củ thể nào, làm sao mà đồ ấy ăn nhập vô sự mình đang tra xét.

Trên cái bao đồ tịch thu, trên miếng giấy dán, trên rương hay là trên bao cùng là trên miếng giấy cứng buộc theo đồ ấy đều phải biên tên món đồ và để như vậy :

“Đồ lấy tại nhà tên... ngày... tháng... năm... y theo trong tờ vi-băng của ta làm ngày nay”.

Còn giấy tờ tịch thu thì phải biên số thứ tự trên mỗi tờ và ký tên lên đặng cho khỏi đổi chon được.

Nếu trong đồ đạc bàn ghế của phạm-nhơn, có cái tủ hay cái chi trong ấy người ta nghi có đồ tang, thì viên quan điều-tra được phép niêm lại rồi đóng con dấu; và liệu như cho người giữ tốt hơn thì để người ở trong nhà ấy coi chừng, cho khỏi ai đá động đến niêm ấy.

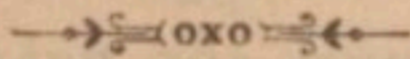
k) Công-việc đặt phòng hờ (Mesures conservatoires)

Nhằm khi chủ nhà chết hoặc bị kẻ nghịch giết, hoặc bị rủi ro, hoặc bởi tự ái, một hai khi viên-chức đê-hình phải truyền dạy sắp đặt căn phòng trong chuyện gia tài,

Khi mấy người hưởng gia tài của người chết ấy còn thơ ấu hay là đi đâu khỏi, thì viên-chức đê-hình phải cho quan tòa biết đặng niêm đồ đạc giấy tờ của người chết để lại.

Như nhằm việc gấp rút lắm, không thể đề trề, thì viên-chức đê-hình cũng được niêm đồ mà phải làm vi-băng riêng về sự ấy và trong phúc-bẩm tra xét phải nói vô.

Một tên phạm-nhơn bị bắt, nếu đồ đạc của nó không ai gìn giữ có thể bị cháy, bị ăn cắp thì viên-chức tuần-phòng cũng phải niêm như vậy. Tuy vậy, như tên phạm có người nào giữ đồ đạc dùm nó, thì không cần lo tới sự niêm ấy.

**CHƯƠNG THỨ BA****a) Bộ đời (Etat Civil)**

Một hai khi phải sao lục bộ đời mà nạp theo phúc-bẩm; sao lục giấy trắng khỏi sở phí gì.

Trong đám nhơn mạng thì sao lục bộ tử, trong đám dâm hôn hay là đám trùng giá trùng thú (đàn ông có vợ lớn rồi làm hôn-thú bậc nhất mà cưới vợ lớn nữa, cũng làm hôn-thú bậc nhất, đàn bà có chồng rồi chưa đẻ mà lấy chồng khác) thì sao-lục hôn-thú cả hai đám mà nạp.

Còn khai sanh thì nạp theo vụ đứa con nít bị hãm dâm, tên phạm chưa thành nhơn, cùng trong những vụ con phạm tội lỗi gì với cha mẹ.

b) **Khán nghiệm (Expertise)**

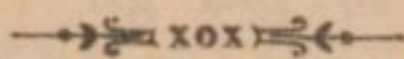
Có nhiều việc, người nào không phải sở-trường theo việc ấy thì không hiểu được.

Như trong việc cưỡng gian con nít, những vụ sát non, dùng thuốc phá thai, giết con nít mới sanh, phải có quan thầy khán nghiệm trước và tỏ ý kiến đặng cho quan tòa buộc tội phạm-nhơn nặng hay nhẹ.

Trong vụ bạc giả, tờ giấy giả, vật thực trộn đồ giả, v. v. đều phải có người thạo theo mỗi việc khán nghiệm.

Những vật vấy quần áo hay là dính vô đồ khác, khi xét ra được vật ấy là vật gì cũng có ích trong sự tầm gian tế.

Bởi vậy cho nên viên-chức phụ-tá quan Biện-ly phải cần kiếp giải người tội với đồ gì có vấy những món hay bay, hay lu hay mòn, làm cho mất tang tích cho quan tòa đặng như phải khán nghiệm thì người còn ngày giờ mà phú cho người sở-trường khán nghiệm. Như là : thầy ma bị kẻ đâm chém, kẻ bị người ta đánh có thương tích nặng, đứa con nít bị cưỡng dâm, áo quần vấy máu vấy tinh ; người đàn bà bị cáo về tội giết con nít mới sanh hay là tội phá thai, v. v... thì chẳng nên để trễ, vì nếu để lâu, dấu tang tích không mất, thì cũng không còn rõ như hồi ban sơ.



CHƯƠNG THỨ TƯ

Nói về tờ Vi-băng.

Trong tờ vi-băng, viên-chức lo việc tuần-phòng phải ghi chép đủ những điều mình đã làm, đã thấy, đầu đuôi mọi việc làm sao, người ta đã làm sự gì, nói những gì trước mặt mình.

Luật không dạy phải làm cách riêng gì.

Thuở nay có xảy ra vụ hình gì thì Hương-chức làm tờ bặ́m ; tờ bặ́m đề về phần chánh-trị, còn tờ vi-bặ́ng thì thường đề về phần tòa án.

Mấy viên-chức tuần cảnh người Pháp hay làm vi-bặ́ng như vầy :

- 1^o— Năm... tháng... ngày...
- 2^o— Tên họ, chức phận người đứng lập vi-bặ́ng,
- 3^o— Nói sự đợn ai kiện thưa hoặc là lời báo cáo của ai,
- 4^o— Sự cho Biệ̣n-ly hay,
- 5^o— Khán sở-thời tang tích,
- 6^o— Xét lấy đồ tang tại chỗ,
- 7^o— Tra xét, lấy khai chứng cứ,
- 8^o— Tầm nặ́ phạm-nhơn, bắt buộc,
- 9^o— Bắt đượ̣c phạm-nhơn rồi, xét mình nó, xét nhà nó, thâu lấy đồ tang,
- 10^o— Tra hỏi phạm-nhơn, cho đối-diện với chứng, đối-diện với đồ tang,
- 11^o— Biên lý-lich phạm-nhơn bắt đượ̣c rồi, và mấy tên phạm-nhơn chưa bắt đượ̣c,
- 12^o— Sự đặt phòng hờ tại nhà tài gia,
- 13^o— Niêm đồ tang, nạp đồ tang,
- 14^o— Đoán lễ ngay gian.

Trong tờ vi-bặ́ng dẫn nạp phải biên cho đủ tên họ tuổi tác nghề nghiệp, nhà cửa của phạm-nhơn và các chứng cứ đặ̣ng cho tòa đệ̀ bệ̀ tầm kiểm chứng nó.

* * *

Sau đây lấy một vụ nhơn-mạng, một vụ đánh lộn và một vụ ăn trộm mà thự̃ đặt những tờ vi-bặ́ng các thứ. Chức-việc phụ-tá quan Biệ̣n-ly nên xem cho rõ ý, sau nhằm chuyện gì thì do theo ý đó mà đặt cho trúng cách.

A. — VI-BẰNG CHUYỆN SÁT NHƠN

a) Vi-bằng khán sở-thời tang tích

Năm một ngàn chín trăm . . . ngày . . . tháng . . . hồi . . . giờ,
(ban ngày hay ban đêm)

Có tên Nguyễn-thị-Ba, ở tại . . . đến báo với chúng tôi là . . . viên-chức phụ-tá quan Biện-ly hay rằng bà sươg-phụ Đổ-văn-Bảy, tên tộc là Trần-thị-Tur bị tên Đặg-văn-Năm chém trọng thương tại xóm . . . làng . . . ; tức thì chúng tôi đến tại chỗ xảy ra án mạng đặg mà điều-tra theo phép. Quan thầy thuốc Trần-văn-X . . . được chúng tôi mời đi, và sau khi tuyên-thệ rồi, liền đi theo chúng tôi.

Nguyễn-thị-Ba dẫn đường chúng tôi tới một cái nhà trong xóm ấy. Trong căn phía trái, tôi thấy người bị chém là sươg-phụ Đổ-văn-Bảy, tên tộc là Trần-thị-Tur nằm trên một chiếc chiếu người đàn-bà ấy, lối sáu mươi tuổi bị thương tích sau đây và coi bộ đau đớn lắm :

1° — Sau lỗ tai trái, một vết thương dài lối bốn phân rưỡi, coi mòi không nặng lắm ;

2° — Trên lưng phía mặt, một vết thương dài lối sáu phân tây. Vết thương này nặng lắm ; khi bình nhơn thở thì nghe hơi xì ra ;

3° — Phía hông trái, một vết thương xéo dài lối năm phân, hơi sâu.

Xem ba vết thương ấy thì có thể đoán rằng bình nhơn bị chém bằng một khí giới bén, nặng và chém mạnh.

Sau khi xét vết tích và bấn bó rồi, quan thầy Trần-văn-X . . . kết luận như sau đây :

“ Mấy thương tích này đều do lưỡi búa hay là lưỡi cuốc chém. Vì bình nhơn trọng tuổi nên có lẽ bị thương tích trên lưng mà chết trong vài ngày. Khó thể mạnh được ”.

Phạm-nhơn là Đặg-văn-Năm tự nạp mình ; chúng tôi truyền va đến và cho đối-diện với nạn-nhơn.

Đặg-văn-Năm nói : “ Người đàn bà này là mẹ vợ tôi, tôi chém người bằng búa ”.

Liền khi đó, một người lân cận là Lê-thị-Tám đem cái búa ấy tới, trên lưỡi búa còn vấy máu đọng lại. Chúng tôi biên sự ấy vô tờ vi-băng tịch thu riêng.

Kế chúng tôi hỏi chứng cứ và hỏi phạm-nhơn; rồi chúng tôi biểu phạm-nhơn diễn cuộc sát nhơn ấy lại, có hai người chứng đã thấy tận mặt chứng kiến.

Đặng-văn-Năm lập lại lời khai va trước: "Vợ tôi là Trần-thị-Chín bỏ nhà tôi mà đi ba tháng nay về ở với mẹ vợ tôi là bà sương-phụ Đồ-văn-Bảy tên tộc là Trần-thị-Tur".

"Cách đây một giờ, tôi đang đóng một cái xe tay bằng tôi thấy vợ tôi đứng sau một tấm vách, nói chuyện với một người đàn ông. Tôi không biết mặt người đó, vì nó đội nón sùm sụp dấu mắt mặt".

"Thấy vậy tôi muốn nhảy lại chụp vợ tôi, mà mẹ vợ tôi là bà Thị-Tur chạy đón tôi và nắm áo tôi kéo lại. Trong lúc ấy trên tay tôi có cầm cái búa; vì mẹ vợ tôi niếu kéo tôi, tôi dùng búa ấy mà chém bả".

Sau khi nghe lời khai ấy, chúng tôi trở lại phòng bịnh-nhơn thì Thị-Tur khai rằng: « Sớm mai này, lối 8 giờ, rề tôi đến hỏi vợ nó dâu. Tôi trả lời rằng tôi không biết, nó liền nhảy tới chém tôi 3 búa. Ban đầu tôi bị chém trong nhà; búa thứ ba tôi bị chém ở ngoài".

Phạm-nhơn trả lời rằng nó không có vô nhà mẹ vợ nó và nó chém mẹ vợ nó chồ nó đã chỉ cho chúng tôi.

Hai người chứng Nguyễn-thị-Ba và Lê-thị-Tám công nhận lời khai của bịnh-nhơn. Hai người ấy đứng tại . . . và . . . lúc xảy ra án mạng và khai rằng chuyện người đàn ông đội nón dấu mắt là chuyện bài đặt và Trần-thị-Chín là vợ Đặng-văn-Năm ít khi đi dâu và tánh hạnh tốt.

Trần-thị-Chín khai rằng nó đang ngồi bên căn phía mặt nhà mẹ nó mà may áo. Nghe tiếng chồng nó, nó liền chạy qua căn phía trái và trốn sau một cái tủ.

Chúng tôi hỏi nó thì nó nói nó ít khi ra khỏi nhà, vậy không thể nó đứng nói chuyện với một người đàn ông được.

Tờ vi-băng này lập ngày . . . tháng . . . năm . . .

b) Vi-băng thu đồ tang (Procès-verbal de saisie)

Năm một ngàn chín trăm . . . ngày . . . tháng . . . hồi . . . giờ.
Chúng tôi là . . . viên-chức phụ-tá quan Biện-lý tòa . . .
có thu những tang-vật sau đây trong vụ Đặng-văn-Năm bị cáo
tội toan sát nhưn :

- 1^o) Một cái búa của phạm-nhơn ;
- 2^o) Một cái áo dài có dính máu của người bị chém là sương-phụ Đồ-văn-Bây, tên tộc là Trần-thị-Tur.

Tờ vi-băng này làm ngày, tháng, năm biên trên đây.

(Ký tên)

c) Hỏi phạm-nhơn (Interrogatoire)

Năm một ngàn chín trăm . . . ngày . . . tháng . . .

Chúng tôi là . . . (tên, họ, chức tước) viên-chức phụ-tá quan
Biện-lý tòa . . . có hỏi tên Đặng-văn-Năm, bị cáo về tội toan sát
nhưn, về tên họ nghề nghiệp của nó, sanh đẽ tại đâu, nhà cửa ở
đâu, tên họ cha mẹ nó, nó có vợ con không, nó biết đọc biết viết
không, nó có bị án tòa không ; nó trả lời như vầy :

“Tôi tên là Đặng-văn-Năm . . . tuổi, làm nghề . . . ở tại . . .
tỉnh . . . sanh ngày . . . tại . . . tổng . . . tỉnh . . . , con của . . .
và . . . , có vợ . . . con, biết chữ, không bị án tiết lần nào.

HỎI — Chú bị cáo về tội toan giết bà Trần-thị-Tur, mẹ vợ
chú tại xóm . . . làng . . . ngày . . .

TRẢ LỜI.— Thưa phải, tôi có chém mẹ vợ tôi tên Trần-
thị-Tur ba búa.

H.— Vì cớ nào ?

T. L — Vợ tôi bỏ nhà đi đả ba tháng nay.

H — Vì lẽ gì vợ chú bỏ nhà đi ?

T. L — . . .

H.— Người ta nói rằng chú hay đánh vợ ?

T. L — . . .

H.— Chú ở với vợ đặng mấy năm rồi ?

T. L.— . . .

H.— Chú nói vợ chú lẳng loạn, vậy chú có thể trưng bằng cớ
chẳng ?

T. L.—

H.— Chú còn khai thêm lời chi không?

T. L. Thưa không.

Chúng tôi có đọc tờ này lại cho nó nghe, nó không thêm bớt chi, rồi ký tên với chúng tôi.

Phạm-nhơn (ký)

Người chức việc (ký)

d) Đơn thưa của tiên cáo.

Năm một ngàn chín trăm . . . ngày . . . tháng . . .

Trước mặt chúng tôi là . . . (tên họ và chức tước) viên-chức phụ-tá quan Biện-lý tòa . . . , bà sùng-phụ Đồ-văn-Bảy, tên tộc là Trần-thị-Tư, 60 tuổi, ở xóm . . . làng . . . , mẹ vợ của phạm-nhơn, khai như vầy :

“Sớm mai này, lối 8 giờ, tôi đang ngồi trong căn phía mặt nhà tôi với 2 người đàn bà tên Nguyễn-thị-Ba và Lê-thị-Tám, bỗng đâu rề của tôi là Đặng-văn-Năm đi tới, kêu hỏi tôi rằng : “Vợ tôi đâu? Chắc má biết bây giờ nó ở đâu vì má biểu nó bỏ nhà tôi mà đi.

“Tôi trả lời : «Tao' không biết, tao không gặp nó» Tức thì tên Năm nhảy đến chém tôi một búa sau lỗ tai trái. Tôi chạy trốn với 2 người đàn bà. Tên Năm rượt theo qua căn bên kia mà chém tôi một búa nữa bên hông trái. Tôi chạy trốn mà rề tôi theo kịp ngoài sân, chém thêm một búa nữa trên lưng”.

HỎI.— . . .

TRẢ LỜI.— Tôi không có đánh tên Năm; tôi già yếu làm sao đánh nó được.

HỎI.— . . .

TRẢ LỜI.— Tôi nhận rằng con tôi là Trần-thị-Chín có tới ở với tôi 3 tháng nay. Nó muốn xin ly-dị vì chồng nó hay đánh đập nó; còn chồng nó thì không chịu lại hăm dọa nó nếu nó xin ly-dị.

H.— . . .

T. L — Sớm mai này, hỏi tên Năm tới thì tôi tưởng con gái tôi đã đi khỏi, chẳng dè nó trốn sau cái tủ, vì nó sợ chồng nó lắm, tên ấy hay say sưa, cộc cằn và có lẽ tìm nó mà giết

H.— . . .

T. L.— Không có chứng nào khác hơn hai người đàn bà Nguyễn - thị - Ba và Lê - thị - Tám.

Chúng tôi đọc lời khai lại cho Trần - thị - Tư nghe ; thị không thêm bớt, chịu ký tên với chúng tôi.

Tiên cáo (ký)

Người chức việc (ký)

e) Vi-bằng lấy khai chứng cứ.

Năm một ngàn chín trăm . . . ngày . . . tháng . . . hồi . . . giờ,
Chúng tôi là . . . (tên họ và chức tước) chức việc phụ - tá quan
Biện - lý tòa . . .

Có đòi những chứng sau đây và sau khi cho họ biết họ được hỏi về sự gì, chúng tôi buộc họ thề phải nói hết sự thật ; họ trả lời và khai như sau đây :

“Tôi tên là . . . (tên họ, tuổi, sanh đẽ ngày nào và tại đâu, con của . . .)

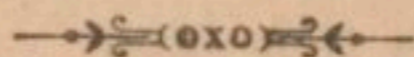
“Tôi thấy . . .

.

Chúng tôi đọc lại cho . . . nghe ; chứng không thêm bớt chi đồng ký tên với chúng tôi.

Người chứng (ký)

Viên-chức (ký)



B.— VI-BẰNG CHUYỆN ĐÁNH LỘN

Năm một ngàn chín trăm . . . ngày . . . tháng . . . hồi . . . giờ.

Trước mặt tôi là . . . (tên họ và chức tước) viên-chức phụ-tá quan Biện-ly tòa . . .

Có cai-tuần Nguyễn-văn-X. . . dẫn tới một tên va mới bắt vì bởi cứ như sau này :

Hồi . . . giờ. buổi . . . , va đi tới cầu . . . thấy người ta xúm lại đông và có hai tên đang đánh với nhau. Va bước lại cao, biểu đừng đánh nhau nữa mà Lê-văn-Mít cứ đánh Trần-văn-Xoài bằng cái cây, tên Xoài lỗ đầu, gãy tay, máu chảy nhiều lắm.

Tên Xoài bị bệnh đã đem về nhà nó đặt cho thuốc.

Cai-tuần X. nói có tên Nhứt và tên Nhì thấy đầu đuôi câu chuyện.

Tức thì tôi tới nhà tên Xoài (hay là chỗ tên Xoài còn nằm) hỏi nó.

(Như tên Xoài nói được, thì biểu nó đọc căn do sự đánh lộn ấy bởi có gì mà sanh ra. Ai khởi gây ra trước, nó bị đánh bằng cái gì, có sự cố ý trước và có rình rập hay không)

Xét quần áo tên Xoài như có dấu máu hoặc là rách bởi dấu chém, đâm đánh thì lấy mấy món ấy làm đồ tang.

(Như thương tích của nó coi mỗi nặng thì phải lập tức giải tới quan Biện-ly đặt người biểu quan thầy khám thương tích và cho thuốc. Còn như thương tích nhẹ, người bệnh có muốn quan thầy cho giấy thì nó phải chịu tiền mà xin).

(Nếu như bệnh nguy lắm nói không được, thì cứ biên cho kỹ trong mình nó những thương tích gì, tại đâu, dấu chém hay là dấu cây đánh, dấu nào nặng dấu nào nhẹ).

Rồi tôi hỏi chứng cứ, nó khai như vậy :

1^o — . . . Nhứt, (tên họ, tuổi, nghề nghiệp, gia trụ) khai như vậy :

(Biểu nó thuật từ đầu tới đuôi bởi có gì mà sanh ra sự rầy lộn, rồi đánh lộn làm sao, ai gây ra trước, ai đánh trước, đánh bằng cái gì, đánh cách thế gì).

Viết rồi đọc lại thì tên Nhứt không thêm bớt chi rồi ký tên với tôi
(Ký tên)

2^o — . . . Nhì. . .
. . . làm y như tên Nhứt vậy. . .
(Ký tên)

Rồi tôi liền tra hỏi bị cáo là Lê-văn-Mít như vậy :

HỎI.— (tên họ, tuổi. . .)

TRẢ LỜI.— . . .

H.— Theo lời chứng là Nhứt và Nhì và Cai-tuần thì mầy có rầy lộn với tên Trần-văn-Xoài rồi đánh lộn. Vậy chớ công chuyện làm sao ?

T. L.— (Tên phạm nói làm sao thì biên y làm vậy)

H — Phải mầy gây trước không ?

T. L.— . . .

H.— Phải mầy đánh nó trước không ?

T. L.— . . .

H.— Trong lúc đó mầy có cầm giống gì không ?

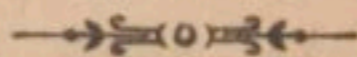
(Do theo lời chứng khai hoặc buộc cho phạm-nhơn, hoặc bầu chữa cho phạm-nhơn, phải truy ra cho rõ ràng).

(Nhớ đưa đồ tang cho phạm-nhơn và chứng coi).

(Cho phạm-nhơn với chứng đối-diện, hay là chứng với chứng)

Viết rồi đọc lại

(Ký tên)



C.— VI-BẢNG CHUYỆN ĂN CƯỚP (Vol qualifié)

Năm một ngàn chín trăm . . . ngày . . . tháng . . . hồi . . . giờ

Trước mặt tôi là . . . (tên họ và chức tước), viên - chức phụ-tá quan Biện-ly tòa . . .

Có tên . . . tới báo với tôi như vầy :

(Biên lời báo đầu đuôi rồi đọc lại cho tên . . . nghe)

(Ký tên)

Tôi liền tới tại chỗ dặng khán sở - thời tang tích.

(Thấy nhà cửa hư phá làm sao, chỗ nào, món gì phải biên cho rõ hết. Ăn cướp đi rồi còn bỏ dấu gì, bỏ lại khí giới gì, bỏ tại đâu; luận ra ăn cướp làm sao mà vô nhà.

(Lấy khai tài gia, lấy khai chứng của tài-gia).

(Xét nhà những tên của tài-gia khai hoặc là nghi — xét lấy đồ gian gì niêm lại).

(Tra hỏi phạm-nhơn, xét trong mình phạm — xét trong mình và xét những kẻ a-tùng).



CHƯƠNG THỨ NĂM

α) Tờ đòi hầu và cách thi-hành

(Mandat de comparution et sa mise à exécution)

Tờ này của quan Biện-ly hay là quan Thăm-án đòi một phạm-nhơn ngày nào, giờ nào, phải đến hầu quan ấy tại chỗ nào và hầu về việc gì.

Trong tờ này không có dạy bắt buộc tên phạm và cũng không dạy xét nhà cửa nó.

Kiểu tờ ấy như vầy :

N ^o Administration de la Justice <hr style="width: 50%; margin: 5px auto;"/> CABINET du Du 19 MANDAT DE COMPARUTION contre	ETAT FRANÇAIS TRAVAIL - FAMILLE - PATRIE <hr style="width: 80%; margin: 5px auto;"/> INDOCHINE FRANÇAISE <hr style="width: 80%; margin: 5px auto;"/> TRIBUNAL DE DE
---	--

N^o de la plainte :

Au nom du Chef de l'Etat français
Nous . . .

près le tribunal . . . de . . .

Mandons et ordonnons à tous huissiers ou agents de la force publique d'assigner à comparaître par devant nous

(Chỗ này đề biên tên họ tên phạm và biên tội của nó bị người ta cáo) pour être entendu sur les inculpations à faites en l' déclarant que faute de comparaître, il sera décerné contre un mandat d'amener ;

Requérons tous dépositaires de la force publique de prêter main forte, s'ils en sont requis, pour l'exécution du présent mandat, à l'effet de quoi nous avons signé et scellé de notre sceau.

Fait à le mil neuf cent

Soit exécuté à notre requête

Le

Le

Ấy là bản chánh cái tờ của quan Biện-ly đòi tên phạm hầu tra.

Người chức việc thi hành tờ này cứ trình cho tên phạm thấy rồi sao ra một bản y như vậy mà giao cho nó, chớ đừng lo tới sự nó vâng lệnh đòi hay không.

Cách rao truyền tờ này làm như là trát việc hộ vậy. Thường thường quan tòa lập sẵn ra một bản chánh và một bản sao sẵn rồi gửi cho làng. Trương trước mỗi tờ thì là lệnh của quan Tòa; còn trương sau, thì đề cho làng làm tờ vi-băng về sự truyền rao tờ ấy, *nghĩa là viết thêm vô mấy chỗ chừa trống cho đủ, ký tên với phạm-nhơn, rồi giao bản sao cho nó, còn bản chánh thì gửi về, cho Tòa trước ngày hầu, đặng quan Tòa biết coi tên phạm có được tờ đòi hay không.*

Tờ vi-băng đã in sẵn như sau này và mấy chỗ chừa trống, có cắt nghĩa rõ ràng đặng thêm vô cho đủ nghĩa, chỗ nào phải thêm vô chuyện gì.

MANDAT DE COMPARUTION

L'an mil neuf cent ⁽¹⁾ (chỗ đề năm) *et le* (chỗ đề ngày) *du mois de* ⁽²⁾ (chỗ đề tháng).

A la requête de M. le (chức quan Tòa) *près le Tribunal de.* (Tòa nào).

Nous (chỗ đề tên họ người Hương-chức lãnh chức Trưởng-Tòa rao truyền, chức phận người đy, và nhà cửa ở đâu).

Avons assigné ⁽³⁾ (coi cách rao truyền sau đây) *à comparaitre le* (ngày hầu) *à* (giờ hầu) *heures du* *devant M. le* (hầu quan Tòa nào) *pour être entendu sur les inculpations à* *faites.*

Lui déclarant que, faute de comparaitre, il sera décerné contre *un mandat d'amener.*

Et, afin qu'il n'en ignore, nous lui avons laissé copie.

(Chỗ này là chỗ người hương-chức làm trưởng-tòa ký với mấy người lãnh bốn sao).

Mấy sự đại khái phải biết trong tờ vi-băng này là :

- 1^o — Phải viết bằng mực, đừng viết bằng viết chì ;
- 2^o — Chỗ đề ngày phải đề ngày tây, tháng tây ;
- 3^o — *Chỗ cắt nghĩa giao bốn sao tờ cho ai.* Người hương-chức phải đến tại nhà tên phạm mà giao cho nó. Như nó đi khỏi thì giao cho vợ con cha mẹ nó trong nhà, bằng không có ai trong nhà thì giao cho những người ở gần lối xóm nó ; như không có ai ở gần, hoặc là không ai chịu lãnh dùm cho tên phạm, hoặc tên phạm không có gia trụ gì trong làng thì giao cho thôn-trưởng, rồi thì thôn-trưởng ký tên và nhận mộc làng vô bốn chánh. Chỗ ấy phải biên cho rõ ràng rằng mình đã giao cho ai.

Người hương-chức lãnh phận sự Trưởng-tòa phải nhớ ký tên vô bốn chánh và bốn sao và người nào lãnh trát thì biên ký tên vô.

Như tới bữa hầu mà tên phạm không chịu đi hầu thì quan sẽ phát tờ dẫn nạp (mandat d'amener) mà buộc nó phải đi hầu.

b) Tờ dẫn nạp và cách thi-hành.

(Mandat d'amener et sa mise à exécution)

Tờ này là lệnh của quan tòa dạy tên phạm-nhơn đi theo người chức việc đã tới rao truyền cho nó đó, dặng đi đến trước mặt quan tòa mà hầu tra. Tờ này để buộc phạm-nhơn phải lập tức đến hầu.

Người chức việc lãnh thi-hành tờ này, khi gặp mặt phạm-nhơn thì đưa bốn chánh tờ cho nó coi và sao ra một bốn mà giao cho nó. Như phạm-nhơn không chịu đi theo người chức việc ấy, hoặc nó chống cự cùng là muốn trốn lánh thì phải bắt nó mà nạp cho quan tòa nào dạy bắt đó.

Có nhiều khi nhằm quan tòa khác hạt dạy bắt thì cứ dẫn tên phạm cho quan Biện-ly tòa sở tại mà thôi.

Còn như khi người chức việc đến nhà tên phạm nếu nó không có mặt tại nhà, bằng trong nhà không có ai, thì rao cho người lân cận nó. Hoặc như không có người lân cận hay người lân cận không chịu lãnh thì rao truyền cho thôn-trưởng. Rồi gửi tờ vi-bằng lại cho quan Biện-ly.

Tờ dẫn nạp in như kiểu sau này; trước chữ lang-sa, trước chữ quốc-ngữ.

ETAT FRANÇAIS

Travail — Famille — Patrie

Tòa Sơ . . .

NHƠN DANH DÂN LANGSA

TA

là Biện-ly tòa

Truyền cho trưởng-tòa và các chức việc và viên quan thay mặt Nhà-Nước phải dẫn tới cho ta, cứ luật mà làm, tên

(Chỗ này để tên họ, tuổi tác, nghề nghiệp, gia trụ đưa phạm)

cho đăng tra hỏi về các lễ mà làm tội nó

Ta dạy các người có quyền phép Nhà-Nước như có cậy tới thì phải giúp mà thi-hành tờ này, vì vậy ta ký tên và đóng dấu ta vô đây.

Làm tại phòng quan Biện-ly, ngày
tháng năm

Quan Biện-ly,

Tờ vi-băng về việc thi-hành khi gặp tên phạm

(Procès-verbal au cas où l'inculpé est trouvé)

Năm một ngàn chín trăm . . . ngày . . . tháng . . .

Tôi là Nguyễn-văn-X. . . hương-quản (hay hương-hào) chức việc tuần-phòng phụ-tá quan Biện-ly.

Vâng theo tờ đề ngày . . . của quan . . . dạy dẫn nạp tên . . . , . . . tuổi, nghề . . . ở . . .

Tôi có đến tại chỗ . . . (hoặc là tại nhà nó), tôi có gặp mặt nó, tôi có giao cho nó một bản sao cái tờ dẫn nạp nó, dạy nó phải cho tôi biết nó chịu vâng theo tờ ấy không.

Nó chịu vâng theo, thì tôi biểu nó lập tức phải đi theo tôi đặng tôi dẫn đến trước mặt quan và đem tờ vi-băng này cùng là tờ dẫn nạp.

(ký tên)

(Còn như nó không chịu đi, thì sửa tờ vi-băng như vầy):

. . . và dạy nó phải cho biết nó vâng lệnh theo tờ ấy không.

Nó không chịu vâng (nó chống cự không chịu theo tôi) nên tôi liền kêu dân là tên . . . phụ bắt nó còng lại đặng dẫn nó đến trước mặt quan . . . và đem tờ vi-băng này cùng là tờ dẫn nạp.

(ký tên)

Tờ vi-băng khi kiểm không đặng tên phạm.

(Procès-verbal au cas où l'inculpé n'est pas trouvé)

Năm một ngàn chín trăm . . . ngày . . . tháng . . .

Tôi là Nguyễn-văn-X. . . hương-quản là chức việc phụ-tá quan Biện-ly.

Vâng theo tờ đề ngày . . . của quan . . . dạy dẫn nạp tên . . . tuổi, nghề . . . ở . . .

Tôi có tới tại làng . . . rạch . . . , tôi có nghe người ta nói rằng tên phạm . . . đã bỏ nhà đi rồi từ ngày . . . và nay nghe nó về trú ngụ tại làng . . . nơi nhà của tên . . . ở tại rạch . . . nơi đất của tên . . . (hay là nó đã đào biệt rồi, không ai biết nó bây giờ ở đâu).

Cho nên tôi trình tờ này cho tên . . . là thôn-trưởng làng . . . thấy, và giao cho hương-chức ấy một bản sao.

Vậy nên tôi làm tờ vi-bằng này cho thôn-trưởng ký tên đặt tôi gửi cho quan . . . với cái tờ dẫn nạp.

(ký tên)

c) Tờ bắt buộc và cách thi-hành

(Mandat d'arrêt et sa mise à exécution)

Tờ này là tờ của quan Thăm-án dạy tầm kiếm tên phạm, bắt nó, dẫn tới và giam cầm nó, khi có lời quan Biện-lý buộc tội phạm-nhơn ấy.

Khi bắt được phạm-nhơn, tức thì phải dẫn tới khám nào đã có chĩ trong tờ ấy, hoặc là phải giải thẳng tới quan Biện-lý sở tại.

Nhằm khi gặp tờ bắt buộc của quan tòa khác hạt, thì bắt tên phạm rồi cứ dẫn tới quan Biện-lý sở tại đặt ngài xét coi người bị giải tới đó có phải là tên nói trong tờ không.

Còn khi nào tầm kiếm không đặt tên phạm nói trong tờ thì cứ rao truyền tại nhà nó. Phải xét nhà nó rồi làm tờ vi-bằng trước mặt hai người chứng ở lối xóm của tên phạm và chúng nó phải ký tên vô. Như chúng không biết ký tên thì ghi rằng chúng nó dốt. Rồi đem cho thôn-trưởng ký tên nhận mộc vô, và giao cho thôn-trưởng một bản sao cái tờ vi-bằng ấy.

Khi nào bắt được phạm-nhơn bị tờ bắt buộc thì người hương-chức được lãnh tiền thưởng.

N°.....
Mandat d'arrêt contre

ÉTAT FRANÇAIS
Travail — Famille — Patrie

.....

INDOCHINE

Affaire
N°... du parquet
— de l'Instruction

ADMINISTRATION DE LA JUSTICE
Tribunal de

MANDAT D'ARRÊT

Au nom du Chef de l'État français

Nous

Juge d'Instruction près le Tribunal de....

Vu les pièces du procès et les conclusions de M ...
en date du.... 19....

Vu les articles 91 et 95 du Code d'Instruction
criminelle

Mandons et ordonnons à tous huissiers ou agents
de la force publique, sur ce requis, d'arrêter, seulement
sur le territoire français et de conduire à la maison
d'arrêt de .. en se conformant à la loi, le nommé
âgé de... ans, né à ... demeurant à .. fils de .. et de...
prévenu de .. commis à .. le .. au préjudice de....

Crime prévu par l'article ... du Code Pénal.

Enjoignons au gardien de ladite maison de le
recevoir et retenir en état de mandat d'arrêt jusqu'à
nouvel ordre

Requérons tous dépositaires de la force publique,
auxquels le présent mandat sera exhibé, de prêter
main-forte pour son exécution, à l'effet de quoi nous
l'avons signé et scellé de notre sceau.

Fait au Palais de Justice, à.... le .. mil neuf cent....

Le Juge d'Instruction,

Soit exécuté à notre requête :

L

Signalement de l'inculpé :

.....

Tờ vi-băng khi bắt được phạm-nhơn
(Procès-verbal au cas où l'inculpé est arrêté)

Năm một ngàn chín trăm... ngày... tháng...

Tôi là Nguyễn-văn-X... hương-quản (hay hương-hào) làng... là chức việc tuần phòng, phụ-tá quan Biện-lý.

Vâng theo lệnh quan...đề ngày...dạy bắt tên...ở làng... thì tôi tới tại chỗ...tôi gặp nó ; tôi liền đưa tờ này cho nó coi và đọc cho nó nghe, rồi tôi giao cho nó một bản sao, rồi thì tôi bắt nó.

Xét trong mình nó thì lấy đặng những món...tôi gói và niêm lại, nó có ký tên cái niêm với tôi.

Rồi thì tôi dẫn tên... tới tại khám... là chỗ nó liền bị giam y theo luật.

Người coi khám có cho tôi một cái biên nhận rằng đã lãnh tên...tôi có ghim cái biên nhận ấy theo tờ vi-băng này
(ký tên)

(Rồi thì lập tức (nội trong 24 giờ) phải đem nạp tờ giấy cho quan Thẩm-án và nạp đồ tang tại phòng Lục-sự).

Tờ vi-băng khi kiếm không gặp tên phạm
(Procès-verbal au cas où l'inculpé n'est pas rencontré)

Năm một ngàn chín trăm... ngày... tháng...

Tôi là Nguyễn-văn-X... hương-quản...

Vâng theo lệnh quan...

Tôi liền đến tại... là nơi nhà của tên phạm thì có tên... ở lối xóm nói với tôi rằng tên phạm đã đi khỏi rồi cách mấy ngày rày (như nó đào biệt thì tìm hỏi cho biết nó đi làm nghề gì, nó đổi tên họ gì, nó đi có vợ con trai gái mấy đứa. Nghĩa là mấy đều cần kiếm để cho dễ kiếm bắt nó.)

Rồi tôi kêu hai người ở gần là: 1^o ... 2^o .. lại chứng cho tôi xét nhà tên phạm. Xét nhà trên nhà dưới gì cũng không có tên phạm, cho nên tôi liền làm tờ vi-băng này có hai chứng ấy ký tên với tôi.

Tôi đem cho thôn-trưởng ký tên tờ vi-băng này và giao cho thôn-trưởng một bản sao.

Nay tôi làm tờ này dặng nạp vào phòng Lục-sự với cái tờ bắt buộc ấy.

(ký tên)

(Như tên phạm không có nhà cửa trong làng, hoặc là không ai biết nó, thì rao truyền tờ bắt buộc ấy cho thôn-trưởng).

* * *

d) Tờ giam cầm và cách thi-hành.

(Mandat de dépôt et sa mise à exécution)

Khi nào quan Biện-ly hay quan Thâm-án tra hỏi một phạm-nhơn kia rồi muốn giam cầm nó cho nó đừng trốn được thì ký tờ giam cầm nó tại ngục-đường.

Nếu phạm-nhơn bị cáo về tội gì mà theo luật thì tội ấy đáng phạt vạ mà thôi, thì quan tòa không có phép giam.

Cách thi-hành tờ giam cầm như vậy: Khi lãnh tờ ấy rồi thì người chức việc dẫn phạm-nhơn vô khám (như nó chống cự thì có phép xin lính tráng giúp sức). Đưa tờ ấy cho tên phạm thấy rồi rao cho nó.

Tờ này buộc người coi khám phải thâu cầm phạm-nhơn tại ngục-đường. Người chức việc làm tờ vi-băng giam tên phạm, rồi ký tên vô nữa. Rồi thì người gát khám biên cho người chức việc ấy một cái biên-nhận rằng đã có lãnh phạm-nhơn rồi.

Tờ vi-băng đã in sẵn cứ viết thêm vô mấy chỗ chừa trống rồi ký tên với người gát khám thì đủ phép.

Vi-bằng thi-hành Tờ giam cầm.

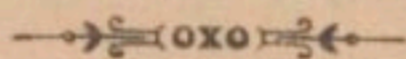
Năm một ngàn chín trăm . . . ngày . . . tháng . . .

Vâng theo giấy dạy giam của quan . . . tòa sơ hạt . . . giao trước đây.

Tôi là Nguyễn-văn-X . . . hương-quản làng . . . đã đưa cho tên . . . (tên họ phạm-nhơn) thấy và cho nó hay cái giấy này, tôi bảo nó theo tôi vô khám (hạt nào) và tôi dẫn tên . . . (tên họ phạm-nhơn) ấy tới đó.

Khi tới đó và nói với tên . . . (tên họ người coi khám) là người coi cửa khám ấy, tôi đưa cái bản chánh giấy ấy cho nó coi, và chiếu theo giấy ấy tôi bảo nó phải lãnh và giam cầm tên (tên họ phạm-nhơn). Khi nó chịu làm theo và đem sổ khám ấy ra, tôi biên trọn cái giấy này vô và dạy đem tên nói trước đây, giao cho tên coi cửa giữ; tên . . . ấy chịu lãnh, hứa hễ khi nào có tòa đòi thì dẫn ra và đã ký tên trong sổ và trong giấy này với tôi đều làm chứng tôi đã làm thành, nên tôi làm tờ này vi-bằng.

(ký tên)



CHƯƠNG THỨ SÁU

Tóm tắt về phạm-sự Hương-chức phụ-tá quan Biện-lý

Lời chỉ dẫn chung.

1^o— Tội tại trận — (Flagrant délit)

Người ta gọi tội tại trận là :

- a) Khi nào tội mới phát vừa rồi ;
- b) Khi nào người ta la lên hô chỉ danh tên phạm ;
- c) Khi nào phạm-nhơn còn đồ gian trong mình ;
- d) Khi nào có tử thi không rõ chắc vì có gì mà chết ;
- e) Hoặc khi nào chủ nhà kêu vô khám nghiệm sự gì trong nhà .

Gặp những tội tại trận, viên-chức phụ-tá quan Biện-lý phải làm sao ?

a) Phải cho quan Biện-lý hay, nhứt là mấy tội trọng ;

b) Xét nhà phạm-nhơn và mấy tên a-tùng mà thôi, lấy đồ tang ;

c) Lấy lời khai chứng cứ ;

d) Tra hỏi phạm-nhơn (Bắt phạm-nhơn rồi, khi nào có quan tòa tới tra xét thì những công việc tra xét phải nhường cho quan tòa).

Có một hai tội phải đợi tiên cáo thừa mới được tra xét, như tội dâm bôn, phải có đơn của người chồng kêu nài. Tội dắc con gái thơ ấu, phải có đơn của cha mẹ hoặc là của kẻ có quyền giữ đứa nhỏ ấy. Tội gạt chúng mà lấy cửa, thì đợi người bị lường gạt làm đơn kiện, v. v...

20 — Tờ đòi hầu. (Mandat de comparution)

Tờ này là trát đòi hầu, định ngày giờ nào phạm-nhơn phải tới hầu tại đâu.

Phải làm sao ?

Cứ rao truyền như là trát việc hộ vậy, không cần gì phải lo tới sự nó vâng trát hay không.

30 — Tờ dẫn nạp (Mandat d'amener)

Ấy là tờ dạy đem phạm-nhơn tới trước mặt quan tòa mà hầu về một tội gì.

Phải làm sao ?

Rao truyền tờ của quan tòa cho tên phạm, biểu nó đi theo. Như nó không chịu đi, hay là chống cự thì bắt nó. Cứ giải tới quan Biện-lý sở tại đợi người dạy lẽ nào.

40 — Tờ bắt buộc (Mandat d'arrêt)

Ấy là tờ dạy bắt tên phạm và dạy đem giam tại khám.

Phải làm sao ?

Cứ y theo lời quan tòa dạy trong tờ. Khi nào bắt phạm-nhơn phải xét mình nó, lấy đồ trong mình nó, và niêm lại trước mặt nó.

5^o — **Tờ giam** (Mandat de dépôt)

Tờ này là tờ dạy giam tên phạm tại khám.

Phải làm gì ?

Đưa cho tên phạm coi, trình cho người coi khám, có giấy ấy người coi khám mới có phép thu tên phạm.

6^o — **Xét nhà, lấy đồ tang.** (Visite domiciliaire, saisie des pièces à conviction).

Xét lấy đồ gì? Xét lấy khí giới và đồ dả dùng mà phạm tội, đồ do tội phạm mà có; trong tờ vi-băng phải kể mấy món tịch thu, hình tượng mỗi món.

Xét lấy những đồ để so sánh cùng các món cho để mà tra xét.

Tờ giấy, thơ từ gì có ý gian cũng tịch thu.

Xét nhà tên nào thì phải có mặt nó, hay là có mặt người nào của nó phải đi thế, hoặc là trước mặt 2 người chứng.

Những món nào chỗ chuyên không được thì ký cho người giữ. Những món chỗ chuyên được thì niêm lại có phạm-nhơn ký tên trên niêm.

Thú vật (trâu bò v. v.) thì cho dắt đem nạp chỗ giam cầm thú vật (fourrière) chờ quan tòa định lẽ nào.

Trong tờ vi-băng và trong tờ tra hỏi phạm-nhơn, phải nói sự đã có đưa cho phạm-nhơn thấy đồ tang rồi và ký tên món nào được thì ký.

7^o — **Mấy đều phải làm tại chỗ.**

(Opérations sur les lieux)

Khẩn sở-thời.— Hỏi chứng cứ, lấy đồ tang cùng xem

xét mấy đều thấy trước mắt, đặt tầm cho ra kẻ phạm.

Lấy khai chứng cứ, lấy lời khai của phạm-nhơn, tra lại những lời chúng nó nói cho biết lời nào thiệt, lời nào dối.

Xét coi chỗ tội phát ra cùng xung quanh chỗ ấy, kiểm coi cái tội phát ra ấy có để dấu tích gì lại không; lấy đồ tang.

Lập cái tội ấy từ đầu chí đuôi y nguyên, đừng bỏ sót chỗ nào.

Vẽ họa đồ rồi chụp hình.

Khán nghiệm tới đâu thì làm tờ vi-băng tới đó.

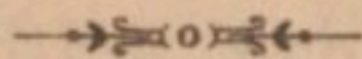
Khán tang tích. — Việc khán tử thi, khán dấu máu cùng đồ gì mà cần phải có người sở trường trong nghề xét, thì giao cho quan tòa phú cho ai xét thì phú.

Phần mình lo khán và đem vào tờ vi-băng những là dấu tay dấu chơn, dấu giày, đo rồi vẽ hình; hoặc là lấy mấy dấu ấy được thì lấy mà niêm lại.

Khán dấu súng, dấu dao, dấu cây lẳng roi, v. v. và hết thấy những dấu tích của kẻ gian để lại, dấu leo tường, dấu khoét vách.

Xét coi lúc ban đêm không đèn đuốc, hai người đứng cách nhau bao xa, có thể thấy rõ.

Khán dấu máu, lấy được thì lấy, không thì nói hình trạng cho rõ, không thì vẽ nó ra trên giấy.



KHOẢN THỨ TƯ

Lời chỉ bảo riêng về mỗi tội.

Tội phạm gian (Attentat à la pudeur)

(Điều thứ 330 luật hình)

Ấy là làm đều tục tũ nơi âm-vật dương-vật của đứa con nít từ 13 tuổi trở lại.

Viên-chức điều tra phải nói rằng dấu tích trong thân thể đứa nhỏ để lâu nó mất đi, nên phải giải cho quan tòa, đặng cho người dạy khán nghiệm cần cấp.

Lấy lời khai của đứa trẻ bị hãm gian.— Tra hỏi phạm-nhơn, giải nó cho quan khán nghiệm dừng để trẻ.— Xét lấy quần áo mền chiếu . . . có vấy máu cùng là vấy tinh khí.— Sao lục khai sanh đứa nhỏ mà nạp theo tờ bầm.— Như phạm-nhơn là cha mẹ ông bà, chủ nó thầy nó; hoặc là viên quan chức sắc gì, thì phải nói cho rõ.

Tội cường dâm (Viol.— Điều thứ 332 luật hình)

Cường dâm là hãm hiếp một người con gái, đàn-bà trong lúc nó không thuận tình.

Đứa con nít thì dễ bị cường gian hơn người đàn-bà; nhứt là nếu người đàn-bà không bị say, bị điên khùng, v. v. như người đàn-bà không thuận tình thì khó thể cường dâm được.— Vậy phải xét cho kỹ cang, cẩn thận kéo lằm vu cáo.

Lấy khai chứng cứ, tra hỏi phạm-nhơn.— Giải phạm-nhơn và người bị hãm lập tức đặng khán nghiệm.— Xét lấy quần áo, vải mền có vấy đồ để làm tang.

Tội phá thai (Avortement — Điều thứ 317 luật hình).

Ấy là làm cho sảo thai trước kỳ sanh sản. Kế phá thai hay phạm tội ấy lúc thai được từ 100 ngày cho tới 150 ngày.

Lúc điều tra đừng lo tới việc có thai mấy tháng.

Phải kiểm căn do mấy cứ làm cho thai phải hư như uống thuốc . . .

Lấy khai chứng cứ, tra hỏi phạm-nhơn; — Xét nhà người bị phá thai và những kẻ a-tùng của nó (cha mẹ, bà mẹ, tình-nhơn nó v. v.) Xét lấy đồ nhơn gì để châm chít thai, sách vở gì nói về sự phá thai, thuốc dùng phá thai.

Phải kiểm cái thai hư cho đặng. — Xét hỏi coi lúc trước, người phá thai có dấu bụng chửa của nó không? Nó có cho người ta biết nó có thai không?

Như đứa phá thai chối rằng không có phá thì phải đem cho quan thầy khán nghiệm. Như đứa phá thai mà chết, thầy nó có khi người ta phải quật mồi mà khán nghiệm.

Tội giết con nít mới sanh (Infanticide)

(Điều thứ 300 luật hình)

Ấy là tội giết con nít để được 8 ngày trở lại.

Đứa con nít bị giết phải đem cho quan thầy khán nghiệm.

Phải xét hỏi coi lúc có chửa người đàn-bà có dấu bụng không?

Xét coi phải bởi rủi ro mà đứa nhỏ chết hay là người đàn-bà cố ý giết.

Dấu biệt đứa con nít (Suppression d'enfant)

(Điều thứ 345 luật hình)

Tội này là tội tuyệt bộ đời của đứa con nít. Nếu có bằng cứ rằng người đàn-bà có đẻ mà thầy đứa nhỏ kiểm không được và không đủ cứ rằng đứa nhỏ đẻ ra sống, thì là phạm tội này.

Luật dạy trong 8 ngày phải khai sanh. Phải xét bộ coi có khai sanh đứa nhỏ không, rồi làm y theo lời dạy trong tội giết đứa con nít mới đẻ.

Bỏ con nít (Abandon d'enfant. — Điều thứ 349 luật hình)

Ấy là tội bỏ đường bỏ sá, bỏ chỗ vắng vẻ một đứa con nít từ 7 tuổi trở lại. Phải tới tại chỗ xét trong mình đứa nhỏ, xét quần áo nó. Có dấu tích gì — Nó ước chừng mấy tuổi mấy tháng.

Kiểm cho biết ai đem bỏ đũa nhỏ tại đó — Chỉ vẽ chỗ đó cho rõ ràng cho tòa xét coi chỗ ấy là *chỗ vắng vẻ* hay *không vắng vẻ* dặng luận tội.

Đũa nhỏ có bị thương tích gì không?

Như đũa nhỏ không biết con ai thì đặt tên cho nó, rồi nội trong 24 giờ đưa vi-băng cho chánh-lục-bộ sao vô bộ-dời.

Luật không phân biệt đũa nhỏ mới đẻ với đũa con nít từ 7 tuổi trở lại.

Đánh có thương tích. — Nạn mạng, Sát nạn.

(Coups et blessures. — Meurtre, Assassinat)

Lấy khai chứng cứ, tra hỏi phạm-nạn. — Khán sở-thời tang tích. Chở tử thi hoặc người bị trọng bệnh cho quan thầy khán nghiệm. — Xét lấy quần áo người chết, hoặc là người bị đâm chém và quần áo của phạm-nạn, cùng là khí giới để phạm tội ấy.

Xét coi nạn nạn có phải là cha mẹ ông bà của phạm-nạn không? hay là phạm-nạn phải là cha mẹ ông bà người bị đâm chém không? Như nạn nạn còn nhỏ chưa được 15 tuổi thì phải sao khai sanh của nó nạp theo tờ phúc bảm.

Phải truy ra coi phạm-nạn có toan tính trước và có rình rập không, hay là tình cờ mà phạm tội.

Phép cho chôn về phần quan Biện-ly.

Bỏ thuốc độc (Empoisonnement. — Điều thứ 301 luật hình)

Tử-thi cùng là đồ độc phải đem quan thầy khán nghiệm mới biết thuốc độc gì.

Xét lấy đồ độc, quần áo vấy đồ ỉả mữa.

Lấy khai báo chứng cứ. — Tra hỏi phạm-nạn. — Xét nhà lấy đồ nghi ngại.

Phải truy ra, thuốc nay tên bị thuốc và phạm-nhơn làm nghề gì, cách ăn thói ở làm sao, hai đảng có hềm khích gì với nhau không? Bởi có gì mà bỏ thuốc độc?

Khi sanh thời, người bị thuốc có đau ốm gì, hay uống thuốc gì?

Mỗi món thuốc độc cũng có thể làm hại được, nên phải cần lo dả thuốc cần kiếp. Tuy có thuốc dã thì cho uống đỡ, rồi lập tức phải chở nạn nhơn tới nhà thương.

Ăn cướp (Vols qualifiés.— Điều thứ 381 với các điều kế)

Lấy khai báo chứng cứ; — Tra hỏi phạm-nhơn.— Xét nhà của phạm-nhơn (Chánh phạm, a-tùng, chủ oa, v. v.) lấy đồ tang và đồ gian.

Truy ra coi ăn cướp có phạm nhằm mấy điều sau này làm cho nặng tội, như là: ăn cướp ban đêm, nhập đảng nhiều đũa, mang khí giới rõ ràng hay dấu trong mình, leo tường khoét vách, dùng chìa khóa giả, mặc sắc phục quan, ăn cướp tại nhà người ta ở, tại đường sá hay là dưới kinh rạch, có đánh đập ai, có hăm dọa dùng khí giới mà bắn hay đâm chém.

Trong mấy điều ấy có điều nào thì phải nói vô tờ vi-bằng.

Vẽ họa-đồ chỗ ăn cướp đánh.

Đốt nhà (Incendie volontaire.— Điều thứ 434 luật hình)

Phải tới chỗ mà khán sở-thời; — Vẽ họa-đồ chỗ bị đốt cháy.

Trong tờ vi-bằng phải biên tên họ kẻ bị hỏa hoạn, kể sự hư hao hết bao nhiêu, món gì, nạn nhơn có bảo hiểm hãng nào không?

Lấy khai báo chứng cứ.— Tra hỏi phạm-nhơn.— Xét lấy đồ để nhúm lửa, đồ để cho lửa bắt lang ra, xét coi lửa phát tại chỗ nào.

Xem coi chỗ cháy, là nhà người ta ở hay là chỗ để ở, có người ta ở trong hay không, chỗ cháy là xe cộ, rừng hoặc là lúa còn đứng.— Lấy có gì mà nghi cho người đó là kẻ phạm.

Bạc giả (Fausse monnaie.— Điều thứ 132 luật hình)

Lấy khai báo chứng cứ.— Tra hỏi phạm-nhơn — Xét nhà của mấy tên phạm và kẻ gian — Tịch thu đồ giả và đồ kim như thau, đồng, chì kẽm, bạc, thiết, v. v.) Lò, khuôn, máy móc để đúc bạc giả.

Truy coi phạm-nhơn mới có mua bạc vàng chì kẽm thang gì không.

Những kẻ gian nào mạch làm cho bắt được kẻ đồng lõa với nó thì khỏi tội.

Tội dâm bôn (Adultère)

(Điều thứ 336 luật hình với các điều kế)

Ấy là tội đàn-bà có chồng còn lấy trai.— Phải có đơn của người chồng thưa mới được tra xét.

Một người đàn-bà có chồng lấy một người đàn-ông, thơ từ của hai người gửi cho nhau, tòa kể đó là bằng có bắt tại trận.

Hỏi chứng cứ.— Người chồng được phép bãi nại, và xin cho người vợ khỏi tội, mà phải chịu đem vợ về.

Nạp sao lục hôn-thú theo phúc bãm.

Tội trùng-giá trùng-thú (Bigamie)

(Điều thứ 340 luật hình.)

Vợ chánh còn tại đường hoặc là bỏ nhau mà không phá hôn-thú mà người chồng cưới vợ khác làm hôn-thú bậc nhứt, hoặc đàn-bà có chồng có hôn-thú, chồng bỏ không phá hôn-thú, lấy chồng khác làm hôn-thú nữa thì phạm tội trùng-giá trùng-thú.

Sao lục hôn-thú hai đảng nạp theo phúc bãm.

Như tờ hôn-thú sau, kể tới bây giờ đã quá ba năm rồi thì vô tội.

Chánh-lục-bộ nếu đã hay rằng người đàn-ông nào đã có vợ chánh trước mà còn làm hôn-thú bậc nhứt nữa, hoặc là hay người đàn-bà nào đã có chồng rồi mà làm hôn-thú khác cũng bị phạt vạ.

Cờ bạc, xổ số (Jeu de hasard, Loterie)

(Điều thứ 410 luật hình.)

Nếu hai người có gia-trụ mạch rắng trong chỗ nọ có cờ bạc thì viên-chức phụ-tá quan Biện-lý được phép vô xét bắt, bất kỳ ban đêm hay ban ngày.

Bắt chủ chứa và mấy kẻ cờ bạc, lấy tiền tại sòng, chẳng kể là của ai. Xét lấy bàn ghế đồ đạc để mà cờ bạc, hoặc để mà chung dọn chỗ ấy.

Trong tờ vi-băng phải kê mấy món xét lấy đó và khán sớ thời.

Giải nạp đồ tang tại phòng Lục-sự. Như đồ nào chở chuyên không được thì niêm tại chỗ.

Cờ bạc luật cấm là :

1° — Không phải đánh chơi một lần, phải đánh thường thường ;

2° — Đánh thứ gì bởi tại may rủi mà ăn tiền ;

3° — Cho người ta ai ai cũng vô đánh được ;

4° — Xổ số mà bán đồ cũng có tội.

Ăn mày ăn xin (Mendicité)

(Điều thứ 274 tới 283 luật hình.)

Phải xét người đi xin có tật bệnh gì không hay là làm bộ.

Dẫu có tật bệnh vậy mà nó làm mướn làm thuê được không?

Từ nhỏ tới lớn, nó đã làm nghề đi xin hay là bởi không ai giáo hóa nó, nên nó mới làm nghề này? hay là nó không chịu làm ăn cho có tiền, để đi xin mà thôi?

Nó là ăn mày nghề hay là ăn xin một hai lần mà thôi? Nó có cầm khí giới gì không? Có giả hình giả dạng làm sao không?

Trong mình nó có đồ gì đáng giá 100 quan tiền tây, mà nó nói không ra bởi đâu nó có không? Nó có hăm dọa và đánh đập ai không?

Lưu linh, không nghề nghiệp (Vagabondage)

(Điều thứ 269 và mấy điều kế.)

Phạm tội hoang đàng là những kẻ :

- 1° — Không chắc ở chỗ nào ;
- 2° — Không phương thế mà chi độ ;
- 3° — Thường không có nghề nghiệp.

Tiền nó ăn cắp hay đi xin của người ta, không kể là phương thế chi độ.

Còn nghề nghiệp là nghề ngay thẳng, không có dấu điểm ai. Đi bán thuốc lậu, đặt rượu lậu, không kể là nghề nghiệp.

Đứa trẻ vị-thành-niên, 18 tuổi, không có duyên cớ gì hợp lý mà bỏ nhà cha mẹ, bỏ nhà người thủ-hộ ra đi, hoặc rời bỏ những nơi mà người có quyền sai biểu nó đặt nó phải ở, rồi đi hoang bậy bạ, hoặc ở phòng ngũ và không làm nghề chi, hoặc nhờ sự hoang dâm hay làm nghề luật cấm mà độ nhứt, thì mắc vào tội hoang-dàng.

Người nào mới ở tù ra chưa được 10 ngày không nên bắt nó, vì nó chưa có đủ ngày giờ mà tìm kế sanh nhai. Mấy người làm chứng về phương thế nghề nghiệp của phạm-nhơn thì phải lấy khai báo cho tường tận.

Những kẻ chuyên việc cờ bạc ngoài đường sá hoặc là đem mối đi điểm giọc đường thì luật cũng phạt đồng tội như kẻ lưu-linh vậy.

Gặp thầy ma (Levée de cadavre.)

Khi nào nghe báo có thầy ma chỗ nào phải lập tức tới tại chỗ ấy mà xét. Rồi trong phúc bẫm phải nói :

Gặp thầy ma tại đâu ? đàn-ông hay đàn-bà ? ăn mặc đồ gì ? Cao lớn bao nhiêu ? Mặt mũi tay chơn làm sao ? Có dấu riêng gì không ? Có máu me thương tích gì trong mình không ?

Xét trong mình thầy ma có đồ gì, lấy đồ riêng ra rồi nạp luôn theo tờ bả.

Hỏi chứng cứ, hỏi lý lịch người chết, vợ con hay chồng con cha mẹ nó ở đâu ? Ai còn sống ? Như có, thì bà con anh em nó ở đâu ? Xét hỏi đầu đuôi gốc ngọn rồi, thì luận bới tại rủi ro hay là bị người ta giết chết.

Nếu không chắc là thầy ma ấy chết bình thường, nếu có nghi ngờ chi thì phải giải thầy ma đến quan Biện-ly mà đại lĩnh. Nhứt là khi nào không ai nhận thầy ma ấy hay là có bà con nó nhận, mà nghi rằng có ai giết nó.

Sao phúc-bả khác nói về lý lịch người chết, gởi cho chánh-lục-bộ đặng đem vào bộ tử.

Tội soán đạt (Abus de confiance. — Điều thứ 408 luật hình).

Có nhiều cách thế và hai thứ người phạm tội này, *một là* bới mình là viên quan, cho nên người ta giao tiền bạc của cải cho mình giữ mà mình lấy bớt hoặc soán đạt đi ;

hai là dân dã, thường bới người ta tin cậy nên ký thác tiền bạc của cải để dùng trong một sự gì đã định trước rồi, mà mình soán đạt hết, hoặc là chi dụng tiêu hao của người ta, không có dùng y theo lời người ta đã định trước.

Nguyên-ủy cái tội này là :

1° — Phạm-nhơn đã tiêu xài hay là dùng không y theo lời định trước những của cải của người ta đã giao cho nó ;

2° — Tiền bạc của cải giao cho nó hoặc cho nó mượn, gởi cho nó giữ, giao cho nó thế hành làm một sự gì, giao cho nó để thế chửng (đồ cầm), cho nó mượn mà dùng, giao cho nó đặng làm một sự gì, hoặc là làm dùm hay làm mượn cũng vậy.

Cắt nghĩa :

Của cho mượn. — Của cho mượn phải giao tới tay kẻ mượn.

Giữ gìn. — Của người ta gởi giữ thì đồ gì phải trả lại đồ nấy (chớ không phép đem tiền mà thường.)

Giao thế'-hành. — Người này cho người kia đủ quyền phép mà làm thế cho nó một sự gì; và người kia cũng bằng lòng lãnh làm như vậy.

Của thế'-chung. — Của này là của kẻ vay hỏi mình giao cho mình cho chắc rằng người ấy sẽ trả nợ, chớ kẻ mắc nợ còn làm chủ của đó tới chừng nào bị phát mãi mới thôi.

Cho mượn dặng dưng. -- Của này là của người này cho người kia mượn mà dưng dờ, rồi khi thôi dưng thì phải trả lại. Người cho mượn là chủ của ấy, bất kỳ là món gì buôn bán được, thì cho mượn dặng dưng dờ được.

Đồ giao cho dặng làm công sự gì. — Như bạc vàng đưa cho thợ bạc dặng làm bông kiềng, rồi thợ tiêu xài đi, hoặc đổi vàng bạc ấy đi hay là pha thứ khác vào.

3° — Sự soán dặt ấy phải làm thiệt hại cho người chủ của ấy, thiệt hại cho người cầm của ấy (tại tay) hoặc là hại cho người giữ của ấy.

4° — Của ấy phải là đồ dặt, tiền bạc, hàng hóa, giấy tờ, biên lai hay là văn-khế.

5° — Của ấy là của người chủ bằng lòng giao gởi cho tên phạm.

Tội soán dặt trở nên tội trọng là khi nào phạm-nhơn là viên quan hoặc là tôi tớ, kẻ làm công, làm đồ-đệ (học-trò) hay thơ-ký của tài-gia.

Gạt người ta mà lấy tiền của, đồ dặt (Escroquerie)
(Điều thứ 405 luật hình)

Kẻ phạm tội này dùng nhiều cách thế xảo quyết giả mạo, dùng chức tước giả, tên giả, v...v... mà lấy của thiên-hạ.

Trong mỗi việc thì truy tánh hạnh của phạm-nhơn, án tiết nó, cách ăn thói ở nó, kẻ phạm tội này thường thường là đũa có nghề gạt chúng mà nuôi mình mà thôi; khi này mới bắt được, có lẽ nhiều khi trước nó đã làm như vậy rồi.

Viên-chức điều-tra cứ thuật đầu đuôi rành rẽ những lời nó nói, những điều nó làm, mưu kế nó đặt bày làm cho chúng phải tin mà đưa tiền của đồ đạc cho nó.

Nguyên-ủy của tội này :

1^o — Mạo tên họ người nào lấy chức phận người nào mà gạt chúng đưa tiền của cho mình tiêu xài đi;

2^o — Dùng mưu này kế kia làm cho chúng tin, chúng sợ, chúng trông cậy sự này điều kia, v...v... mà lấy của người ta.

Phải cắt nghĩa cho rõ ràng công chuyện của chánh phạm và của a-tùng, tên nào làm sự gì, dùng cách gì, nói điều gì làm cho chúng phải tin.

Phạm-nhơn gạt thiên hạ lấy những của cải gì? tờ giấy gì?

Tội này khởi rồi mà chưa thành cũng kể như là phạm rồi vậy.

PHỤ-THUỘC

I.— QUYỀN TRƯNG PHẠT CỦA HƯƠNG-CHỨC HỘI-TỀ

Chiếu theo điều thứ II, nghị-định ngày 30 Octobre 1927 tổ-chức lại các thôn-xã Nam-kỳ thì Hương-chức đương niên có quyền *phạt phải canh tại nhà-việc mấy ngày* người dân nào bất tuân điều lệ của phong tục và Chánh-phủ lập ra để lo việc tuần-phòng và thi hành các việc công trong làng. Song phạt như thế là khi nào sự nghịch mạng của người dân không đủ tội dặng giải phạm-nhơn đến tòa án cảnh sát, theo điều lệ của *nghị-định ngày 24 Février 1903*.

Số ngày phạt không được quá 5 ngày canh.

Chúng tôi tưởng nên dịch nghị-định ngày 24 Février 1903 trên đây cho Hương-chức biết đặng khi người dân nào phạm những tội kể trong nghị-định ấy thì phải giải đến tòa án cảnh sát.

Điều thứ nhất. — Người nào phạm các tội kể trong điều thứ hai sau đây riêng cho dân Annam và dân đồng-hóa phương đông và không có dự định trong luật hình thì bị giải ra tòa sơ và bị phạt vạ từ 1 quan đến 15 quan với phạt tù từ 1 ngày tới 5 ngày hoặc là bị phạt vạ hay phạt tù một thứ mà thôi.

Nếu tái phạm thì bị phạt tù luôn luôn.

Điều thứ 2. — 1^o) Bày đều nói xấu hay buông lời xúc phạm người cầm quyền cai-trị và rao truyền tin sai hay không thật có thể làm rối cuộc trị an ;

2^o) Không chịu hay ưng chịu rồi mà không thi-hành sự canh gác nhà-việc, sự đi tuần cho yên ổn trong làng ;

3^o) Kẻ cầm quyền cai-trị Pháp hay Nam đòi đến hầu mà không đến hầu hay là bê trễ sự đến hầu ;

4^o) Cho những người phương Đông lạ mặt không có giấy tờ, hoặc là kẻ khác không có giấy thuế thân đến đùm đậu nơi nhà mình hay là mượn mấy người ấy mà không cho làng hay lập tức ;

5^o) Đi khỏi làng đặng ở nơi khác mà không cho làng hay trước và đóng thuế với không trình cho Hương-chức ký tên trong giấy tờ mình trước khi đi ;

6^o) Khi tới làng mình định ở mà bê trễ việc trình cho Hương-chức ký tên vào giấy tờ mình ;

7^o) Làm ồn ào, náo động, chưởi lộn và làm các việc rối loạn trong làng và trong chợ, ngoài các trường-hợp (cas) đã định trong điều 479, khoản thứ 8 luật hình ;

8^o) Gặp tử thi trong sông rạch hay là các nơi khác mà không báo cho quan biết ;

9^o) Khi nào đã cầm quyền cai-trị hay hình-pháp (tòa án) cần dùng đến mình mà mình không chịu hoặc chậm trễ làm các việc quan trên bảo làm, hay bảo giúp sức, ngoài các trường-hợp đã định trong điều 475 khoản thứ 12 luật hình ;

10^o) Mua trâu, bò, ngựa mà không buộc người bán chứng rằng thú vật ấy thật chắc của họ, hay là ít nữa là trình tờ bán cho Hương-chức nhận thiệt ;

11°) Trong hạn 8 Ngày mà không đem thú vật mới mua vô bộ làng hay là xin bài-chỉ tại tòa bố ;

12°) Ban đêm, không có cứ gì theo phép mà vô càng trong nhà người ta ;

13°) Nhằm việc không đáng mà hồi trống cấp cứu hay là đánh mỏ hồi một ;

14° (Nghị-định ngày 4-11-1907 thêm khoản này vô). — Dùng giấy thuế thân tên khác không phải là tên mình. Người Hương-chức nào phát một bài thuế thân sai phép như vậy, sẽ luôn luôn bị hình-phạt tột bực của luật định về tội ấy, nghĩa là 5 ngày tù và 15 quan tiền phạt.

II.— TỘI HỒI-LỘ

TỘI DỤNG OAI-PHÉP MÀ HIẾP NGƯỜI

TỘI BẮT BUỘC VÀ GIAM CẦM NGƯỜI TA TRÁI PHÉP.

Trong khi Hương-chức, nhứt là Hương-quản, thi-hành phận sự, chúng tôi tưởng nên nhắc cho chư vị ấy nhớ những điều-lệ luật hình chúng tôi chép sau đây, thuộc về các tội kể trên, hầu giữ gìn cho khỏi phạm.

*
* *

Tội hồi-lộ

Điều thứ 177. — (Chỉ-dụ ngày 31-12-1912 sửa đổi như sau này) Viên quan nào thuộc bên tòa hình hay bên cai-trị, chức việc nào hay người thừa-phái của Chánh-phủ thuộc-địa, trong các tỉnh hay các làng, hay là giúp việc của một ty nào, mà có chịu lãnh của người ta cho hay là hứa cho, hay là có thọ lãnh đồ của người ta cho hay là của lễ, đặng làm một việc thuộc về phận sự mình phải làm, dầu việc ấy là công bình, song bởi Nhà-Nước không cho làm mà ăn bạc tiền, thì viên quan ấy bị phạt tù từ một năm chí 5 năm và phạt phạt từ 200 quan tiền tây cho đến 5.000 quan.

“Thề-lệ này cũng dùng mà xử mỗi viên chức-việc, hay là thừa-phái nào nói trên đây có chịu của người ta hay là hứa cho người ta, có thọ lãnh đồ người ta cho hay là lễ vật, đặng từ nan không làm một việc gì thuộc về phần mình phải làm”.

“Cũng bị phạt như vậy mỗi vị nào dặng tòa hay là hai đảng, tiên-cáo cùng bị-cáo cử lên mà phân hòa hay là nghiệm-ly cho người ta, mà vị ấy có nhận lời người ta chịu cho, hay là hứa cho, hay là vị ấy có thọ lãnh đồ người ta cho hay là cửa lễ, ngõ hầu đoán định hay là nói binh bên nào”.

Tội dùng oai-phép mà hiếp người

Điều thứ 184. — Các quan lại hay là quan án, quan tuần-thành, các quan làm đầu trong lính tuần giữ việc án, quan hay là lính Nhà-Nước, như bởi làm phận sự mình mà vào trong nhà người ta, khi người ấy không cho vô, ngoài những khi luật đã định và khi không do theo thể-lệ luật đã định về việc ấy, thì phải phạt tù từ 6 ngày cho đến 5 năm, và phạt vạ từ 16 quan cho đến 200 quan, và tòa cũng chiếu theo khoản thứ hai điều 114 mà định án (... Nhưng mà, như có bằng chứng rằng nó làm như vậy là tại quan trên dạy, khi các sự đã làm thuộc về bổn-phận quan trên ấy, và nó phải chịu quyền sai khiến của vị quan này, thì nó khỏi bị phạt, khi đó hình phạt ấy về vị quan trên sai khiến phải chịu).

“Người nào hăm dọa đánh đập mà vào trong nhà người ta, thì phải phạt tù từ sáu ngày cho đến ba tháng và bị phạt vạ từ 16 quan cho đến 200 quan.

Điều thứ 186 — Quan lại hay người giúp việc Nhà-Nước, quan Tham-biện hay là người tuần-thành, người có phận sự thi-hành các việc hình hay là án xử, quan làm đầu hay là quan tòng theo người làm đầu lính Nhà-Nước, đương khi làm sự gì theo bổn phận mình, mà có hăm hiếp người ta hay là biểu hăm hiếp người ta khi không có lẽ phải làm như vậy, thì bị phạt theo tánh-chất mỗi việc và theo sự hăm hiếp nặng nhẹ thế nào, và phải gia giảm hình phạt theo cách thức định trong điều 198 sau này :

Điều thứ 198 —

“Như là tội thuộc về tòa trừng trị phạt thì những quan ấy luôn luôn phải chịu hình phạt nặng hơn hết của tòa định về tội ấy.

Như là trọng-tội thì phải phạt như vậy :

Như lâm tội ấy mà những người khác phải phạt tội phóng-trục hay là phế-khí thì các quan ấy phải phạt tù biệt giam ;

Như những người khác phải phạt tù biệt giam hay là cấm cố, thì các quan ấy phải phạt khổ sai hữu hạn ;

Như những người khác phải phạt đày hay là khổ sai hữu hạn, thì các quan ấy phải phạt khổ sai chung thân”.

VỀ TỘI BẮT BUỘC VÀ GIAM CẦM NGƯỜI TA TRÁI PHÉP.

Điều thứ 341.— (Chĩ-dụ ngày 31 - 12 - 1912 sửa đổi như sau đây).— Những người không có lãnh lệnh của viên quan chánh quyền dạy biều và không phải nhằm khi lẽ-luật dạy bắt phạm-nhơn, mà những người ấy có bắt người nào mặc lòng, giam cầm người ta lại hay là nhốt giữ người ta, thì sẽ bị phạt tù từ 1 năm chí 3 năm, và phải phạt vạ từ 100 quan cho đến 1.500 quan.

“Hề ai cho mượn chỗ cho người ta giam cầm hay là nhốt giữ thì cũng bị một thứ hình phạt như vậy.

Điều thứ 342.— (Chĩ-dụ ngày 31 - 12 - 1912 sửa đổi như sau này) Nếu mà giam cầm hay là nhốt giữ người ta quá một tháng, thì bị phạt tù từ một năm chí 5 năm và phải phạt vạ từ 500 quan cho đến 3.000 quan.

Điều thứ 343.— (Chĩ-dụ ngày 31 - 12 - 1912 sửa đổi như sau đây) Nếu những người làm các tội kể ra trong điều thứ 341 mà xưa nay chưa bị buộc tội như vậy, thả người bị giam cầm hay là bị nhốt giữ ra trước mười ngày trọn, từ ngày bắt giam hay là nhốt vi thí, thì sẽ đặng giảm hình phạt tù xuống còn từ 6 tháng chí 2 năm và sẽ đặng giảm hình phạt vạ xuống còn từ 50 quan cho đến 1.000 quan. Nhưng mà Tòa đặng phép xử lưu xử các người ấy từ 5 năm chí 10 năm.

Điều thứ 344.— (Chĩ-dụ ngày 31 - 12 - 1912 sửa đổi như sau đây) Trong hai trường-hợp (cas) sau này :

1^o) Nếu khi bắt người ta mà mình mặc sắc phục giả, xưng tên giả, hay là mạo trát giả của quan ;

2^o) Nếu người bị bắt giam hay là bị nhốt mà có bị hăm dọa chém giết, trong hai trường-hợp ấy thì Tòa đặng gia tăng bội nhi hình phạt đã định trong điều thứ 341 - 342 và 343 trên đây.

Phàm như người đã bị bắt, bị giam, bị nhốt mà có bị hành hạ tẩm thân, thì Tòa sẽ xử hình phạt khổ sai chung thân”.



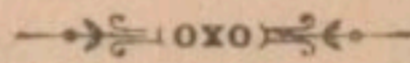


PHẦN THỨ BA

SANH, TỬ, HÔN-THÚ

(Phận - sự Chánh - lục - bộ)

KHOẢN THỨ NHỨT



1. — Bộ đời

1° — Bộ đời là gì?

Thế-tịch (bộ-đời) là những sổ bộ lập ra để mà biên mấy lời khai về sanh, tử, hôn-thú, nhìn con, nuôi con, án để bỏ, v...v...

Gọi là bộ-đời, là vì mấy khai ấy để làm bằng chứng trong cuộc đời của mỗi người.

2° — Sự ích-lợi của bộ-đời.

Có bộ-đời mới phân-biệt rành rẽ ngôi thứ trong dòng họ, tỉ dụ để làm chứng rằng người đàn-ông kia là con của ai — con ruột, con ghê hay con nuôi — chồng của ai — rề của ai — cha của ai,

người đàn-bà nọ là con của ai — vợ của ai — dâu của ai — mẹ của ai,

người nào bà con với người nào,

ai còn sống,

ai đã chết, cùng là tuổi tác mấy người ấy.

a) *Khai sanh* để làm chứng rằng : một đứa con nít kia sanh ra ngày, giờ, tháng, năm nào, tại làng nào, trai hay gái, đặt tên họ gì, cha mẹ nó là ai.

Có khai-sanh mới biết trẻ ấy trưởng-thành (đúng 21 tuổi) hay là còn niên-thiếu (dưới 21 tuổi) đúng tuổi cưới vợ gả chồng hay chưa (trai 16 tuổi tây, gái 14 tuổi tây).

Khai-sanh hữu ích về việc kiện thừa tranh gia-tài, không cần phải lập tông-chi là sự bất-đắc-dĩ.

b) *Hôn-thú* chứng rằng tên Cam với Thị-Quít là vợ chồng ; Cam được thay quyền Thị-Quít trong sự tổ-tụng (kiện-thừa) ; Thị-Quít không được tự-do hành-động trong các việc về mặt hộ.

Hôn-thú cũng để cho biết rằng người này thông-gia với người kia, hoặc để cho rõ biết đứa con sanh ra con dòng chánh hay dòng thứ v...v...

c) *Ấn để bỏ* chứng rằng vợ chồng Cam với Thị-Quít đã xa nhau rồi, chồng không còn quyền gì với vợ nữa, vợ được làm gì mặc ý.

d) *Khai tử* chứng rằng người kia chết ngày nào, kể từ ngày nào gia-tài được xin chia cho những kẻ thừa-kế (héritiers), kể từ ngày nào người đàn-bà góa được phép cai-quản tài-sản của chồng chết để lại, hoặc kể từ ngày chồng chết cho đúng mười tháng thì được phép lấy chồng khác, v... v...

Nhiều chuyện khác cũng phải đem vô bộ đời nữa, như là :

a) *Khai nhìn con* để cho người đàn-ông nhận rằng đứa con nít kia là con ruột mình, dầu cho mẹ nó không có làm hôn-thú với mình mặc lòng, mình cũng đặt phép nhìn con.

b) *Khai hôn-thú* của cha mẹ làm và *nhận con* luôn trong một cái khai (légitimation).

c) *Khai nuôi con nuôi, khai lập tự*...

d) *Lời rao hôn-thú* làm tám ngày trước đám cưới và làm hôn-thú.

3°.— Cách giữ Bộ-đời

Mỗi làng trong xứ Nam-kỳ đều phải có sổ bộ để biên những sự sanh tử hôn-thú của người bản-quốc (là dân Annam) người ngoại-quốc phương-đông (là chà-và châu-gian, Lèo và Cao-mên) và người ngoại-quốc được hưởng đặc quyền (Chết).

Mỗi làng đều phải có bộ riêng, mỗi sắc bộ thứ nào dùng riêng thứ nấy, sanh theo sanh, tử theo tử, hôn-thú theo hôn-thú, năm nào biên theo năm nấy, của làng nào dùng theo làng nấy và dùng một năm một mà thôi, *một cuốn bộ không được dùng luôn hai năm.*

Trương đầu mỗi cuốn bộ đều có quan Chánh-tòa địa-phận phê ký và ghi là mấy tờ, định dùng về năm nào rồi ký tên trên mỗi tờ và cho số hiệu, làm như vậy là có ý không cho ai thêm bớt bôi xé, đổi chọn, cạo sửa v.v. trong cuốn bộ.

Chánh-lục-bộ phải giữ gìn bộ sổ cho kỹ, nếu đề hư rách và mất thì có tội.

*
* * *

II.— Chánh Phó-lục-bộ

Mỗi năm, mỗi làng cử hai người Hương-chức để coi về bộ-đời có quan Tham-biện chánh chủ-tỉnh phê cấp-bằng: một người làm Chánh-lục-bộ, một người làm Phó-lục-bộ.

Chánh-lục-bộ chỉ coi về việc sanh, tử, hôn-thú trong làng mình mà thôi.

Hễ khi nào Chánh-lục-bộ vắng mặt hoặc mắc việc gì, như khi mình là người khai về việc sanh, tử hay hôn-thú là việc của mình hay là mình mắc làm chứng trong các việc sanh tử hôn-thú ấy thì phải giao quyền lại cho Phó-lục-bộ.

Khi ấy phải làm giấy phép cho Phó-lục-bộ thế quyền hoặc lâu hay mau hữu hạn, nhưng nếu vắng mặt một hai ngày thì không cần làm giấy thế-hành.

Chỉ có những khi sau này thì Phó-lục-bộ mới được khai :

1° — Khi Chánh-lục-bộ bị ngưng chức, hoặc là xin thôi mà làng chưa cử Chánh-lục-bộ khác ;

2° — Khi nào Chánh-lục-bộ đau hay là đi khỏi, hoặc là mắc về bốn phận mình ;

3° — Khi có giấy Chánh-lục-bộ cho thế-hành thì mới được trọn quyền khai sanh, tử, hôn-thú. Chỗ ký tên phải đề câu này :

« Thế cho Chánh-lục-bộ mắc việc »

Những khai nào mà Phó-lục-bộ thiếu vô bộ không có phép Chánh-lục-bộ cho thế-hành thì kể như là không có.

Phận-sự của Phó-lục-bộ y như phận-sự của Chánh-lục-bộ, và Hương-chức ấy cũng bị trách-nhậm như Chánh-lục-bộ vậy.

* * *

III. — Phận-sự của Chánh Phó-lục-bộ.

1°.— Hễ trong làng có việc sanh tử hôn-thú thì Chánh-lục-bộ phải biểu người ta khai.

α) Thâu lời khai

Người ta khai làm sao thì Chánh-lục-bộ chép vào bộ làm vậy, biên vô mỗi khoản có chừa sẵn trong tờ khai, phải cho kỹ cang chớ cho sơ sót, viết lộn, nháy v. v.

Chánh-lục-bộ không được phép biểu người ta làm giấy khai riêng rồi ký tên mà nạp cho mình để dồn đống đặt lúc rảnh mình coi theo đó đem vô bộ. Làm như vậy sai phép là vì cái khai rời ấy hay mất và mấy lá khai trong bộ mà không có người khai và chứng có ký tên thì *kể như là không*.

Hết thấy mấy người đứng tên trong khai mà còn sống thì phải có mặt nơi phòng việc của Chánh-lục-bộ; như có

ai vắng mặt thì phải có giấy cho người khác thế-hành cho người ấy.

Hai người chứng phải đích thân hiện diện, không đặng cho ai thế-hành. Chánh-lục-bộ hỏi mấy người ấy rõ ràng rồi, như xét không có điều gì trong luật cấm, thì Chánh-lục-bộ tức thì biên vào *hai bồn bộ giống nhau* có đủ chứng cứ nội vụ, khoản nào không biết chớ nên chừa trống, phải gạch một đường mực vào khoản ấy, từ góc này xéo xuống góc bên kia.

Biên rồi, đọc lại cho nội vụ nghe, như có sai thì sửa lại tức thì và biểu mấy người ấy ký tên liền với mình vào 2 bồn bộ.

Chánh-lục-bộ đề ngày và ký tên vào, phải có Xả-trưởng nhận con dấu và ký tên vô, làm như vậy khỏi chuyện cãi lầy, khỏi bị nhiều khi người ta nói Chánh-lục-bộ thâu khai rồi, còn Chánh-lục-bộ thì nói chưa khai.

b) Người khai.

Trong việc khai sanh, khai tử, khai hôn-thú, Chánh-lục-bộ phải biên trong lời khai tên họ, tuổi tác, nghề-nghiệp cùng là nhà cửa của người khai.

Người khai bất luận đàn-ông, đàn-bà cũng được, miễn là biết rõ đầu đuôi công chuyện đó, cứ thấy sao khai vậy mà thôi.

c) Người chứng.

Cũng trong việc khai sanh tử hôn-thú, phải có 2 người chứng mới được. Chánh-lục-bộ phải biên tên họ tuổi tác nghề nghiệp cùng nhà cửa của họ vô.

Làm chứng là chứng rằng mấy lời người khai cho Chánh-lục-bộ biên vào bộ là sự thật, sự mình thấy rõ ràng.

Bà con của mình, người dung, hoặc bà con với Chánh-lục-bộ cũng được phép làm chứng cho mình, miễn là người chứng rõ biết những lời của người khai đó là thật.

Mặc dầu Chánh-lục-bộ biết người chứng ấy không quen biết với người khai, mà nó chịu làm chứng, thì mình cũng tin làm vậy.

d) Cạo sửa

Như rũi có sơ sót hay là biên sai, hoặc là lộn thì chớ nên cạo sửa; như trong lúc có mặt người khai và chứng có thì Chánh-lục-bộ được phép gạch ngang qua chữ sai mà viết lại chữ đúng trước mặt mấy người khai làm chứng; còn không có mặt nội-vụ khai đó thì chừng nào có án tòa dạy sửa mới được sửa.

e) Chẳng nên viết tắt

Cấm nhắc viết tắt trong bộ-dời, như Nguyễn-văn... không được phép viết Ng. v., Trương viết Trg vân vân...

Cũng chẳng nên viết số, như sanh ngày 5 Janvier 1940, phải viết: "Ngày năm tháng Janvier năm một ngàn chín trăm bốn mươi". Ngày tháng, tuổi phải viết trọn chữ quốc-ngữ. Quan Thống-Đốc Nam-kỳ đã nhiều phen gởi châu-tri cho các quan Chũ-tỉnh nói về sự thiệt hại của sự viết tắt ấy.

f) Những điều không nên biên vào khai.

Chánh-lục-bộ không nên biên vào bộ những điều nào luật không dạy biên, như chẳng nên biên chết về bệnh gì, hoặc là chết tại Nhà-thương hay tại khám cùng là chết chém, chết đâm, vân vân...

Như người khai quên khai những điều luật dạy biên thì Chánh-lục-bộ phải nhắc nhở họ, chớ nên tự ý mình biên những điều mình nghe phong phanh.

Nếu khi nào Chánh-lục-bộ nghi rằng người khai cùng là người chứng khai những điều giả trá, thì phải nói cho họ biết rằng khai gian có tội; nếu mấy người ấy tự quyết rằng lời khai của họ thiệt thì Chánh-lục-bộ cứ biên y mấy lời khai ấy vào bộ, rồi chạy phúc-bẩm tức thì cho quan Biện-lý hay.

g) Những tờ phải sao trọn vào bộ.

Mấy thứ tờ kể ra sau này phải chép trọn vô bộ :

1^o — Tờ khai báo về việc đưa con nít bỏ rơi;

2^o — Tờ nhìn con làm trước mặt làng hay là trước mặt chưởng-khế (notaire) hoặc là làm trong tờ chúc-ngôn;

3^o — Tờ lập tự hay là tờ nuôi con nuôi, tờ khai sanh hay là khai tử của những người sanh hay là tử dọc đường hoặc là ngoài địa-phận, thì cứ chép vào bộ cái sao-lục bộ sanh hay là tử của người ta trình.

(Thí dụ: Có người dân ở làng Tân-An, hạt Cánhơ, đi làm ăn trên Nam-Vang (Cao-Miên) sanh được một đứa con trên ấy. Khi về Tân-An, đem trình cho Chánh-lục-bộ đứa trẻ ấy đăng đem vào bộ sanh: đứa ấy gọi là sanh ngoài địa-phận)

4^o — Những án tòa dạy sửa bộ lại;

5^o — Tờ vi-bằng về chuyện gặp thầy ma.

Chánh-lục-bộ không được đem tờ khai gì khác vô bộ, trừ ra những tờ kể trên đây mà thôi.

Tờ gì hay là án gì thì thứ nào đem vô bộ thứ nấy: tờ nhìn con, tờ nuôi con nuôi, tờ lập tự thì đem vô bộ sanh.

h) Những lời cước tại lễ bộ.

Án cho nhìn con của tòa cho phải cước nơi lễ cái khai sanh đứa con nít ấy. Việc lập tự hay là nuôi con nuôi cũng vậy.

Án dề bỏ thì ghi tại lễ hôn-thú.

Án dạy sửa tên sửa họ người nào cũng gạnh vô bộ trên lễ bộ sanh người ấy.

Việc cước, việc gạnh ấy, phải làm luôn trong hai bồn bộ, nếu như một bồn đã nạp tại tòa rồi, còn lại trong làng có một bồn thì Chánh-lục-bộ cước rồi phải chạy tờ cho

quan Biện-ly hay đặng ngài dạy quan Lục-sự cước vô bốn bộ đề tại Tòa.

i) Ký tên.

Người nước nào phải ký tên theo nước nấy và cũng được ký tên chữ quốc-ngữ và chữ Annam (chữ nho) còn người nào dốt thì đề tên người ấy dốt, không biết ký, đừng dùng điểm chỉ.

2°.— Bộ - phụ

Chánh-lục-bộ phải để ý coi cuốn bộ gần hết thì xin thêm bộ-phụ tại tòa-bố rồi xin quan Chánh-tòa phê ký và đề ngoài nhãn là “Bộ-phụ”; như một cuốn dùng không đủ thì hết cuốn đó xin cuốn kế, và đề ngoài bìa: Bộ-phụ số 1, Bộ-phụ số 2, v. v. . .

3°.— Số thứ tự.

Cái khai đầu trong cuốn bộ cho nó số 1, cái kế đó số 2, rồi cứ như vậy mà đếm tới hoài. Như cuốn bộ chánh hết mà cái khai chót số 50 thì khai thứ nhứt cuốn bộ-phụ phải cho nó số 51 v. v. . . cứ như vậy mà làm, dầu có đôi ba cuốn bộ-phụ cũng vậy, nghĩa là cuốn nhì nối cuốn nhứt, cuốn thứ ba nối cuốn thứ nhì.

Làm như thế, cuốn bộ chánh và mấy cuốn bộ-phụ tuy đóng riêng mặc dầu mà nhập lại thì nó thành một cuốn trọn vậy, số mấy tờ khai tiếp nối nhau.

4°.— Giá trị Bộ-đời.

Bộ-đời mỗi thứ 2 bốn đều là bốn chánh cả thấy không phải một bốn chánh với một bốn sao đầu. Trong hai bốn, đều phải có chữ ký tên thiệt của mỗi người khai, chúng có với Hương-chức.

Bộ sớ đề tại phòng quan Lục-sự đều làm tin chắc chắn trước mặt tòa, trừ ra khi có lẽ gì khác chứng rằng không phải.

Chánh-lục-bộ chẳng được phép cho ai coi bộ đời, chỉ

có quan Biện-ly, quan Chủ-tỉnh, Chủ-quận, Cai-phó tổng được phép coi mà thôi.

5° — Sao-lục Bộ-đời.

Hễ có ai xin sao-lục bộ-đời thì Chánh-lục-bộ phải sao mà cho.

Trong bộ người ta đã biên làm sao, biên chỗ nào, mình cứ sao ra y như vậy; trong chỗ ký tên, ai có ký, ai không ký, cũng phải sao cho kỹ cang, một chữ cũng chẳng nên sai sót, sao đủ rồi phải để câu này vô: « Sao-lục y như trong bộ » Rồi để ngày và ký tên vào, và phải có *Xả-trưởng nhận thiết với một người Hương-chức nữa*, Hương-thân, Hương-hào hay Hương-quản cũng được. Nhưng mà Xả-trưởng phải ký tên nhận mộc luôn luôn.

Chánh-lục-bộ với Xả-trưởng đứng không thì không đủ phép *phải có* một người hương-chức thứ ba nữa mới được.

Như quan Lục-sự phát tờ sao-lục bộ-đời cho ai, thì phải có chữ ký tên của quan Chánh-tòa.

a) Giá tiền sao-lục

Giá tiền phát ra mỗi tờ sao-lục, có lời nghị của quan Toàn-quyền ngày 2 Aoút 1933, điều thứ 121 định như vậy:

1°.— Sanh và tử:

Con niêm (timbre)		1\$08
Tiền công (droit)	(về phần công	0,30
Tiền thị nhận thủ ký (légalisation)	(nho làng hưởng	0,10
		<u>1\$48</u>

2°.— Hôn-thú, nuôi con nuôi, nhìn con.

Con niêm		1\$08
Tiền công	(về phần công-nho	0,60
Tiền thị nhận thủ ký	(làng hưởng	0,10
		<u>1\$78</u>

Còn sự khai và biên ký vào bộ thì không có phép đòi tiền chi hết.

Khi nào có trát quan dạy sao-lục thì sao-lục bằng giấy trắng mà nạp và chẳng có tiền công.

b) Khi nào sao-lục khởi tiền.

Nhằm những khi sau này thì Chánh-lục-bộ sao-lục trong giấy trắng không gắn con niêm và không bắt trả tiền :

1^o.— Sao-lục cho những kẻ nghèo khó xin đăng làm lễ cưới ;

2^o.— Hoặc khi ai có việc quan đòi cùng là có việc tra xét, giá như khi có đũa con nít bị người ta bắt thì sao lục bộ sanh nạp theo. Khi có kẻ bị người ta giết thì sao-lục bộ tử nạp theo, như có đám ăn trộm giữa vợ chồng, cha mẹ dâu rề thì nạp sao-lục hôn-thú và sao-lục khai sanh, v. v...

3^o.— Sao-lục khai sanh cho trẻ vô trường học ;

4^o.— Sao-lục khai sanh, hôn-thú cho lính ;

5^o.— Sao-lục khai sanh, hôn-thú cho các viên chức nạp cho kho hưu-trí.

c) Chiếu theo **Châu-tri ngày 24 Novembre 1933** của quan Thống-Đốc Nam-kỳ, Chánh-lục-bộ không được phép sao-lục một tờ sanh tử hôn-thú không có trong bộ mình ; làm như vậy sai phép.

Cắt nghĩa :

Một người ở làng Nhơn-Nghĩa (Cầnthơ) có một cái sao-lục khai sanh của làng Bình-Lập (Tân-An) cho nó. Nó cần dùng 1 bốn nữa, không xin với Chánh-lục-bộ Bình-lập, lại đem trình cái sao-lục đó cho Chánh-lục-bộ làng Nhơn-nghĩa xin sao ra một bốn khác và nhận thiệt.

Chánh-lục-bộ Nhơn-nghĩa *không được phép* sao cái sao-lục kia.

6^o.— a) Nạp sao-lục mỗi tháng cho tòa.

Trong 10 ngày đầu tháng, Chánh-lục-bộ phải sao mỗi cái khai là một tờ rời đúng dẫn y trong bộ về việc sanh tử, hôn-thú mình đã đem vào bộ trong tháng trước, mà nạp tại

phòng quan Lục-sự tòa địa-phận, trong tờ sao ấy Chánh-lục-bộ phải ký tên và phải có 2 người hương-chức nhận thiết.

Quan Biện-lý xem xét các tờ sao ấy và như phải có sửa lại thì ngài dạy phải sửa lại.

b) Nạp bộ cuối năm.

Mỗi năm, tới ngày 31 Décembre thì khóa bộ rồi nội tháng Janvier kể đó, phải nạp 1 bản tại phòng quan Lục-sự tòa địa-phận.

Những tờ sao của Chánh-lục-bộ nạp mỗi tháng đều đóng lại mà dính theo các bản bộ đề tại phòng quan Lục-sự. Bản bộ kia thì đề tại Nhà-việc làng.

Về việc khóa bộ, phải biên kế hàng chót trong lá khai chót mình đã thâu rồi trong năm trước, câu sau này :

« Trong năm 1940, cuốn bộ sanh làng Tân-An, tổng Định-Bảo, có lá khai ».

Cântho, le 1^{er} Janvier 1941

Chánh-lục-bộ,

(ký tên)

Như hàng chót đó không còn chỗ viết được thì viết qua trên đầu tờ khai trang kế đó. Như có bộ phụ thì khóa tại bộ phụ chớ không phải khóa tại cuốn bộ trước.

Còn như trong cuốn bộ nào trọn năm không có khai thì khóa như vậy :

« Trọn năm 1940 cuốn bộ hôn-thú bậc nhì làng Tân-An (Cântho) không có biên lá khai nào hết ».

Cântho le 1^{er} Janvier 1941

Chánh-lục-bộ,

(ký tên)

c) Thông-qui.

Mỗi khi tới đầu năm, Chánh-lục-bộ phải làm một lá thông-qui những lá khai mình đã thâu năm trước đó mà phải sắp theo vần a - b - c.

Tờ thông-qui phân ra làm bốn khoản :

1^o— Khoản thứ nhất, biên tên (sinh thì biên tên đứa con nít, tử thì biên tên người chết, hôn-thú thì tên người chồng);

2^o— Khoản thứ nhì biên ngày khai (hay ngày sanh về khai sanh);

3^o— Khoản thứ ba biên số hiệu lá khai trong bộ;

4^o— Khoản thứ tư biên số thứ tự.

Thông-qui làm như vậy :

SANH

Tên họ đứa con nít	Ngày sanh	Số hiệu lá khai	Số thứ tự
An (Đình-văn)	8 Juillet 1940	3	1
Bang (Lê-văn)	5 Janvier 1940	1	2
Căn (Lý-văn)	15 Février 1940	2	3
Đắc (Trần-văn)	12 Mars 1940	4	4
G.....			
H.....			

Xã-trưởng

(ký) (nhận mộc)

Cantho le 2 Janvier 1941

Chánh-lục-bộ

(ký tên)

TỬ

Tên họ người chết	Ngày đi khai	Số hiệu lá khai	Số thứ tự
Ăn (Nguyễn-văn)	15 Juin 1940	7	1
Bánh (Trần-văn)	8 Avril 1940	5	2
Cam (Lê-văn)	24 Août —	9	3
Đi (Huỳnh-văn)	5 Février —	2	4
G.....			
H.....			

Xã-trưởng

(ký tên, nhận-mộc)

Cantho le 2 Janvier 1941

Chánh-lục-bộ

(ký)

HÔN - THÚ

Tên họ người chồng	Ngày đi khai	Số hiệu lá khai	Số thứ tự
Ất (Lê-văn)	4 Février 1940	1	1
Bính (Đoàn-văn)	3 Avril —	3	2
Đinh (Huỳnh-văn)	25 Mars —	2	3
Mậu (Trần-hữu)	9 Juillet —	5	4
Kỷ (Võ-văn)	8 Juin —	4	5
.....			

Cantho le 2 Janvier 1941

Xã-trưởng**Chánh-lục-bộ**

(ký tên và nhận mộc)

(ký)

*
* ***IV. — a) Sự kiểm xét bộ**

Quan Biện-lý tòa sở tại mỗi năm kiểm xét bộ sổ nạp tại phòng Lục-sự rồi làm tờ vi-bằng về chuyện kiểm xét ấy, lục ra những điều Chánh-lục-bộ phạm luật, đặng xin phạt và hương-chức ấy.

Quan Biện-lý xem sóc về cách thu khai bộ-đời.

Khi khóa bộ và làm thông-qui rồi thì Chánh-lục-bộ phải nạp hết thầy bộ và thông-qui cho quan Biện-lý xét; xét rồi, Chánh-lục-bộ nạp bộ và thông-qui mỗi thứ một bản và bản khai rao hôn-thú cho quan Lục-sự, còn mỗi thứ một bản thì để tại nhà-việc làng với bộ mấy năm trước.

b) Sửa bộ sai, thêm khai sót.

Như người nào có việc xin sửa bộ, hoặc quan Biện-lý xin sửa bộ, thì bộ để tại phòng quan Lục-sự tòa nào, thì tòa ấy dạy sửa.

Những án dạy cải sửa đều phải cước ngoài lẽ bản bộ đời để tại phòng quan Lục-sự.

Khi nào phải có án xin sửa bộ là:

1° — Khi viết lộn tên, hoặc trai mà biên ra gái, gái mà

biên trai, hoặc quên tên cha mẹ của đứa con nít, hoặc biên những điều luật không dạy biên cùng là luật cấm không cho biên.

2° — Khi luật dạy phải có hai người chứng, mà có một người mà thôi, hoặc là hai người chứng quên ký tên.

3° — Khi đã quá ngày rồi mà quên khai.

4° — Khi bộ rũi hư, bị mối mọt ăn, bị cháy v...v...

5° — Hoặc khi hai cuốn bộ đều bị hư mất, hoặc một cuốn hư mất mà thôi.

6° — Hoặc một phần trong cuốn bộ hư hao.

7° — Hoặc Chánh-lục-bộ hay là chứng có quên ký tên.

8° — Hoặc viết tắt : Nguyễn-văn viết Ng. v. hay tên có *g* mà viết không *g* v...v...

Khi biên khai vô bộ rồi, luật cấm không cho thêm bớt sửa cải điều gì, nên hề khi sau thấy sai sót điều gì trong mấy điều kể trên đây thì Chánh-lục-bộ phải làm phúc bẩm cho rõ ràng cho quan Biện-lý đặng ngài xin tòa lên án dạy sửa lại, hoặc là quan Biện-lý dạy ai phải xin án ấy.

Hoặc giả có người thấy có sự sai lầm trong khai sanh hôn-thú mình thì làm đơn xin quan Chánh-tòa lên án dạy sửa lại.

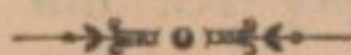
Khi có án tòa dạy sửa điều gì thì quan Biện-lý dạy sao lục án ấy cho Chánh-lục-bộ ; hoặc người đắc án xin lãnh và xin quan phú cho Chánh-lục-bộ đặng Chánh-lục-bộ sao án ấy bên lẽ lá khai sái ấy. Khi sao rồi, Chánh-lục-bộ phải ký tên, còn bản án thì phải gắn theo lá khai.

Còn khai ấy sai làm sao thì phải đề y như vậy ; án dạy sửa nghĩa là phải gạnh án ấy ngoài lẽ mà thôi.

Như khi có án dạy sửa khai lại mà bộ đã nạp tại phòng quan Lục-sự rồi, thì Chánh-lục-bộ phải chép cái án ấy, ký tên nhận thiệt vô, rồi gửi bản án ấy lại cho quan Biện-lý đặng ngài dạy quan Lục-sự sửa trong bộ để tại tòa.

Như cái khai nào đã có án dạy sửa một lần rồi, sau có án dạy sửa một lần nữa, thì cũng cứ sao lời án ấy vô như nói trên đây.

Và như có ai xin sao-lục bộ thì cũng sao y theo bộ sái mà phải biên án dạy sửa vô.



KHOẢN THỨ II

Hình phạt về Bộ-đời.

a) Người nào luật dạy phải đi khai sanh, khai tử hoặc là khai hôn-thú, nếu không có lẽ gì chánh-đáng mà không chịu khai, hoặc là trề nài không lo khai thì phải bị *phạt vạ từ 5 quan cho tới 50 quan*, trừ ra khi phải phạt y theo điều thứ 346 trong luật hình.

Ai mà cố ý khai gian, hoặc là đề cho người ta tới trước mặt Chánh-lục-bộ mà khai gian, hoặc là mình rõ biết mà khai gian thiếu thốn, không chắc chắn, thì bị *phạt tù từ 6 tháng tới 2 năm, và bị phạt vạ từ 500 quan tới 2.000 quan*.

b) Nếu Chánh-lục-bộ không kỹ-lưỡng, làm hư, bồi, cạo, xé hoặc làm mất bộ đời, hoặc khi có sanh tử, hôn-thú mà Chánh-lục-bộ đã hay biết mà không biểu người ta khai đăng đem vào bộ, lại phận mình phải giữ gìn bộ mà đề cho người ta bồi cải cùng là phá hư bộ, thì *bị phạt vạ từ 500 quan cho tới 2.000 quan, và phạt tù từ 6 tháng cho tới 2 năm*, lại còn phạt nặng hơn nữa y theo luật hình (điều thứ 145 với mấy điều kế, 192 với mấy điều kế)

c) Chánh-lục-bộ nào đã rõ biết rằng có đám cưới bị ngăn trở như là dang trai dang gái chưa đúng tuổi, hoặc là trai gái không ưng nhau, hoặc là cha mẹ không thuận gả cưới, hoặc là trai gái bà con thân thích nhau, hoặc là trùng giá trùng thú, mà Chánh-lục-bộ cứ thị sự đám cưới cùng là thâu khai hôn-thú thì *bị phạt vạ từ 500 quan sắp xuống và bị phạt tù từ 3 tháng cho tới 1 năm*

d) Chánh-lục-bộ nào biên các lời khai sanh, tử và hôn-thú vào giấy trắng thường (giấy rời ra từ tờ mà không có chữ quan tòa ký

tên làm dấu) thì *bị phạt tù từ 1 tháng cho tới 3 tháng và bị phạt vạ từ 16 quan cho tới 200 quan* (Điều thứ 192 luật hình).

e) Luật dạy về việc hôn-thú, theo phép chắc chắn thì phải có cha mẹ hay là kẻ lớn nào khác trong dòng bà con ưng thuận cho gả cưới mới đặng.

Như Chánh-lục-bộ không lo hỏi cho biết mấy người ấy có ưng thuận cho gả cưới hay không, thì *bị phạt vạ từ 16 quan cho đến 300 quan và bị phạt tù từ 6 tháng cho tới 1 năm*. (Điều thứ 193 luật hình).

f) Luật định cho đàn bà, kể từ ngày chồng chết cùng là chồng để dặng 10 tháng mới được lấy chồng; nếu Chánh-lục-bộ thấu khai hôn-thú vào bộ cho người đàn bà chồng chết, chồng để chưa dặng mười tháng mà tái giá thì Chánh-lục-bộ phải *bị phạt vạ từ 16 quan cho đến 300 quan*. (Điều thứ 194 luật hình).

g) Mặc dầu không có ai xin hủy khai nào đã làm sai phép, cùng là yêm-àn bỏ qua việc sai phép ấy, Chánh-lục-bộ cũng bị các hình-phạt đã định trong mấy điều trước này, và cũng có thể bị hình-phạt nặng hơn nữa nếu đồng tình làm chuyện trái phép, ấy là không kê tội đã định trong luật hộ, phần thứ 5, quyền thứ nhứt. (Điều thứ 195 luật hình).

h) Mấy thầy cả đạo nào làm phép giao cho đám cưới nào làm theo mặt luật của Nhà-Nước Đại-Pháp mà không có bằng cứ rằng Chánh-lục-bộ đã thấu khai hôn-thú ấy vào bộ rồi, thì thầy cả ấy *bị phạt tù từ 16 quan cho tới 100 quan*. (Điều thứ 199 luật hình).

Như thầy cả tái phạm các tội đã định trong điều trước này, thì sẽ bị phạt như sau đây :

Tái phạm lần thứ nhứt: *phạt tù từ 2 năm cho tới 5 năm*;

Tái phạm lần thứ nhì: *phạt tù cấm cố*. (Điều thứ 200 luật hình).

i) Người nào có chồng có vợ làm hôn-thú bậc nhứt rồi mà còn kết hôn làm hôn-thú bậc nữa, khi cuộc hôn-nhơn trước chưa hủy thì *bị phạt tù từ 1 năm cho tới 5 năm, và có thể bị phạt vạ từ 16 quan cho tới 500 quan*

Người đàn bà đã có hôn-thú bậc nhì mà còn lấy chồng làm hôn-thú bậc nhứt hay bậc nhì nữa trong khi cuộc hôn-nhơn trước chưa hủy thì *bị phạt tù từ 6 tháng tới 2 năm và phạt vạ từ 16 quan tới 200 quan.* (Điều thứ 340 luật hình).

j) Những người nào luật buộc phải khai việc sanh đẻ mà không khai trong kỳ luật định thì phải *bị phạt tù từ 6 ngày cho tới 6 tháng và bị phạt vạ từ 16 quan cho tới 300 quan* (Điều thứ 346 luật hình).

k) Những người nào xí dặng một đứa con nít mới đẻ mà không đem giao cho Chánh-lục-bộ thì phải bị phạt theo tội đã định trong điều trước này.

Nếu như người ấy chịu lãnh nuôi đứa con nít cùng tới báo cho Hương-chức làng tại chỗ nó xí được đứa con nít, thì nó khỏi tội định trên này. (Điều thứ 347 luật hình).

l) Luật dạy phải xin phép Chánh-lục-bộ rồi mới được chôn người chết, mà người nào chôn không xin phép ấy, thì *bị phạt tù từ 6 ngày cho tới 2 tháng và bị phạt vạ từ 16 quan cho tới 50 quan.* Nếu người chôn lén có phạm tội gì khác nữa thì cũng còn bị hình-phạt khác..

Những người nào phạm luật lệ về việc chôn gáp, bất kỳ là cách nào, thì cũng bị phạt như vậy. (Điều thứ 358 luật hình).

m) Những người nào tàng ần, dẫu thấy một người bị người ta giết, cũng là thấy có thương tích thì *bị phạt tù từ 6 tháng cho tới 2 năm và bị phạt vạ từ 50 quan cho tới 400 quan*; nếu nó đồng phạm tội sát nhơn hay là đánh đập người chết ấy thì còn bị tội nặng hơn nữa. (Điều thứ 359 luật hình).



KHOẢN THỨ III**I. — Sanh****1°. — Về việc khai sanh.**

Khi nào có một đứa con nít sanh ra thì phải có người đến khai cho Chánh-lục-bộ với hai người chứng.

Dẫu Chánh-lục-bộ hay rằng có đứa con nít mới sanh cũng không được tự ý đem vào bộ sanh, phải có người khai mới đặng.

Đứa nhỏ sanh tại làng nào phải khai sanh tại làng ấy.

a) Kỳ hạn phải khai.

Sanh nội trong *tám ngày* phải khai. Đứa con nít sanh bữa 5 tây, như có trẻ nội trong ngày 13 phải khai sanh.

Như qua bữa 13 tây rồi thì Chánh-lục-bộ không phép thâu khai, đợi chừng nào có án tòa dạy đem khai vào bộ mới đặng đem.

b) Trình đưa con nít cho Chánh-lục-bộ.

Đứa trẻ mới sanh phải trình cho Chánh-lục-bộ, đặng người Hương-chức ấy biết rằng thiệt có một đứa con nít mới đẻ, và trẻ ấy trai hay gái.

Chớ như Chánh-lục-bộ cứ người ta khai làm sao mà biên vô làm vậy, như không có sanh mà họ khai có sanh, hoặc có sanh mà trai khai gái, gái khai trai thì Chánh-lục-bộ bị tội liêng can.

Phải đem đứa con nít tại Nhà-việc mà trình, trừ khi nào nó đau ốm thì Chánh-lục-bộ phải tới nhà cha mẹ nó mà thâu khai.

c) Người nào phải đứng khai.

Cha đứa nhỏ có mặt thì phải khai sanh cho nó.

Như người cha vắng mặt hoặc mắc việc gì, hoặc mẹ



nó không chồng, thì những người ở chung một nhà, hoặc những người có mặt trong lúc sanh đẻ nó, hoặc những nhà ở gần với người đẻ, đều phải tới Chánh-lục-bộ mà khai sanh cho nó.

Nếu sanh đẻ tại Nhà-thương, tại khám-đường, hoặc tại chỗ nào khác của Nhà-Nước, thì các người cai quản đều phải khai theo phép.

Như người cha đi không dặng, được làm giấy cho người ta khai thế cho mình.

d) Những điều biên vào khai sanh.

Trong bộ sanh phải biên ngày sanh đứa con nít, chỗ sanh đẻ, phải biên nó trai hay là gái, đặt tên gì, lại biên tên họ chức phận và nghề nghiệp, nhà cửa của cha mẹ nó, lại phải biên mẹ nó vợ chánh hay là vợ thứ.

Ngày sanh.

Phải biên ngày tháng năm cho kỹ và trọn chữ. Như sanh: ngày năm tây tháng Janvier năm một ngàn chín trăm bốn mươi.

Như nhằm đứa con nít đẻ song thai, thì phải biên giờ sanh mỗi đứa. Mỗi đứa song thai biên về mỗi khai sanh riêng.

Sanh đẻ chỗ nào.

Phải biên tên làng chỗ sanh đẻ nó mà thôi, chớ đừng các nghĩa rằng đẻ nơi lao tù, hay nhà bảo-sanh v. v...

Tên họ cha mẹ.

Như cha mẹ đứa trẻ có hôn-thú thì phải biên tên cha mẹ, dẫu người cha khai rằng không phải con mình, Chánh-lục-bộ cứ biên tên người chồng của người đàn-bà năm chỗ làm cha đứa con nít, dẫu có người nào khác đến nhận rằng con nó cũng không nên biên tên người ấy làm cha được.

Khi một người đàn-bà lấy chồng được sáu tháng sắp

lên mà sanh con thì đứa con ấy là con của người chồng ; còn như chồng chết hay chồng đẽ rồi trong 300 ngày trở lại mà đẽ con ra, thì đứa con ấy là con của người chồng chết hay là người chồng đẽ.

Một người đàn-bà có chồng, trong lúc còn phối-hiệp, đẽ con ra thì đứa con ấy là con của người chồng. Gọi là sanh trong lúc phối-hiệp, là khi cha mẹ làm hôn-thú rồi được 180 ngày trở về sau mà sanh đứa con ra, hoặc là nội trong 300 ngày kể lúc cha mẹ nó xa nhau mà sanh nó ra.

2.— Không nhìn nhận con.

Tuy phỏng định như vậy mặc lòng, người cha cũng có phép kiện mà không nhận đứa con ấy (désaveu).

Như vậy thì phải trưng bằng có rằng từ khoản 300 ngày cho tới 180 ngày trước khi đứa con nít ấy sanh ra, mình không có ăn ở với người đàn-bà ấy được, bởi xa cách nhau, hoặc bởi chuyện rủi ro gì, không thể ở chung với vợ được.

* * *

Dẫu người đàn-bà phạm tội thông dâm mặc lòng, người đàn-ông cũng không đủ bằng có mà từ chối đứa con; nhưng vậy mà như chuyện thông dâm đả quả tang và xét rõ ràng người chồng không phải là cha đứa con nít ấy thì tòa có lẽ chấp đơn.

* * *

Vợ chồng cưới hỏi chưa được 180 ngày mà sanh con ra thì người cha có thể không nhận đứa con ấy.

Nếu có bằng có rằng trước khi cưới, người chồng hay biết rằng người đàn-bà đã có thai, hoặc là khi đi khai sanh cho đứa trẻ thì nó khai nó là cha, thì tòa có lẽ cũng không chấp đơn.

Như đứa trẻ sanh ra mà không sống đặng, thì chẳng cần chi phải kiện từ chối.

Vợ chồng xa nhau hơn 300 ngày rồi mà sanh con ra thì người chồng cũng được từ chối rằng đứa trẻ ấy không phải là con của mình hoặc có án dạy hai vợ chồng ở riêng ra rồi, cách hơn 300 ngày mới sanh con ra thì cũng được chối cãi như vậy.

* * *

Khi người chồng đứng kiện không nhìn đứa con, thì phải kiện trong kỳ hạn một tháng kể từ ngày đứa trẻ sanh ra. Nếu lúc ấy nó đi khỏi, khi nó về nội trong 2 tháng thì phải kiện. Như sự sanh đẻ ấy đã dấu không cho người chồng hay, thì cũng phải kiện nội trong 2 tháng kể từ ngày người chồng rõ đặng chuyện gian dấu ấy.

* * *

Như người chồng chết chưa kịp kiện thừa, thì mấy người thừa hưởng gia-tài của nó được đứng kiện và được một kỳ hạn là 2 tháng kể từ ngày có ai tranh giành gia-tài người chết với chúng nó, hoặc kể từ ngày đứa con nít ấy chiếm cứ gia tài đó.

* * *

Khi nào có đơn kiện từ chối một đứa con nít nào, thì tòa phải dạy người trưởng-tộc đi hầu thay mặt cho đứa con nít ấy.

* * *

3^o.— Con hoang.

Con nít mới sanh ra mà cha mẹ nó không có làm hôn-thú thì phải biên tên họ mẹ nó vào khai mà thôi.

Như hai vợ chồng không có cưới hỏi nhau, sanh con ra cũng được phép nhìn nó là con mình vậy. Như vậy, thì hai vợ chồng phải đứng trong khai sanh mà nhận rằng đứa con nít mới sanh đó là con mình.

VÀI ĐIỀU CẦN BIẾT:

Theo phép thì khi nào vợ chồng không có hôn-thú ở với nhau mà sanh con ra thì đem tên họ của người mẹ vô bộ mà thôi, chỗ tên người cha thì biên: “Không biết”.

Nhưng vậy, nếu người đi khai sanh khai rằng đứa trẻ ấy không có cha mẹ, thì Chánh-lục-bộ phải biên y theo như vậy, không được ép phải tên người đàn-bà để.

* * *

Như người đi khai nhận mình là cha đứa con nít thì Chánh-lục-bộ phải biên tên người ấy vô là cha và phải hỏi tên người đàn-bà mà đem vô chỗ tên người mẹ, còn khoản vợ lớn hay là vợ thứ thì để: “Không có hôn-thú”.

* * *

Việc nhìn con này là nhìn cho đứa con nít ngày sau nó lớn lên muốn tìm cha và mẹ nó thì tìm, chớ người đứng trong khai làm cha nó không có quyền phép với nhau như là vợ chồng có hôn-thú.

* * *

Như người đi khai sanh chỉ rằng cha đứa con hoang ấy là tên Xoài, Chánh-lục-bộ không được biên tên Xoài vô bộ. Phải có tên Xoài đứng khai, hoặc có giấy nó cậy người khai thế cho nó thì được đem tên Xoài vô.

* * *

Còn nếu người đàn-bà đi khai nói lấy tên Xoài mà sanh đứa nhỏ ấy ra thì cũng vậy, Chánh-lục-bộ không được đem tên Xoài vô bộ. Phải có mặt tên Xoài khai hoặc có giấy cậy người khai thế cho nó.

4° — *Con nít bỏ rơi.*

Hễ ai gặp một đứa con nít mới sanh bị người ta bỏ thì phải đem nó cùng quần áo đồ đạc bao phủ nó mà trình cho Chánh-lục-bộ ở tại làng mình gặp đó, cũng phải khai gặp đứa trẻ tại chỗ nào, ngày giờ nào.

Trong bộ sanh, Chánh-lục-bộ phải biên các điều ấy, lại phải nói ước chừng đứa trẻ sanh được mấy ngày, trai hay gái, đặt tên nó là tên gì.

Người xí dặng đứa con nít đi khai, phải có hai người chứng, Chánh-lục-bộ làm vi-băng rồi ký tên với mấy người ấy.

Như người xí dặng chịu nuôi đứa con nít thì đề cho người ấy nuôi, bằng không ai chịu nuôi thì Chánh-lục-bộ phải đem gởi tại nhà-phước.

Hương-quản cũng phải phúc-bẩm cho quan Biện-lý rõ, mỗi khi có việc con nít bỏ rơi như vậy.

*
* * *

5° — *Con nít sanh ngoài địa-phận
Chánh-Phủ Pháp cai-trị.*

Một người dân dưới quyền cai-trị Pháp sanh một đứa con ngoài địa-phận Chánh-Phủ Pháp cai-trị, như nội trong năm sanh để đó mà trở về làng, địa-phận của Chánh-Phủ Pháp, thì nội trong tám ngày sau khi về, cha hay là mẹ phải tới mà khai với Chánh-lục-bộ làng mình ở.

Khi ấy Chánh-lục-bộ phải biên lời khai vào.

Những người đi lính hay buôn bán đi khỏi xứ Langsa cai-trị sanh con ra thì khai với quan nhà binh cùng quan Khâm-sứ; đến khi mình về xứ sở mình thì phải xin tờ giấy của quan nhà binh hoặc là của quan Khâm-sứ làm bằng về chuyện khai sanh đứa nhỏ mà trình cho Chánh-lục-bộ làng của mình mới về ở. Rồi thì Chánh-lục-bộ phải sao lời khai của mình vô hai bản bộ dương niên với tờ giấy của quan nhà binh hay quan Khâm-sứ cho.

6 — *Xin tòa lên án lập thế' vì khai sanh*
(Jugement supplétif d'acte de naissance).

Tại Nam-kỳ, việc bộ đời sanh tử hôn-thú đã lập ra từ năm 1883, nhưng mà hiện thời, còn có nhiều người dưới 40 tuổi không có khai sanh là nghĩa làm sao ?

Một là cha mẹ không lo khai sanh cho con.

Hai là Chánh-lục-bộ quen lệ biểu người ta làm khai trên một tờ giấy nạp cho mình, để dồn đống đó lâu ngày mới đem vô bộ một lần, rồi mất cái này, mất cái kia, thành ra người ta có khai sanh mà sót bộ.

Ngày nay mỗi việc gì Nhà-nước đều buộc nạp khai sanh, như là con nít đi học, đi thi, xin làm việc, nạp khai sanh cho kho hưu-trí, v...v... ; ai ai cũng hiểu rằng cái khai sanh rất cần kiếp, hữu dụng, nên phải lo xin án thế cho khai sanh quên làm.

Vậy phải làm một cái đơn gửi cho quan Chánh-tòa địa-phận chỗ mình sanh. Như vợ chồng có hôn-thú thì phải đứng đơn cả hai, còn như không có hôn-thú thì người vợ đứng đơn mà thôi ; trong đơn phải nói sanh để đưa con nít ấy tại làng nào, ngày tháng nào năm nào, trai hay gái, đặt tên nó là tên họ gì.

Phải có *bấy người chứng* ký tên vô, bất kỳ đàn-ông, đàn-bà, miếng là mấy người ấy rõ biết mình quả có sanh để đưa nhỏ ấy thì được làm chứng.

Chánh-lục-bộ cũng phải ký tên vào đơn, chứng rằng đưa nhỏ ấy không có khai sanh trong bộ năm sanh để nó đó.

Phải dùng giấy tín-chĩ mà làm đơn rồi đem nạp tại phòng quan Lục-sự và phải đóng tiền con niêm và các việc.

Quan Chánh-tòa đòi chứng đến hỏi, rồi lên án dạy chép trọn cái án vô bộ đương niên năm xin án mà thay vì cái khai sanh sót.

KIỂU ĐƠN

I

Cantho le
 Canton de Định-Bảo
 Village de Nhơn-Nghĩa.

Bẩm quan Chánh-tòa,

Nguyên ngày 5 Mai 1910, vợ tôi là Nguyễn-thị-Quít có sanh ra tại làng Nhơn-Nghĩa (Cantho) một đứa con trai đặt tên là Lê-văn-Lưu; khi ấy vì mắc công việc nhà bận rộn nên tôi quên khai sanh. Mấy người có mặt trong lúc sanh đứa nhỏ ấy là :

- 1° (Tên họ, tuổi, nghề nghiệp, nhà cửa)
- 2°
- 3°
- 4°
- 5°
- 6°
- 7°

Nay tôi đến xin quan lớn lên án thế cho cái khai sanh ấy và dạy chép cái án ấy vô bộ.

Lê-văn-Bưởi (ký)

Nguyễn-thị-Quít (ký)

Tôi là Chánh-lục-bộ làng Nhơn-Nghĩa, chứng rằng trong bộ sanh năm 1910 không có khai sanh của Lê-văn-Lưu.

Xã-trưởng,
 (ký tên và nhận mộc)

Chánh-lục-bộ (ký)

II

Cantho le
 Canton de Định-An
 Village de Phú-Hữu.

Bẩm quan Chánh-tòa dạng rõ :

Nguyên ngày 10 Janvier 1906, tôi có sanh một đứa con trai tại làng Phú-Hữu (Cantho) tôi đặt tên là Nguyễn-văn-Bánh, vợ chồng tôi không có hôn-thú; lúc ấy tôi quên khai sanh. Mấy người có mặt trong lúc sanh đứa trẻ ấy là :

1^o (Tên họ, tuổi, nghề nghiệp, nhà cửa)

2^o

3^o

4^o

5^o

6^o

7^o

Nay tôi đến xin quan lớn lên án thế cho cái khai sanh ấy và dạy chép cái án ấy vô bộ.

Nguyễn-thị-Trái (ký)

Tôi là Chánh-lục-bộ làng Phú-Hữu

Khi án về thì Chánh-lục-bộ phải sao vô bộ sanh trong năm giao án, rồi gạnh án ấy tại bộ sanh năm sanh để đưa con nít chồ bõ sót khai ấy.

* *

7^o — Sự nhìn con.

Chỉ có người cha hay người mẹ mới được nhìn đứa con mình mà thôi. Như cha mẹ đi không được, thì cho phép người khác thế hành cũng được.

* *

Đứa trẻ nào được nhìn.

Mỗi đứa con nít đều được chịu nhìn lúc nó mới sanh ra, hoặc đương lúc nó còn trong bụng mẹ nó, hoặc lúc nó chết rồi cũng được miêng là đứa con ấy không phải là con loạn luân, cùng là con gian dâm. Giã như :

a) Hai anh em ruột lấy nhau sanh con thì không phép nhìn đứa trẻ ấy làm con được.

b) Một người đàn-bà có chồng, chồng đau ốm hoặc đi xa, ở nhà lấy tên Ông để con ra. Chồng kiện từ chối đứa con ấy, tòa chấp đơn. Tên Ông không phép nhìn đứa con ấy là con của nó được.

Cách nhìn con.

a) Về đứa con sanh không hôn-thú, lúc khai sanh người cha có nhìn thì khai với Chánh-lục-bộ mà nhận đứa con nít mới đẻ là con mình, rồi ký tên vô khai.

b) Bây giờ nói về sự nhìn đứa con có khai sanh rồi mà trong khai sanh nói không có cha. Phải làm tờ nhìn riêng, có làng thị nhận, *đóng bách phần*, rồi trình cho Chánh-lục-bộ đem vô bộ, cước nơi lễ lá khai sanh của đứa bé, rồi chạy tờ cho quan Biện-ly sở tại hay.

c) Như đứa con còn trong bụng mẹ nó thì Chánh-lục-bộ cũng phải thu tờ nhận con, rồi chờ đến khi đứa trẻ ấy sanh ra, thì trong khai sanh nó Chánh-lục-bộ phải biên nhắc lại cái tờ nhìn con ngày trước.

d) Còn như đứa trẻ đã sanh rồi mà quên khai sanh, phải xin án tòa thế vì cái khai sanh ấy rồi hãy làm tờ nhận con.

e) Gặp việc cần kíp lắm, như người cha đau nặng gần chết, thì phải làm tờ nhận con, không cần chờ tòa lên án, trong tờ phải nói kỹ rằng đứa con mình nhìn đó hình trạng làm sao, sanh ở làng nào, năm tháng ngày nào, trai hay gái, ai đẻ nó, thưở nay kêu nó là tên họ gì.

*
* * *

Chánh-lục-bộ phải cước tờ nhìn con ấy tại lễ khai sanh đứa con nít, như không có khai sanh mà có án tòa thế vì khai sanh thì cước tại lễ khai chỗ chép án ấy; như khi nhìn con mà đứa con ấy đã chết rồi thì cước tại lễ khai tử nó.

—>☉(oxo)☉←—

II. — Về sự nuôi con và lập-tự.**1^o — Lập-tự**

Khi nào có việc lập-tự, thì người lập-tự, người con nuôi để lập tự (như đã thành-niên) và bà con đều ưng chịu phải làm khai trước mặt hai người Hương-chức, trước mặt Chánh-lục-bộ tại chỗ người lập-tự ở.

Chánh-lục-bộ phải gửi khai ấy cho quan Biện-lý tòa sở tại
đặng cho tòa chuẩn định.

Tờ lập tự làm như sau này :

“ Tôi là Lê - văn - Xoài 50 tuổi, ở làng Thới - Bình (Cânthơ),
ngày mười hai tháng hai năm một ngàn chín trăm mười, cưới Nguyễn-
thị-Dậu làm vợ đến nay không có con trai.

“ Nay tôi đứng làm tờ này lập tự cho cháu tôi là Lê-văn-Nhân,
22 tuổi, con thứ của em tôi là Lê-văn-Cam, 45 tuổi ở làng Tân-
An (Cânthơ).

“ Em tôi là Lê - văn - Cam bằng lòng đứng cho tôi lập tự cho
Lê-văn-Nhân và Lê-văn-Nhân cũng bằng lòng cho tôi lập tự cho nó
(khi nào đứa chịu lập tự còn nhỏ tuổi thì không cần gì nó phải
đứng vô).

Cânthơ, le 5 Juin 1940

Chánh-lục-bộ (ký)

Lê-văn-Xoài (ký)

Xả-trưởng (ký tên và nhận mộc)

Lê-văn-Cam (ký)

Hương-hào (ký)

Lê-văn-Nhân (ký)

* * *

Tờ này làm rồi, Chánh-lục-bộ phải chạy phúc bẩm cho
quan Biện-lý hay đặng ngài đem ra giữa tòa chuẩn định.

Nội trong ba tháng, người lập tự ấy phải lo lãnh án về
trình cho Chánh-lục-bộ đặng đem vô bộ sanh đương niên và
cước tại lễ khai sanh đứa con nít chịu phép lập tự ấy.

Đề trễ 3 tháng thì chuyện lập tự ấy kể như không có.

Như người lập tự làm khai trước cho Xả-trưởng rồi,
chưa kịp tòa chuẩn định tờ lập tự mà chết đi, thì tòa
cũng cứ việc chuẩn định.

Khi nào người con nuôi lập tự được trở về gia-quyển cũ
của mình thì phải làm khai cho Chánh-lục-bộ tại chỗ mình ở.

Việc trở về ấy phải ghi vào bộ-dời tại chỗ đã có ghi việc
kế tự ấy, việc ghi này về phần quan Biện-lý làm.

2. — *Về sự nuôi con nuôi có phép.*

Người xin nuôi và cha mẹ đẻ của đứa con nuôi hay là những người bà con trong họ nó, phải làm một cái khai có hai Hương-chức đứng và phải làm khai ấy trước mặt Chánh-lục-bộ.

Chánh-lục-bộ phải biên cái khai nuôi con trong bộ khai sanh nội trong năm ấy.

Tờ nuôi con nuôi này khởi đem tới tòa chuẩn định. Người nuôi con nuôi xin sao-lục một bản đem đi đóng bách-phần.

Việc nuôi con nuôi chắc cùng chẵn thì phải đợi trong năm kể lúc đứa con nuôi đã thành-niên nghĩa là 21 tuổi.

Giả như tên Cam làm tờ nuôi đứa bé tên Bưởi được bốn tuổi sắp lên. Tờ nuôi ấy chưa chắc, đợi khi Bưởi được 21 tuổi, như nó không đến trước mặt Chánh-lục-bộ mà khai rằng nó không chịu tên Cam nuôi nó làm con thì mới kể chắc nó là con nuôi của tên Cam. Còn như nó khai không chịu thì tờ nuôi con ấy phải hủy; như vậy nó phải khai với Chánh-lục-bộ trước mặt 2 người Hương-chức. Chánh-lục-bộ phải cước lời khai này vào lễ lá khai làm con nuôi.

Còn như nếu tên Cam làm tờ nuôi thằng Bưởi lúc Bưởi có 3 tuổi mà thôi, hoặc nhỏ hơn nữa, hoặc là thằng Bưởi là đứa con bố tại Nhà-thương, thì cái tờ nuôi con ấy kể chắc rồi từ ngày làm tờ.

*
* * *

III. — Hôn - thú

1. — *Khi nào trai và gái được phép làm hôn-thú với nhau.*

Trước khi thân khai hôn-thú vào bộ, thì Chánh-lục-bộ phải xem xét cho kỹ mấy điều sau này :

- a) Đàng trai đàng gái phải đúng tuổi gả cưới;
- b) Đàng trai đàng gái ưng nhau làm vợ chồng;

c) Cha mẹ hoặc ông bà bằng lòng gả cưới;

d) Đàn-bà hay con gái không có chồng, còn đàn-ông như không có vợ lớn thì cưới vợ lớn mới được;

e) Hai đảng dâu rề không có bà con với nhau.

a) Tuổi hai đảng.

Theo phép thì con trai ít nữa phải 16 tuổi, con gái 14 tuổi mới được gả cưới.

Chánh-lục-bộ phải xét kỹ tuổi tác, hay là bắt hai đảng phải nạp sao-lục khai sanh. Như đảng nào không có khai sanh, thì phải xin án tòa thế vì cái khai sanh không có đó.

b) Trai gái ưng nhau.

Trong việc gả cưới, con trai con gái phải bằng lòng lấy nhau làm vợ chồng; cha mẹ không được cưới ép và gả ép con.

Khi nào bị ép uổng hoặc trá hôn, thì kể là hai đảng không có ưng nhau.

Chánh-lục-bộ phải hỏi rề và dâu, riêng từ người, đảng này có ưng đàn kia không. Rề và dâu phải nói « ưng » hay « không » giữa hai họ. Khi nào Chánh-lục-bộ dòm thấy có sự ép uổng thì phải chạy tờ cho quan Biện-lý hay. Người cầm cũng dựng cưới hỏi nhau. Như nó biết viết chữ thì viết hỏi nó ưng không, nếu không biết viết thì mượn kẻ hiểu cách ra dấu của nó làm thông ngôn.

c) Cha mẹ hoặc ông bà bằng lòng gả cưới

Con trai con gái bất kỳ mấy tuổi đều phải có cha hoặc mẹ hoặc ông bà ưng gả cưới mới được. Khi nào có bằng có sự ưng thuận ấy thì mới được làm hôn-thú.

Cha mẹ còn sống thì có một mình cha mẹ có quyền cưới gả mà thôi. Như cha mẹ không đồng ý kiến thì phải do theo ý cha. Như trong cha mẹ có một người đã chết, hoặc người nào không thể tỏ ý kiến được (như điên khùng), nếu có một người ưng thuận thì cũng đủ. Như cha mẹ chết hết

hoặc 2 người không thể tỏ ý kiến được, thì phải có ông nội hay bà nội ưng thuận mới được.

Như chỉ còn bà con chú bác mà thôi, thì phải hỏi ý kiến chú, bác, cô; không có mấy người ấy thì phải hỏi ý kiến người anh cả.

Như không còn bà con hai nhánh, lại người cưới vợ lấy chồng còn vị - thành - niên (dưới 21 tuổi) thì phải hội bốn - tộc mà hỏi ý kiến.

Hễ khi còn bà con chú bác mà thôi, lại người cưới vợ lấy chồng đã quá 21 tuổi, dầu bà con hai nhánh không ưng thuận cũng không ngăn trở được sự hôn nơn ấy; song khi khai cho Chánh-lục-bộ biên vào bộ phải trình giấy hai người Hương-chức làm chứng rằng đã có hỏi ý kiến bà con hai bên rồi.

Đàn-bà góa muốn lấy chồng thì phải có bà con bên chồng ưng thuận mới đặt, phải hỏi ý những người bà con mà người chồng nếu còn sống phải hỏi khi cưới vợ vậy.

Như không còn kẻ lớn bên chồng hoặc không có bà con hai nhánh bên chồng định đoạt cho mình thì người đàn-bà góa ấy phải hỏi ý kiến bà con ruột bên mình mới đặt.

**d) Đàn - bà còn chồng cũng là đàn - ông
đã có vợ lớn rồi.**

Cấm người đàn - bà chồng chết chưa đặt mười tháng lấy chồng khác.

Còn đàn-ông nếu vợ lớn còn sống không đặt cưới vợ lớn khác. Chánh-lục-bộ nào hay rằng người đi cưới vợ đã có vợ lớn trước rồi, hễ khi nào có bằng cứ rằng có để bỏ nhau rồi thì mới được thấu khai hôn-thú.

Dầu có vợ chánh mặc lòng, cưới vợ thứ mấy cũng được; còn như chưa cưới vợ chánh thì không được cưới vợ thứ.

e) **Dâu rề bà con nhau.**

Trong dòng bà con thông-gia chẳng được phép cưới hỏi cùng nhau; cấm tuyệt cha mẹ ông bà v. v... lấy con cháu chắt cùng là dâu rề mấy người ấy.

Hôn-nhơn cũng cấm trong mấy người sau này :

1^o— Anh em chị em ruột hoặc là một cha, hoặc là một mẹ cùng là anh em bên chồng hay là bên vợ ;

2^o— Chú bác, cô dì hay là ông chú ông bác ;

3^o— Con cô con cậu, con chú con bác cho tới 6 đời ;

4^o— Bà con một dòng một họ với nhau.

Nhưng vậy phép cấm bà con bên cô cậu chú bác, bên cô dì cùng là những người thông-gia một lớp làm bạn cùng nhau thì chẳng cấm nhắc.

Như con trai con gái có muốn cưới hỏi nhau như vậy mà cưới làm vợ chánh thì phải xin với quan Thống-Đốc, ngài tùy theo việc mà chuẩn cho hay là không chuẩn.

* * *

2^o — *Khai rao hôn-thờ.*

Khi bên trai bên gái ưng thuận gả cưới với nhau rồi, thì mai-dong phải đến khai cho Chánh-lục-bộ cả hai bên hay trước; như việc cưới hỏi mà không có mai-nhơn thì việc khai ấy về phần chủ-hôn trai và chủ-hôn gái.

Chủ-hôn trai thì khai cho Chánh-lục-bộ ở bên trai, chủ-hôn gái thì khai cho Chánh-lục-bộ ở bên gái.

Trong tờ khai ấy phải biên cho đủ tên họ, tuổi tác, nhà cửa của rề và dâu, cha mẹ hai bên, chủ-hôn trai và chủ-hôn gái, mai-dong và hai người chứng.

Như cưới vợ chánh hay là vợ thứ thì phải khai cho minh bạch. Các lời khai ấy phải biên vào cuốn bộ màu hường, rồi

Chánh-lục-bộ sao y ra một bản mà dán tại nhà-việc ; bên trai thì dán tại nhà-việc bên trai, bên gái thì nhà-việc bên gái.

Lời rao ấy phải dán trước ít nữa là tám ngày, rồi sau mới được làm lễ cưới.



a) **Cản-trở hôn-thú.**

Trong tám ngày ấy, nếu có ai ngăn trở đều gì, thì người ấy phải làm khai mà nạp cho Chánh-lục-bộ tại làng bên đảng gái ở. Khi ấy, Chánh-lục-bộ phải định đám cưới lại, rồi lập tức phải phúc bảm cho quan Chánh-tòa định, phải định vụ cưới lại hay là cho cưới.

Nhưng kẻ không có cơ gì mà ngăn trở thì bên trai bên gái được kiện xin bồi thường thiệt hại.

b) **Ai được phép ngăn cản ?**

1^o — Người đàn-bà có chồng có hôn-thú mà lấy chồng khác thì người chồng được ngăn cản ; còn đàn-ông đã có vợ lớn trước rồi mà đi cưới vợ lớn nữa thì người vợ lớn được ngăn cản.

2^o — Người cha bên trai hay bên gái không ưng thuận gả cưới.

3^o — Hoặ là mẹ hai bên, khi người cha đi khỏi hay là diên cuồn.

4^o — Ông bà cô bác khi nào cha mẹ đã chết rồi, hoặ là đi khỏi hết cùng là diên khùn cả.

Như cha mẹ ông bà chết hết thì người trưởng-tộc hoặ là anh em ruột cùng là anh bà con chú bác được ngăn cản, là khi :

1^o — Con trai cùng là con gái không có hỏi ý kiến bà con ;

2^o — Hoặ là đảng trai hay là đàn gái diên cuồn.

* * *

Trong mỗi việc, tờ ngăn hôn-thú đều phải biên tên họ tuổi tác và chỗ ở người đứng ngăn và biên cho biết người ngăn cản là bà con làm sao với rể hay là dâu. Trừ ra cha mẹ ông bà, còn mấy người bà con khác, như có ngăn cản thì phải nói vì có gì.

Tờ ngăn cản phải làm bốn bản, một bản chánh và ba bản sao.

Bốn sao giao cho rể một bản, dâu một bản, Chánh-lục-bộ một bản; rể dâu và Chánh-lục-bộ khi lãnh bốn sao rồi thì phải ký tên vô bốn chánh mà nhận lãnh, còn bốn chánh người ngăn cản giữ và tức thì Chánh-lục-bộ gạnh nơi lễ khai rao hôn-thú như vậy :

(Thí dụ) « Có tên Nguyễn - văn - X... làm thợ mộc, ở làng Thới - Bình cản trở đám hôn-thú này hôm ngày năm Février, năm một ngàn chín trăm bốn mươi. »

Thới - Bình le. 1940

Chánh-lục-bộ (ký)

Về phần tòa xét chuyện ngăn cản hôn-thú có lý hay là không dầu Chánh-lục-bộ biết rằng việc ngăn cản ấy phi lý mặc dầu chớ cũng phải đình việc hôn-thú luôn luôn, phải đợi khi nào có lời bãi ngăn hôn-thú mới được cho hai đảng làm lễ cưới.

Như việc ngăn hôn-thú đã đem đến tòa rồi, dầu người cản bãi nại mặc lòng, Chánh-lục-bộ cũng đợi án về sẽ hay.

Bãi ngăn hôn-thú, một là khi tòa xử rằng chuyện ngăn cản phi lý, hai là người ngăn cản bãi nại, tờ bãi nại ấy có Thôn-trưởng, Hương-thân, Hương-hào thị nhận, hay là tờ ấy làm tại quan Chưởng-kế (Notaire).

Khi việc ngăn hôn-thú đã bãi rồi thì Chánh-lục-bộ phải gạnh nơi tờ rao hôn-thú, kể lời gạnh về việc ngăn hôn-thú. Cước như vậy :

« Chiếu theo án tòa Cantho ngày mười một tháng Avril năm một ngàn chín trăm bốn mươi hoặc là : tờ bãi nại làm tại làng

Thới-Bình ngày mười hai tháng Mars năm một ngàn chín trăm bốn mươi) việc ngăn cản của tên Nguyễn-văn-X... trong đám hôn-thú này đã bãi đi.»

Cantho le 1940

Chánh-lục-bộ (ký)

* * *

Mảng tám ngày rao hôn-thú rồi, không ai ngăn cản thì Chánh-lục-bộ bên trai phải gửi cho Chánh-lục-bộ bên gái một cái giấy cho hay rằng đám cưới tên A. với thị-B không có ai ngăn cản; giấy ấy như vậy:

« Đám cưới tên Trần-văn-A. 24 tuổi với Lê-thị-B. 18 tuổi đã rao hôm ngày 1^{er} Février tới nay, không ai ngăn cản.»

Cantho le 1940

Chánh-lục-bộ (ký)

Còn như có án cùng là tờ bãi nại việc cản trở thì phải trình cho Chánh-lục-bộ bên gái và bên trai hay.

* * *

3^o — Giấy tờ phải trình.

Chánh-lục-bộ được đòi hai bên trình cho mình coi:

a) Sao-lục khai sanh đảng trai, đảng gái cho biết hai đảng đúng tuổi gả cưới không. Như không có sao-lục thì phải có án tòa thế vì khai sanh.

b) Cha mẹ hai đảng như có ai chết cũng phải nạp sao-lục khai tử.

c) Bằng chứng rằng cha mẹ ưng thuận gả cưới.

d) Như người đàn-bà góa chồng phải trình sao-lục khai tử của chồng.

Mấy giấy này phải ghim vào bộ.

Nhưng vậy chớ nhiều khi hai đảng khó trình cho đủ giấy tờ được; vậy thì Chánh-lục-bộ phải tùy tiện mà làm.

a) Như chuyện nạp sao-lục khai sanh dâu rẻ, hễ mình coi rẻ lớn hơn 16 tuổi, dâu hơn 14 tuổi thì được, và khai với mình mấy tuổi thì mình cứ biên vô, ai khai dối thì bị tội.

b) Về việc sao-lục bộ tử cho biết cha hay mẹ đã chết, người chủ-hôn khai thì cũng đủ tin, nhứt là khi Chánh-lục-bộ không biết cha mẹ hai đảng.

c) Giấy ưng thuận gả cưới không cần dùng vì hai người chủ-hôn phải là người có phép đứng cưới, gả; nếu hai người ấy đứng khai, ký tên vào bộ thì đủ chứng rằng họ đã ưng thuận.

* * *

4° — Về phép cưới.

Khi rao truyền theo phép rồi, cùng hai đảng đã nạp tờ giấy đủ rồi, đến ngày định làm lễ cưới thì Chánh-lục-bộ phải đến mà làm phép hôn-thú tại nhà đảng gái. Trước hết phải hỏi trai gái có ưng lấy nhau làm vợ chồng không, hỏi cha mẹ cùng là chủ-hôn hai bên có bằng lòng đứng gả cưới hay không, rồi biên vô hai bản bộ hôn-thú, đọc lại một lần nữa, rồi thì bắt rẻ, dâu, cha mẹ hai bên, chủ-hôn hai bên, mai-nhơn và nội vụ ký tên vô với mình.

* * *

Như đảng trai và đảng gái không còn dính đôi bạn nào trước thì mới được cưới hỏi theo phép trên đây.

Đám cưới nào không có mai-nhơn thì biên vô bộ rằng không có và phần đi khai hôn-thú về phần chủ-hôn bên gái.

Những người bôn-xứ nào cưới vợ ngoài địa-phận đất Langsa khi về rồi, nội trong ba tháng phải khai cho Chánh-lục-bộ làng mình quyết ở, y theo điều nói trên đây.

Khai ấy sẽ biên vào bộ hôn-thú rồi hai vợ chồng ký tên với Chánh-lục-bộ.

* * *

Hôn-thú và nhìn con chung một khai (Légitimation)

Một người đàn-ông và người đàn-bà ở với nhau có con,

muốn cho thành phép vợ chồng, cùng là cho đứa con được nhìn nhận là con mình thì phải làm hôn-thú với nhau và trong bộ phải khai luôn rằng mình nhận mấy đứa con sanh ra thuở nay làm con ruột mình.

Trước hết phải lo cho đứa con cho có khai sanh; như quên khai sanh cho nó thì phải xin án thế vì khai sanh, rồi còn việc hôn-thú thì phải khai bát nhựt cũng như còn con trai con gái vậy.

Cái khai hôn-thú này phải đóng bách phần đảng hoàng.

Như đứa con đã chết rồi có để cháu lại (con của nó) thì vợ chồng cũng được nhìn đứa con chết ấy là con mình, đặt cho đứa cháu được nhìn nhận là cháu ruột của mình.

Về sự lập hôn-thú này cũng phải giữ theo phép cấm về chuyện loạn luân cùng là gian-dâm.

* * *

5° — *Hủy hôn-thú làm trái phép.*

A. — Không đúng tuổi cưới vợ gả chồng.

Muốn được phép cưới vợ lấy chồng thì con trai phải 16 tuổi, con gái 14 tuổi mới được.

a) *Ai được phép xin hủy?* — Hai vợ chồng cùng là cha mẹ hoặc là quan Biện-lý được phép xin hủy.

b) *Khi nào không được phép xin hủy* — Nếu để cho vợ hay chồng đúng tuổi gả cưới đặt sáu tháng rồi thì không ai được phép xin hủy hôn-thú nữa.

Khi đứa con gái chưa đúng tuổi lấy một người chồng đúng tuổi mà có chửa trước kỳ hạn sáu tháng ấy, thì cũng không ai được phép xin hủy hôn-thú của cặp vợ chồng ấy.

Cha mẹ cùng bà con đã đứng gả cưới cho con cháu mình lúc nó chưa đúng tuổi, thì sau không được phép xin hủy hôn-thú.

* * *

B. — Trai gái không ưng nhau.

a) *Ai đặt phép xin hủy?* — Muốn cho cuộc hôn-nhơn được chắc chắn (có giá trị) thì trai gái phải tự do

ưng thuận, nghĩa là có đủ trí khôn phán đoán và không ai ép buộc cả. Những người nào có quyền lợi trong chuyện hủy hôn-thú này thì được xin hủy.

Dẫu có ưng nhau, nhưng bởi bị ép uổng mà ưng, cùng là tráo hôn thì việc hôn-thú ấy có lẽ hủy được. Hoặc vợ, hoặc chồng, hoặc người đứng gả cưới, đều được kiện xin hủy.

Tráo hôn, là khi nào người đàn-ông cưới một người đàn-bà không phải là người mình ưng cưới, hay là người đàn-bà gả cho người đàn-ông nào khác không phải người mình ưng lấy làm chồng.

Cũng kể là tráo hôn là khi nào lộn tên tuổi cùng là thân thể của người vợ hay người chồng. Nếu như người vợ hay người chồng có tật gì làm cho chữa nghén không đặng, cùng là mắc bệnh gì hay lây hay là bệnh truyền nhiễm, thì hoặc vợ hoặc chồng, hoặc người bà con đứng gả cưới đều được xin hủy hôn-thú.

Mà nếu như từ ngày rõ thấy tật bệnh ấy hoặc là từ ngày hết tật bệnh ấy mà vợ chồng ăn ở với nhau luôn luôn được sáu tháng thì sự xin hủy sẽ bác đi.

* * *

C. — Cha mẹ không ưng gả cưới.

Khi nào cha mẹ không ưng gả cưới mà làm hôn-thú thì cha mẹ đặng phép xin hủy, cùng là người vợ hay người chồng nào không có phép cha mẹ đứng gả cưới, cũng được xin hủy hôn-thú.

Việc cưới hỏi như vậy, chỉ có thể hủy được, chớ không chắc hủy được. Cha mẹ, tuy lúc đám cưới không ưng thuận mặc dầu, cũng có thể làm thỉnh, không tỏ ý kiến; như khi đã có hay cưới hỏi rồi mà làm thỉnh trọn một năm không thừa kiện gì, thì sự làm thỉnh ấy cũng đủ mà trừ cái hôn-thú phi phép.

Như khi gã cưới cha mẹ ông bà không ưng thuận, nay xin hủy hôn-thú, dầu người vợ hay người chồng có chết rồi, thì cũng còn kiện xin hủy được.

* * *

D.— Trùng giá, trùng thú.

Người vợ, người chồng, bà con, cô bác, ông bà cùng bất kỳ ai cang phạm tới hoặc là quan Biện-ly cũng được xin hủy mấy đám trùng giá trùng thú, nghĩa là có hôn-thú bậc nhất rồi mà còn cưới gã làm hôn-thú bậc nhất nữa.

* * *

E.— Loạn luân.

Về sự hai người bà con cưới nhau, những người nào có cang-phạm tới thì được xin hủy hôn-thú của cặp vợ chồng ấy.

Dầu như hôn-thú có hủy rồi mặc lòng, mấy đứa con cùng là người vợ hoặc là người chồng bất tri-tình (de bonne foi) cũng còn hưởng nhờ theo phép nước như là có phép vậy.

* * *

Lời nói chung về việc xin hủy hôn-thú.

Như muốn xin hủy một cái hôn-thú nào cùng là ngăn cản một cuộc hôn-nhơn nào thì không khi nào ai được phép lấy cớ riêng nào khác mà trưng ra, phải lấy mấy cớ luật đã định trên này mà thôi; giả như không được viện lẽ rằng lúc đám cưới thì người chồng hay người vợ có một người bà con bị giam cầm về trọng tội, hoặc rằng lúc ấy nó có chịu tang chế, v. v...

—→☉←—

IV.— Khai tử.

a) Ai phải đứng khai?

Khi nào có một người chết trong nhà thì phải khai cho

Chánh-lục-bộ hay, Chánh-lục-bộ đến xét tử-thi rồi mới cho phép chôn.

Bà con phải đi khai, hoặc như chết tại nhà người nào thì người ấy phải đi khai.

b) Hạn mấy ngày phải khai.

Nội trong 3 ngày phải đến khai với Chánh-lục-bộ, bằng đề trề bị phạt.

c) Cho phép chôn.

Chánh-lục-bộ khán tử-thi rồi phải phát một cái phép cho chôn, nhưng không khi nào được cho phép chôn trước 24 giờ sau khi chết, trừ ra khi bị bệnh truyền nhiễm mà chết, thì được cho phép chôn nội trong 24 giờ.

Giấy phép ấy làm bằng giấy trắng thường, không có con niêm và cũng không đòi tiền bạc chi hết.

Phép làm như vậy :

“ Tôi là Chánh-lục-bộ làng Thới-Bình cho phép ngày mai, 6 giờ sáng chôn tên Nguyễn-văn-Mít chết trong làng hồi chiều hôm qua 5 giờ chiều ”.

Cantho, le 6 Mars 1940

Chánh-lục-bộ (ký)

Đi khai phải có 2 người chứng, lựa trong dòng bà con, bằng không có thì người đứng cũng được.

d) Chết tại Nhà-thương.

Khi nào chết tại Nhà-thương, tại khám đường, v. v... thì nội trong 24 giờ, người cai-quản Nhà-thương cùng là người gát khám phải cho Chánh-lục-bộ hay ; Chánh-lục-bộ phải tới đó và đem bộ theo mà biên vô.

Thâu khai vô bộ rồi thì sao-lục một bản mà gửi cho làng sở tại chỗ người chết ấy ở ; tờ sao-lục ấy làm bằng giấy trắng.

Người bệnh chết tại cơ lính, trường-học v. v... thì cũng phải làm y như vậy.

e) **Mấy điều biên vô bộ**

Trong khai tử phải biên tên họ nghề nghiệp người chết, chức phận và nhà cửa ở làng nào, chết ngày nào.

Như người chết sanh tại làng nào, ngày tháng nào thì phải biên cho hết, bằng không biết ngày nào thì biên năm sanh cũng đủ.

Còn tên họ cha mẹ người chết cũng phải biên vô, như cha mẹ chết rồi thì cũng phải biên thêm rằng chết.

Không nên biên người chết, chết về bệnh gì, hoặc là bị đâm chém, thuốc, xử tử v. v... cũng không nên biên.

* * *

f) **Gặp thầy ma.**

Người nào gặp một cái thầy ma phải lập tức báo cho Chánh-lục-bộ; Chánh-lục-bộ phải đến chỗ thầy ma mà xem xét, tra xét cặn kẽ mọi điều về danh tánh tên ấy, rồi phải cước bên lẽ khai tử trong bộ.

Khi không biết người chết là ai, thì trong khai tử phải biên đàn-ông hay đàn-bà, phỏng mấy tuổi, mặc quần áo gì, trong quần áo có dấu tích gì, trong mình có giấy tờ gì, nghĩa là biên cho đủ những điều cần kiếp đặng ngày sau có ai tìm kiếm cho dễ.

Rồi Chánh-lục-bộ phải biểu người ta chôn xát ấy. Nhưng vậy nếu tử-thi ấy có dấu tỏ ra rằng bị bất-đắc-kỳ-tử, nghĩa là bị đâm chém, bị thuốc, bị đánh lộn, tự-ái, hoặc rủi ro mà chết v. v..., thì phải lập tức báo cho viên-chức coi về việc tuần-phòng (Hương-quản, Cai Phó-tổng, Chủ-quận).

Viên-chức ấy tới tra xét vít tích, tìm tên họ, tuổi tác, nghề nghiệp, nhà cửa người chết ấy rồi hiệp với Chánh-lục-bộ mà khai tử.

Còn phép cho chôn thì về phần quan Biện-lý cho ; việc ấy về phần người chức việc tuần-phòng lo.

* * *

g) Khi nhiều người chết.

Nhằm khi nhiều người làm công dưới hầm, mỏ, v. v... bị đất sụp, bị khí đá nổ hay là bị duyên cớ khác mà chết một lượt, như kiếm đặng thầy đủ thì Chánh-lục-bộ làm riêng cho mỗi người một cái khai tử, bằng lấy thầy ma ra không được thì Chánh-lục-bộ phải làm tờ vi-băng rồi gửi cho quan Biện-lý đặng người xin lên án cho phép sao tờ vi-băng ấy vô bộ tử thay vì khai tử chung cho mấy người chết.

Còn khi nào có người té xuống sông, hoặc là đi rừng không về, tuy là chắc chết mặc lòng, nhưng vậy như kiếm không đặng thầy thì chẳng nên thâu khai tử, phải làm tờ vi-băng kêu là " biệt-tích " mà thôi.

Như con nít mới sanh ra mà chết, hoặc sanh ra chưa kịp khai sanh mà chết, thì phải đem vô bộ tử mà thôi. Trong khai tử ấy phải biên ngày tháng, năm giờ chết của đứa con nít ấy và cũng biên tên họ cha mẹ cũng như khai thường vậy.

Đỡ song-thai mà hai đứa trẻ chết hết, thì cũng làm hai cái khai tử riêng.

KHOẢN THỨ IV.

**Chỉ dẫn thêm về những sự lập khai sanh, tử
hôn-thú nhìn nhận con v ..v...**

SANH

1° — Cha mẹ có phép hôn-thú và người cha đứng khai.

Chánh-lục-bộ chỉ biên vô bộ những lời người ta khai sao thì biên vô làm vậy, không có chi khó.

2° — *Cha mẹ có phép hôn-thủ mà người cha không có mặt mà đi khai, để cho bà mẹ khai, hoặc chủ nhà chỗ người đàn-bà nắm chỗ đi khai giùm.*

Chỗ : « tên họ cha » thì biên : Nguyễn-văn-X... (đi khỏi)

3° — *Cha mẹ có phép hôn-thủ mà người cha đi khai không được, có giấy cho người khác thế-hành đi khai.*

Chỗ : « tên họ cha » thì biên : Nguyễn-văn-X... (đi khỏi)

Chỗ : « tên họ người khai » thì biên : Lê-văn-B... đi khai giùm có giấy của Nguyễn-văn-X cho phép thế-hành khai-sanh đưa con nít này.

4° — *Khai sanh đưa con nít song-thai.*

Chỗ « sanh ngày nào » thì biên : Ngày hai Février năm 1940, hồi năm giờ sáng, để song-thai.

5° — *Cha mẹ không có hôn-thủ, người cha không nhận con mình và người mẹ cũng dấu tiếng mình, không khai tên.*

Chỗ « tên họ cha », biên : Không biết.

— « cha làm nghề gì » Kéo một đường

— « nhà cửa ở đâu » id.

— « tên họ mẹ », biên : Không biết

— « mẹ làm nghề gì » Kéo một đường

— « nhà cửa ở đâu » id.

— « vợ chánh hay là vợ thứ » id.

Còn mấy khoản khác về người khai và chứng cứ thì cũng biên lời khai của họ như thường.

6° — *Cha mẹ không có phép hôn-thủ mà một mình người mẹ chịu khai tên mà thôi.*

Khoản « tên họ cha » biên : Không biết

— « cha làm nghề gì » Kéo một đường

— « nhà cửa ở đâu » id.

7° — *Cha mẹ không có phép hôn-thủ, mà người cha đi khai nhìn đũa con nít ấy là con ruột mình.*

Khoản « tên họ cha » biên : Nguyễn-văn-X...

— « vợ chánh hay là vợ thứ » biên : Không có phép [hôn-thủ.

8° — *Cha mẹ không có hôn-thủ, người cha chịu nhìn đũa con nít là con mình mà bản thân đi khai không đặng, có giấy cho người thế-hành khai giùm cho mình.*

Khoản « tên họ cha » biên : Nguyễn-văn-Mít (đi khỏi)

— « vợ chánh hay là vợ thứ » biên : Không có phép [hôn-thủ.

— « tên họ người khai » — : Lê-văn-Bưởi có Nguyễn-văn-Mít cho phép thế-hành nhìn đũa con nít này.

9° — *Khai sanh một đũa con nít để rớt tại nhà-thương.*

Trong bộ sanh, bên phía đề trả lời mỗi khoản về tên họ đũa con nít, cha mẹ nó v...v... thì chép trọn từ trên tới dưới, tờ vi bằng như sau đây :

“ Ngày nay là ngày mười bảy Février năm một ngàn chín trăm bốn mươi, có tên Nguyễn-văn-X... hai mươi bốn tuổi, làm việc tại Nhà - thương Cánhơ đến trước mặt tôi mà khai rằng có tên Ngô - thị - Ôi hai mươi tuổi ở làng Thới-Bình (Cánhơ) có sanh tại Nhà - thương ngày mười lăm Février năm một ngàn chín trăm bốn mươi, hồi bảy giờ tối và có trình cho tôi coi thì là một đũa con trai đặt tên nó là Ngô - văn - Mít ”.

“ Lời khai này và sự trình đũa con nít này có chứng :

1°— Tên Trần-văn-Quít, hai mươi bốn tuổi, làm ruộng.

2°— Tên Huỳnh-văn-Bưởi, ba mươi tuổi cũng làm ruộng đều ở làng Thới-Bình.

“ Chúng nó có ký tên với tôi tờ này ”.

Cantho, le 17 Février 1940

Chánh - lục - bộ (ký)

Rồi gạch ngang kẻ kéo một đường xéo từ đó cho tới dưới chót.

10°. — Khai báo về một đứa con nít bỏ rơi

Cước tờ vi-băng này vô bộ sanh, bên phía dùng để trả lời mỗi khoản :

“ Ngày nay là ngày mười lăm Janvier năm một ngàn chín trăm bốn mươi, hồi tám giờ sớm mai có tên Lê-văn-Khế, làm thợ mộc ở làng Thới-Bình đến khai với tôi rằng, buổi sớm mai hồi bảy giờ nó đi qua làng Long-Tuyền, nó gặp một đứa con nít bỏ bên đường, cách chừng 500 thước tới nhà tên Nguyễn-văn-Bưởi ”.

“ Đứa con nít ấy gói trong một cái mền vải trắng và một cái áo trên đầu có đậy một cái khăn lông.

“ Tên Lê-văn-Khế có trình đứa con nít ấy cho tôi coi cùng mền áo khăn quần nó.

“ Tôi xét coi thì là một đứa con trai, để được chừng 2 tháng và trong mình nó có một cái bớt son nơi cánh tay tả.

“ Tôi đặt tên đứa con nít ấy là Nguyễn-văn-Được rồi trao nó lại cho tên Lê-văn-Khế, bởi vì Khế xin nuôi. Lại Lê-văn-Khế khai như trên đây có chứng :

“ Tên Huỳnh-văn-Dừa, hai mươi lăm tuổi, làm ruộng ở làng Thới-Bình và tên Ngô-văn-Cau ba mươi tuổi cũng làm ruộng ở tại Thới-Bình ; nên tôi lập tờ vi-băng này, tôi ký tên với tên Lê-văn-Khế, Huỳnh-văn-Dừa và Ngô-văn-Cau ”.

(Ký tên)

11°. — Sao vô bộ một cái khai sanh đứa con nít để ngoài địa-phận Pháp cai-trị. (Enfant né hors du territoire français)

Cước tờ vi-băng sau đây vô bộ sanh, bên phía dùng để trả lời mỗi khoản :

« Ngày nay là ngày mười sáu Mars năm một ngàn chín trăm bốn mươi, hồi bảy giờ sớm mai có tên Lê-văn-Bưởi, ba mươi tuổi, nhà cửa ở tại làng này, khi trước ở 5 năm tại Nam-Vang (nước Cao-Mên) nay trở về nhà hôm ngày mười một tháng Mars này, đến xin tôi đem vô bộ sanh một đứa con trai tên là Lê-văn-Cam, sanh tại Nam-Vang ngày hai mươi tháng Septembre năm một ngàn chín trăm ba mươi tám ».

“Nó có trình cho tôi xem giấy của quan Khâm-Sứ Nam-Vang cho, tôi sao y theo như vậy :

(Sao hết tờ ấy vô chỗ này)

.....

“ Khi tôi chép rồi tôi có đọc lại và ký tên với Lê-văn-Bưởi và chứng là Huỳnh - van - Xoài, hai mươi lăm tuổi, làm ruộng và Trần-van-Mít ba mươi sáu tuổi, làm thợ chài đều ở tại làng Tân-an”.

12°.— Cha mẹ không có hôn-thủ; đưa con nít đã khai sanh rồi rằng không biết cha là ai. Nay người cha muốn khai nhìn đưa con nít ấy là con mình (Reconnaissance d'un enfant naturel par le père).

« Ngày nay là ngày hai mươi lăm Janvier năm một ngàn chín
 « trăm bốn mươi, hồi tám giờ sớm mai, có tên Lê-van-Lựu, hai
 « mươi bảy tuổi, làm ruộng ở làng Thới-Bình đến khai với tôi rằng
 « nó nhận làm con ruột một đứa con nít tên là Nguyễn-van-Cam
 « sanh đẻ tại làng Thới-Bình ngày mười tám tháng Novembre năm
 « một ngàn chín trăm ba mươi tám, con của Nguyễn-thị-Dừa đẻ và
 « có khai sanh tại làng ấy rằng nó không có cha ».

“ Lời khai này có tên Đoàn-van-Lá, làm ruộng, ba mươi tuổi, ở làng Thới-Bình và tên Đồ - van - Bông cũng làm ruộng, ba mươi tuổi, cũng ở làng Thới-Bình làm chứng và ký tên với tôi”.

Người nhìn con :

Chánh-lục-bộ (ký)

Lê-van-Lựu (ký)

Chứng : Đoàn-van-Lá (ký)

Đồ-van-Bông (ký)

Hương - chức : {
 Hương - thân (ký)
 Hương - hào (ký)
 Xã - trưởng (ký tên và nhận mộc)

Tờ này phải đóng bách-phần cầu chứng rồi Chánh-lục-bộ sao trọn vào bộ.

13°. — *Cha mẹ không có hôn-thủ, đưa con nít đã khai sanh rồi rằng không có cha mẹ. Nay người cha và mẹ đều khai nhìn đứa trẻ ấy là con mình.*

(Reconnaissance d'un enfant naturel par le père et la mère).

“ Ngày nay là ngày hai mươi hai tháng Mai năm một ngàn chín trăm bốn mươi, có tên Đồ-van-Cau ba mươi ba tuổi, làm thợ chài ở làng Tân-An, và Trần-thị-Dừa, hai mươi tám tuổi, cũng thợ chài ở làng Tân-An. Hai người đến khai rằng chúng nó nhận làm con ruột một đứa con nít khai sanh tại làng Tân-An hồi mười bảy tháng Septembre năm một ngàn chín trăm ba mươi lăm, tên là Trần-van-Trái, không có cha mẹ, và chúng nó bây giờ đặt tên là Đồ-van-Bưởi ”.

“ Lời khai này có tên Nguyễn-van-Khế, hai mươi ba tuổi, làm ruộng và Huỳnh-van-Chanh hai mươi sáu tuổi, làm ruộng, cả hai đều ở làng Tân-An có đứng làm chứng và ký tên dưới đây ”.

Người nhìn con :

Chánh-lục-bộ (ký)

Đồ-van-Cau (ký)

Trần-thị-Dừa (ký)

Chứng : Nguyễn-van-Khế (ký)

Huỳnh-van-Chanh (ký)

Hương-chức :

Hương-thân (ký)

Hương-hào (ký)

Xã-trưởng (ký tên và nhận mộc)

Tờ này phải đóng bách-phần rồi đem về trình cho Chánh-lục-bộ sao trọn vào bộ.

14°. — *Hai người lấy nhau không có hôn-thủ, người đàn bà có chữa, người đàn ông muốn làm khai trước mà nhìn đứa con trong bụng là con mình. (Reconnaissance d'un enfant avant sa naissance.)*

“ Ngày nay là ngày hai mươi tháng Juin năm một ngàn chín trăm bốn mươi, có tên Nguyễn-văn-Mận, ba mươi bốn tuổi, làm ruộng ở làng Thới-Bình, đi với Lê-thị-Lý, hai mươi tám tuổi, làm ruộng cũng ở làng Thới-Bình, đến khai với

Hương-chức : {
 Hương-thân (ký)
 Hương-hào (ký)
 Xã-trưởng (ký tên và nhận mộc)

Tờ này phải đóng bách-phần rồi về trình cho Chánh-lục-bộ
 sao trọn vào bộ.

16° — *Tờ nhìn một người chết rồi làm con ruột mình.*
 (Reconnaissance après la mort de l'enfant.)

« Ngày mười chín tháng Mars năm một ngàn chín trăm bốn
 « mười, hồi tám giờ ban mai có tên Lê-văn-Xoài, năm mười
 « tuổi, làm ruộng ở tại làng Tân-An (Cantho) đến trước mặt
 « tôi mà khai rằng nó là cha ruột một đứa con trai sanh ngày
 « hai mươi tháng Avril, năm một ngàn chín trăm ba mươi, của
 « Nguyễn-thị-Mít đẻ. Đứa con ấy đã khai vô bộ sanh làng
 « Thới-Bình ngày hai mươi lăm tháng Avril, năm một ngàn
 « chín trăm ba mươi, đặt tên là Nguyễn-văn-Bưởi, trong khai
 « mẹ nó là Nguyễn-thị-Mít, còn cha nó không biết.

« Tên Lê-văn-Xoài lại khai rằng tên Nguyễn-văn-Bưởi
 « đã chết có khai tử tại làng Thới-Bình ngày hai mươi ba
 « Septembre năm một ngàn chín trăm ba mươi sáu ».

Mấy lời khai trên này có chứng :

1° — Trần-văn-Lúa, hai mươi sáu tuổi, làm ruộng ở làng
 Tân-An ;

2° — Huỳnh-văn-Rom, bốn mươi tuổi cũng làm ruộng ở
 làng Tân-An ;

Rồi tôi và mấy người ấy ký tên vô tờ này.

Chánh-lục-bộ (ký)

Người đứng nhìn :
 Lê-văn-Xoài (ký)

Chúng : 1° Trần-văn Lúa (ký)
 2° Huỳnh-văn-Rom (ký)

Hương-chức : {
 Hương-thân (ký)
 Hương-hào (ký)
 Xã-trưởng (ký tên và nhận mộc)

Tờ này phải đóng bách-phần, rồi đem về trình cho Chánh-lục-bộ sao trọn vào bộ.

17° — *Cước về chuyện đứa con đã có người nhìn.*
(Mention faite en marge de l'acte de naissance d'un enfant reconnu).

Cước ngoài lề cái khai sanh của đứa trẻ, mấy lời sau đây :

“Chiếu theo khai làm hôm ngày mười chín tháng Mars năm một ngàn chín trăm bốn mươi, chép vô bộ sanh làng này số ba mươi, đứa con nít khai sanh trong tờ đã có tên Lê-văn-Xoài, năm mươi tuổi, làm ruộng ở tại làng Tân-an (Cantho) nhìn làm con ruột”.

Chánh-lục-bộ (ký)

18° — *Sao vô bộ một cái tờ nhìn con làm trước mặt Chưởng-khê.* (Transcription d'une reconnaissance faite devant notaire).

(Chép tờ vi-bằng sau đây vô bộ sanh, bên phía dùng để trả lời mỗi khoản).

« Ngày nay là ngày mười tám tháng Janvier, năm một ngàn chín trăm bốn mươi, có tên Nguyễn-văn-Lúa đến trình cho tôi một cái « tờ nó nhìn con trước mặt Chưởng-khê và xin tôi sao vô bộ thì « tôi đã sao y như sau này :

(Sao trọn tờ ấy vô đây)

“ Khi chép rồi tôi và Nguyễn-văn-Lúa ký tên”.

Chánh-lục-bộ (ký)

19° — *Sao vô bộ một cái án cho lập-tự* (Transcription d'un acte d'adoption et d'un arrêt de la Cour).

(Cước tờ vi-bằng sau đây vô bộ sanh, bên phía dùng để trả lời mỗi khoản) :

« Ngày nay là ngày hai mươi tháng Avril, năm một ngàn chín
 « trăm bốn mươi, có tên Đặng-văn-Cây đến trình cho tôi một cái án
 « tòa trên Saigon (Cour d'Appel) xử ngày mồng mười Janvier, năm
 « một ngàn chín trăm bốn mươi, nhằm phê cái tờ nuôi con nuôi của
 « nó, và xin sao y vô bộ như sau này :

(Chép trọn cái tờ nuôi con nuôi và cái án)

“ Khi chép rồi, tôi và Đặng-văn-Cây đồng ký tên ”.

Chánh-lục-bộ (ký)

20° — Tờ khai nuôi con nuôi.
 (Acte d'adoption officieuse)

« Nay là ngày hai mươi bốn tháng Juin năm một ngàn chín trăm
 « bốn mươi, hồi bảy giờ ban mai, có tên Nguyễn-văn-Mít, ba mươi
 « sáu tuổi, làm ruộng ở làng Thới-Bình (Cantho) tới khai với tôi
 « rằng nó làm tờ nuôi tên Lê-văn-Thơm bảy tuổi làm con nuôi, con
 « của Lê-văn-Dừa, bốn mươi tuổi, làm thợ mộc ở làng Tân-An
 « (Cantho).

“ Tên Lê-văn-Dừa cũng khai rằng ưng thuận cho Nguyễn-văn-Mít
 Mít nuôi thằng Lê-văn-Thơm làm con nuôi ”.

Lời khai này có Thôn-trưởng Đoàn-văn-Gạo và Hương-thân
 Đặng-văn-Lúa làm chứng.

Người nuôi con nuôi :

Chánh-lục-bộ (ký)

Nguyễn - văn - Mít (ký)

Người cho đưa con nuôi :

Chứng : 1° Đoàn-văn-Gạo (ký)

Lê-văn-Dừa (ký)

2° Đặng-văn-Lúa (ký)

Hương - chức : {
 Hương - thân (ký)
 Hương - hào (ký)
 Xã - trưởng (ký tên và nhận mộc)

Tờ này Chánh-lục-bộ phải gửi cho quan Biện-lý dặng
 đem ra tòa phê chuẩn, rồi nội trong 3 tháng thì sao trọn tờ
 ấy vào bộ sanh và gạnh tại lễ khai sanh đưa con nít ấy.

**21° — Cước về chuyện đưa con nít đã có người ta nuôi
 làm con nuôi hay là lập-tự (Mention d'une adoption
 en marge de l'acte de naissance).**

(Cước mấy lời sau này ngoài lễ cái khai sanh của đứa trẻ)

“ Chiếu theo án tòa trên Saigon (Cour d'Appel) xữ ngày hai mươi tháng Avril năm một ngàn chín trăm bốn mươi, đứa con nít khai sanh trong tờ này đã có tên Nguyễn-văn-Xoài, ba mươi tuổi, ở làng Thới-Bình, làm tờ nuôi nó làm con nuôi ”.

Chánh-lục-bộ (ký)

22° — *Hôn-thú mà có nhìn con luôn.*

(Mariage avec légitimation).

(Cước ngoài lễ cái hôn-thú mấy lời sau đây)

“ Tên Lê-văn-Gạo và Trần-thị-Nếp khai rằng chúng nó nhận làm con ruột đứa con trai tên Nguyễn-văn-Lúa, sanh tại làng Tân-an (Cantho) ngày Mười sáu tháng Septembre năm một ngàn chín trăm ba mươi chín ”.

Lê-văn-Gạo (ký)

Cantho, le

Trần-thị-Nếp (ký)

Chánh-lục-bộ (ký)

Hai người chứng :

23° — *Khai tử một cái thây ma vô chủ.*

(Chép tờ vi-bằng sau đây vô bộ tử, bên phía dùng để trả lời mỗi khoản).

“ Năm một ngàn chín trăm bốn mươi, ngày 12 tháng Février, hồi tám giờ sớm mai có tên Huỳnh-văn-Mắt, bốn mươi hai tuổi, làm ruộng và Lê-văn-Mũi, ba mươi lăm tuổi, thợ mộc, tới khai với tôi rằng: ngày mười một, hồi tám giờ tối, chúng nó gặp một người chết tại góc chợ, không biết tên họ gì, ước chừng sáu mươi tuổi, bề cao một thước sáu, rỗ mặt. Người ấy mặc áo vải đen, quần vải đen đả củ, trong mình không có thương tích chi hết và cũng không có giấy tờ chi dạng cho biết tên họ nhà cửa ở đâu ”.

“ Tôi có đến khám nghiệm chắc chắn rằng người ấy thật chết, nên tôi biên tờ vi-bằng này vô bộ có hai người khai ấy làm chứng và ký tên với tôi.

Chánh-lục-bộ (ký)

*

*

*

PHỤ - THUỘC

NÓI VỀ BÀ - CON MẤY ĐỜI.

Cách đếm đời trong một chi-phái người nào, thì cứ người ấy kể lên hoặc là kể xuống; hề một lớp thì kể là một đời.

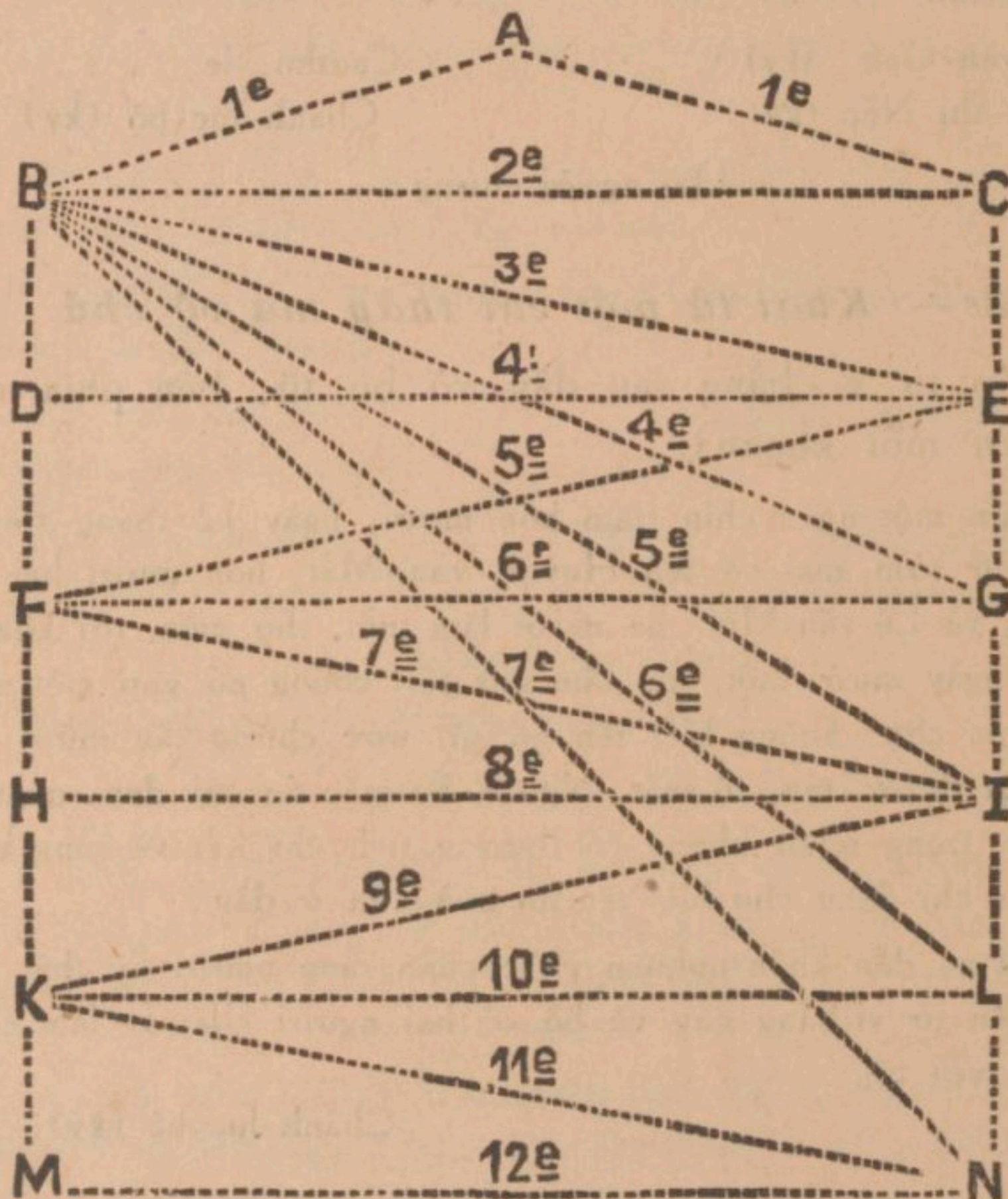
Như cha với con, thì kể là một đời; ông bà với cháu, là hai đời, v. v...

Giả như A sanh ra hai người con B và C.

Rồi B sanh ra D, D sanh ra F, F sanh ra H, H sanh ra K, K sanh ra M.

Còn C thì sanh ra E, E sanh ra G, G sanh ra I, I sanh ra L, L sanh ra N.

Tổng - chi vẽ như sau đây :



Thì kể như vậy: A với B là 1 đời
 A — D 2 —
 A — F 3 —
 A — H 4 —

Cứ kể như vậy luôn luôn.

B với C kể là 2 đời		H với I kể là 8 đời
B — E 3 —		K — L 10 —
B — G 4 —		M — N 12 —
B — I 5 —		C — D 3 —
B — L 6 —		D — G 5 —
B — N 7 —		G — H 7 —
D — E 4 —		H — L 9 —
F — G 6 —		L — M 11 —

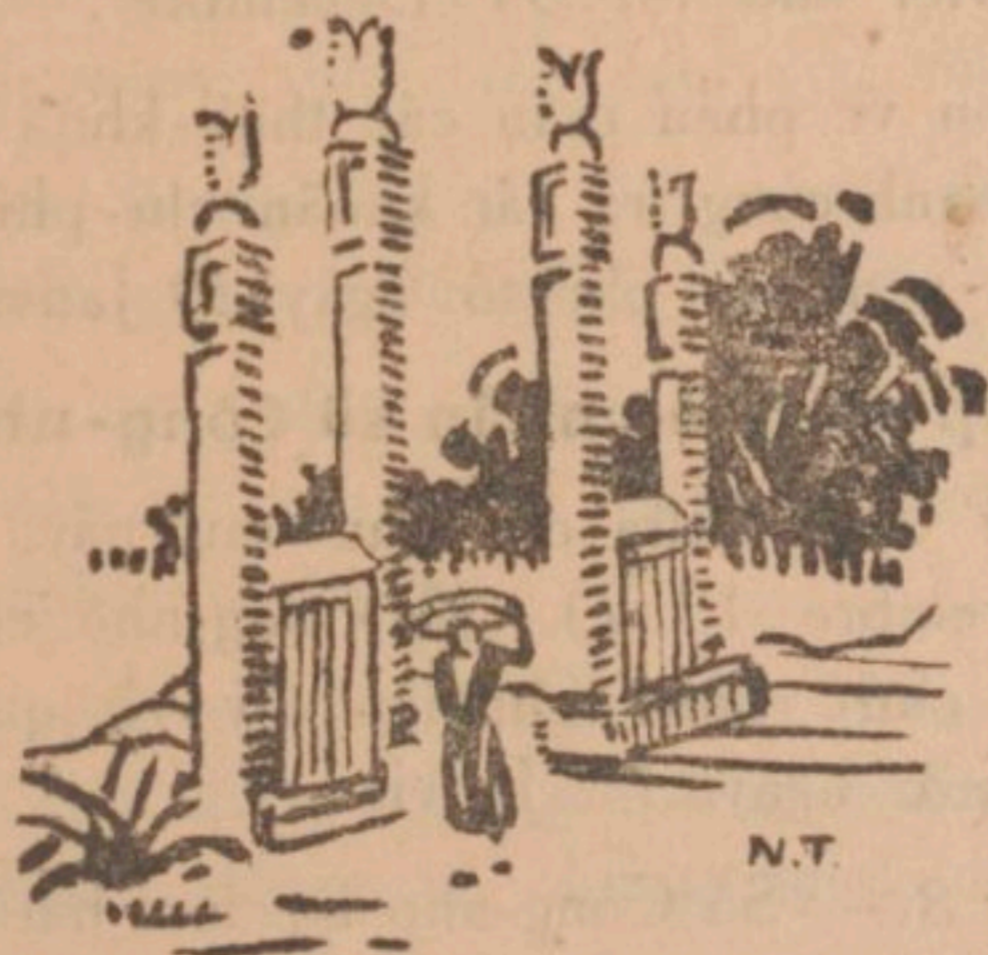
Trong vòng bà con, lại còn kể ra làm:

- 1° đồng chi, đồng phái (ligne droite);
- 2° đồng chi, biệt phái (ligne collatérale).

Như B D F H K M bắt trên kể xuống hay bắt dưới kể lên thì gọi là bà con đồng chi đồng phái (ligne droite).

Như C E G I L N cũng vậy.

Hai nhà ấy kể với nhau là đồng chi biệt phái. (ligne collatérale).



N.T.



PHẦN THỨ TƯ

ĐIỀU LỆ VỀ

SỔ CÔNG-NHO THÔN-XẢ NAM-KỲ HUÊ - HỒNG CHO HƯƠNG - CHỨC TRONG VIỆC THẦU THUÊ.

KHOẢN THỨ NHỨT

1. — Nghị-định ngày 3 Octobre 1921 của Quan Thống-Đốc Nam-kỳ định điều-lệ về sổ thầu xuất Thôn-Xả Nam-kỳ (có những nghị-định sau sửa đổi)

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ' nhứt. — Trong các thôn-xả bôn-quốc Nam-kỳ, các khoản thầu theo thể lệ nghị-định này, và các khoản chi-phí trong làng dùng mấy khoản thầu đó mà xuất, thì mỗi năm phải dự-định trong sổ công-nho; sổ ấy thi-hành theo hạn-định sau này :

1^o — Về phần thi-hành các công-việc thì bắt đầu từ ngày 1^{er} Janvier cho tới 31 Décembre ;

2^o — Còn về phần thầu các thuế-khóa trong niên phần và việc tính thanh cùng trả các khoản chi-phí thì bắt đầu kể từ 1^{er} Janvier năm nay cho tới ngày 20 Janvier năm sau.

VỀ VIỆC LẬP VÀ PHÊ CHUẨN SỔ CÔNG-NHO CỦA LÀNG.

Điều thứ' 2. — (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 10 Novembre 1937). Sổ Công-nho của làng thì mỗi năm Hương-chức bàn nghị lập lấy và quan Tham-biện phê-chuẩn trước ngày 1^{er} Janvier.

Điều thứ' 3. — Sổ Công-nho lập làm hai bôn y theo kiểu

nhứt định bằng chữ Pháp và chữ Quốc-ngữ, một bản thì để tại làng, còn một bản để tại văn-phòng quan Chủ-tỉnh.

Điều thứ 4.— Hương-chức giữ việc thu xuất Công-nho làng, dưới quyền kiểm soát của các quan thay mặt Chánh-phủ, như là Cai, Phó-tổng, quan Chủ-quận và quan Chủ-tỉnh.

Nếu không có Hương-chức hội-tề bàn-nghị và tờ bàn-nghị được quan Chủ-tỉnh phê-chuẩn thì không được canh cải đều chi hết trong sổ Công-nho đương-niên.

Khoản thu.

Điều thứ 5.— Khoản thu chia ra làm sáu điều, mỗi điều nhằm một sắc thuế thu riêng.

Điều 1.— Thuế phụ Công-nho cho làng;

Điều 2.— Huê-lợi làng;

Điều 3.— Thuế hoa-chi;

Điều 4.— Thực phần canh;

Điều 5.— Tạp thuế;

Điều 6.— Tiền dự-trữ và chi-tồn.

Các khoản thuế phụ Công-nho cho làng là những thuế phụ trội cho các hạng thuế chánh ngạch (như thuế đinh, thuế điền-thổ, thuế thuyền, thuế sanh-ý) thuế ngựa, trâu, bò, thuế xe hơi, xe ngựa, xe trâu, xe bò vân vân . . .

Huê-lợi của làng là tiền cho mướn tài-sản của làng, như ruộng, đất vườn, phố, rạp hát, vân vân . . .

Thuế hoa-chi là tiền đầu giá cho mướn chợ, lò-heo, dò, thủy-lợi, đìa, bến nước, tiền chiếm đất quốc-gia, vân vân . . .

Tạp-thuế là tiền phạt vạ làng xữ và tòa án canh-sát xữ, tiền bán tài-sản của làng, tiền châu-cấp, tiền dâng cúng, tiền thị-nhận, vân vân . . .

Tiền thực phần-canh phải thu hết thảy dân đứng-bộ, những nghiệp-chủ đứng bộ đình làng khác, những người ngoại-quốc phương-đông và những người huê-kiều.

Điều thứ 6.— Mỗi năm đến kỳ lập sổ Công-nho, Hương-chức phải bàn nghị về số thuế phụ Công-nho thâu cho làng, tờ bàn-nghị phải có quan Tham-biện chuẩn y.

Các sắc thuế phụ Công-nho mà làng được phép thâu thì phải thâu một lượt với thuế chánh ngạch, thuế phụ-trội và công-sưu nạp cho địa-hạt.

Điều thứ 7.— (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 26 Septembre 1923, 12 Novembre 1935, 28 Décembre 1936 và 6 Février 1937). Số thuế cao hơn hết mà làng được phép thâu định như sau này:

Thuế thân :	{	Người bần-quốc	1 \$ 00
	{	Người Hoa-kiều	2 \$ 00
Thuế phụ của người bần-quốc, người ngoại-quốc phương-đông và người Hoa-kiều không đứng bộ đình làng mình ở			1 \$ 50
Thực phần canh	{	Người ngoại-quốc phương đông và Hoa-kiều	3 \$ 50
	{	Dân đứng bộ	2 \$ 50
Thuế điền thổ	{	Điền	30 % thuế chánh
	{	Viên	id.
	{	Thổ cư	id.
Thuế ghe			id.
Thuế sanh ý			id.
Ngựa			0 \$ 50 một con
Trâu			id.
Bò			id.
Xe hơi (Thuế này không còn thâu nữa)			5 \$ 00 mỗi cái
Xe ngựa			2 \$ 00 —
Xe trâu, xe bò			0 \$ 50 —
Xe kéo, xe lôi, xe máy có thùng chở đồ, xe ba bánh			0 \$ 50 mỗi cái và mỗi năm.

Điều thứ 8.— (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 12 Août 1930). Khi nào có làm việc công-tác ích-lợi chung trong làng như là cất nhà hội, trường học, chợ, làm

đường vân vân . . . mà làng phải cần có số bạc trội hơn số huê-lợi thường, đề xuất trả chi-phí trong việc công-tác này thì, sau khi hỏi ý-kiến Hội-đồng địa-hạt, quan Thống-Đốc lập nghị-định cho phép làng thuê những thúế ngoại-lệ trong thời-kỳ làm công-tác. Làng cũng có phép chiếu theo điều thứ 17 trong nghị-định ngày 30 Octobre 1927 của quan Toàn-Quyền mà vay tiền những làng khác trong tỉnh còn tiền mà chưa xây dựng liền. Số tiền vay sanh lời ít lắm là 3 ly (100\$00 một năm là 3\$00 tiền lời).

Điều thứ 9 — (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 18 Mars 1935). Bàn Hội-tề được phép cho mượn tài-sản các sắc của làng, mà nhứt là công-điền công-thổ và những tài-sản khi xưa kêu là “bồn-thôn-điền” và “bồn-thôn-thổ” trong một thời-kỳ ba, sáu hay là chín năm.

Sau khi quan Chủ-tỉnh phê-chuẩn rồi, thì những tờ cho mượn ấy mới được thi-hành, dầu cho phần nào cũng vậy.

Phải có tờ phúc-bẩm của quan Tham-biện Chủ-tỉnh nói rõ vì sao phải bán, rồi quan Thống-Đốc cho phép, thì làng mới được phép bán đất cát của làng, dầu là bán thực. Quan Thống-Đốc nhóm Hội-nghị-tư mà phê chuẩn thì tờ bán thuận mãi hay là bán đấu giá mới thiệt là chắc chắn rồi.

Điều thứ 10 — Những cửa cái người khác cho làng và cửa di-chức để làng hưởng thì làng phải xin phép quan Tham-biện mới được nhận lãnh.

Điều thứ 11 — Tiền thị nhận tờ buôn bán động-sản và bất-động-sản thì *một trăm đồng không được thuê quá một đồng*. Tiền ấy Hương-chức thị nhận được hưởng, là vì phải chịu trách nhiệm về việc chơn thật trong vụ thị-nhận ấy. Duy có một điều nhận mộc-ký vào đơn trạng thì làng mới có quyền thuê cho công-nho một số bạc cao hơn hết là 0\$10.

Điều thứ 12.— (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 12 Novembre 1935). Hương-chức hội-tề tùy theo sự cần dùng trong làng mà định số tiền thực phần canh của người

bồn-quốc, người ngoại-quốc phương-đông và người Hoa-kiều; nhưng vậy cái số ấy không đặng quá năm phiên canh còn giá tiền thì không quá giá một ngày công-sưu theo mỗi sắc người.

Song le, người bồn-quốc đặng phép bồn-thân đi canh cho khỏi đóng tiền thực phần-canh.

Điều thứ 13 — Hết thấy các sắc thuế phụ Công-nho cho làng thì về phần Thôn-trưởng thâu, có Hương-thân và Hương-hào phụ giúp.

Hễ làng thâu số tiền nào thì phải phát liền cho kẻ đóng tiền một lá biên-lai trong sớ rặng cửa riêng xé ra, sớ ấy khác màu với sớ biên-lai để dùng mà thâu thuế quân-hạt hay là địa-hạt. Xã-trưởng phải ký tên trong biên-lai, và như Xã-trưởng mắc việc không thể ký được thì phải có Hương-thân hay là Hương-hào ký thế. Những sớ thâu đem vào biên-lai thì không đặng bôi bỏ thêm bớt chi hết, trừ ra dùng mực đỏ mà bôi sửa thì đặng, mỗi lần thâu thì phải đem liền vô sớ biên-lai rặng cửa. Sớ biên-lai phải có quan Tham-biện hay là người thay mặt cho sớ trưng và ký tên trên mỗi trưng.

Điều thứ 14.— Như có số tiền thuế nào của làng mà thâu không đặng trong kỳ hạn đã định thì Hương-chức phải phúc-bẩm cho quan Tham-biện biết đặng giúp sức thâu theo luật Pháp.

Điều thứ 15.— (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 5 Janvier 1928 và 26 Juin 1931). Số bạc tại tủ làng không đặng quá *một phần sáu* (1/6) số thâu một năm. Nếu không có việc chi cần cấp phải dùng liền, thì làng phải gửi số dư vào kho-bạc Nhà-Nước theo thể-lệ định nơi điều thứ 24 dưới đây.

Sau khi bàn-nghị rồi, được quan Chủ-tỉnh đồng ý-kiến, và tờ bàn-nghị được quan Thống-Đốc phê y, thì Hội-tề được phép cho các sớ hay các cuộc tạo-tác công-ích vay mượn một phần tiền Công-nho làng mình.

Tiền lời do sự cho vay mượn ấy sanh ra thì nhập vào Công-nho.

Nhiều làng cũng có thể chung hiệp lại theo thể-lệ trong điều thứ 22 dưới đây, đặng mà cho vay mượn như trên đó. Lời nghị của quan Tham-biện Chủ-tĩnh cho phép lập Ban Hội-đồng đại-lý của các làng khi ấy phải trình cho quan Thống-Đốc Nam-kỳ phê chuẩn giữa Hội-nghị-tư.

Số huê-lợi thâu được bao nhiêu đều chia cho mỗi làng tùy theo phần hùn của mình nhiều ít.

Khoản xuất

Điều thứ 16 — (Sửa đổi như sau này theo nghị định ngày 10 Novembre 1937). Những khoản chi-phí của làng, tùy theo loại, phân ra làm năm đoạn như sau này :

ĐOẠN THỨ NHỨT. — TỒN-PHÍ VỀ CAI-TRỊ.

Điều thứ nhứt. — Viên dịch.

Tiền phụ-cấp cho Hương-chức.

Tồn-phí ăn nhóm, tiền phí-lộ và chở chuyên của Hương-chức.

Lương biện làng.

Lương biện làng giúp việc trong sở tuần thành.

Tiền công cho kẻ giúp việc làng : lon-ton, dân canh, trạo-phu, người làm đèn, thắp đèn, vân vân. . . .

Lương trạm làng.

Phụ cấp cho ông Cò.

Điều thứ 2 — Vật dụng.

Mua và tu-bồ vật dụng và bàn ghế của làng.

Giấy mực của làng.

Tồn phí thơ từ, dây thép và điện-thoại.

Sở phí tu bộ, lập sổ công-nho và tu địa-bộ.

Thắp đèn nhà phố của làng, đường và phòng việc của sở tuần canh.

Vật dụng của trạm làng.

Y-phục của các viên dịch.

Tế lễ và khánh tiết.

Đóng thuế của làng.

ĐOẠN THỨ 2 — TỒN-PHÍ VỀ ÍCH-LỢI XÃ-HỘI.

Điều thứ nhất. — Viên dịch.

Lương hướng của các giáo làng, nam nữ.
Phụ cấp tiền nhà cho các giáo chức ấy.

Điều thứ 2. — Vật dụng.

Mua và tu bổ bàn ghế nhà trường.
Chuẩn cấp lật vật.
Chăn bản.
Tổng táng kẻ hàn vi.

ĐOẠN THỨ 3. — TỒN-PHÍ VỀ ÍCH-LỢI KINH-TẾ.

Điều thứ' nhất. — Viên dịch.

Lương của các viên quản-đốc, lục-lộ và dân tạp dịch.

Điều thứ' 2. — Vật dụng.

Công-tác mới và tu-bổ đường cầu, kinh, nhà cửa và trải đá đường, khi nào những công-tác ấy chỉ là phần việc của một làng. Nếu sự trải đá một đường là phần việc của nhiều làng thì tiền mua cát đá mỗi làng chịu nhiều hay ít tùy theo khúc đường đi ngang làng mình dài hay ngắn.

Sở nước và đèn.
Cắm ranh phân giới hạn.
Đồ rát và đồ thùng.

ĐOẠN THỨ 4

Điều thứ' nhất. — Tồn phí về phần làng sở-tại Cai-tổng cho mượn trước.

Khoản thứ' nhất. — Viên dịch.

Phụ-cấp, phí-lộ và tiền giấy mực cho Cai-tổng có chịu phần tiền hưu-trí hay là không có.

Lương hướng biện lại và tòng-giả Cai-tổng.

Lương lính làng.

Phụ-cấp cho quan thầy xét thặt (những nơi ngoại châu-thành)

Khoản thứ 2. — Vật dụng.

Y phục, khí-giải, binh cụ của lính làng.

Tồn phí trong những sở có ích lợi cho một tổng hay một quận (nhà dưỡng lão, kẻ tàn tật, viện dục-anh, vãn... vãn...)

Điều thứ 2. — Tồn phí của các làng do làng sở-tại tỉnh đường gộp lại.

Khoản thứ nhứt. — Viên dịch.

Phụ-cấp cho quan Trường-tiền về phận sự kiểm soát các công-tác của làng.

Huê-hồng cho quan Kho-bạc (nghị-định ngày 27 Aout 1940 của quan Thống-đốc Nam-kỳ đã hủy bỏ tiền huê-hồng này.)

Khoản thứ 2. — Vật dụng.

Sổ bộ và giấy in bộ đời; sổ bộ và giấy in bút toán làng.

Tiền mua báo « Lục-tính-tân-văn ».

ĐOẠN THỨ 5 — TẠP-PHÍ VÀ BẤT THƯỜNG CHI.

Trả tiền mượn của các làng khác và tiền vay.

Bất thường chi.

Tiền dự trữ.

Kể từ ngày 1^{er} Janvier 1938 các thứ tổn phí hiện thời kêu là Tổn hao chung trong sổ công-nho làng thì về phần công-nho địa-hạt chịu :

a) Tổn-phí (viên dịch và vật dụng) về sở y-tế, trong các dưỡng-đường, mấy nơi chỉ có thầy điều-dưỡng, nhà bảo-sanh, mấy nơi hẻo lánh chỉ có cô mụ. Tiền mua thuốc, tiền nuôi bệnh-nhân.

b) Tổn-phí nuôi bệnh-nhân nghèo trong dưỡng-đường và trong nhà thương điên Biên-hòa.

c) Tổn-phí (viên dịch và vật dụng) về sở giáo-huấn, trừ ra lương bổng và phụ cấp của các giáo-chức làng nam nữ, với tiền mua và tu bổ bàn ghế nhà trường.

d) Tồn-phí sách vở giấy mực cho học trò và mua Sư phạm học-khoa.

e) Học-bổng.

f) Tồn-phí về lính hộ-vệ (viên dịch và vật dụng); tồn-phí cất và tu bổ những đồn lính cảnh sát.

g) Tiền chung chịu trong tồn-phí của các đội lính địa-hạt, cảnh sát chánh trị và cảnh sát đê-hình lưu-động.

h) Tồn-phí về bót san-đầm, khi nào viên san-đầm không làm phận sự cò tuần cảnh.

i) Tồn phí giấy mực, đi vắng làng và thắp đèn cho quan Chủ-quận, tiền thối hồi phí lộ của các viên quan ấy; mua và tu bổ những ghe thuyền, canot, xe, ngựa trong quận; mua và tu bổ bàn ghế đồ đạc trong phòng việc quận; lương bổng của thơ ký và lon-ton quận; tồn phí về thơ từ, dây thép và điện-thoại của quận.

j) Lương bổng các Cai-tổng có chịu phần tiền hưu-trí; số tiền nạp kho hưu-trí cho các người ấy.

k) Khuyến khích về việc canh nông.

l) Châu cấp cho các sở đem thơ từ.

Điều thứ 17. — Chẳng khi nào dặng phép xuất quá số tiền dự định đối khoản đã biên vào sổ công-nho của làng. Hễ một số tiền dự-định nào đã xuất tất mà cần dùng phải xuất thêm, thì Hương-chức hội-tề phải lập bản nghị trình quan Tham-biện phê chuẩn, lấy số dự-định nơi khác mà đem qua.

Điều thứ 18 — Tồn phí về lương-bổng của người giúp việc thì Hương-chức dặng xuất phát, không cần chi phải xin phép riêng.

Nhưng vậy, hễ có dùng một viên-chức Âu-châu làm việc chi mà ăn lương của làng thì tờ bổ dụng phải có quan Thống đốc phê chuẩn mới dặng. Lại nếu không có quan Thống-đốc cho phép trước thì chẳng khi nào dặng phụ cấp, ban thưởng một viên-chức gì không phải là kẻ giúp việc làng.

Điều thứ 19. -- (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 16 Novembre 1925, 18 Janvier 1928 và 10 Novembre 1937) Những đồ vật dụng (fournitures) bán cho làng và những công việc tạo-tác giá quá 6.000 quan hay là 1.200\$00 (theo nghị-định quan Toàn-quyền ngày 18 Mars 1925 thì một đồng bạc giá 5 quan) phải có đấu giá hay là chịu giá rồi lập thành giao-ước mà trình cho quan Tham-biện phê chuẩn. Lại những đồ bán cho làng và công-tác như vậy phải có một Ban ủy-viên do quan Tham-biện cử ra, khám nhận rồi lập tờ nhận lãnh.

Những thảo án công tác và tờ phỏng tính tổn phí mà định giá quá 1.500\$00 thì trước khi khởi hành đấu giá phải trình cho quan Chánh Kỹ-sư sở Tạo-Tác duyệt y.

Đấu giá hay là chịu giá xong rồi phải có quan Thống-Đốc Nam-kỳ phê chuẩn mới là thi-hành được.

Điều thứ 20. -- (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 10 Novembre 1937). Bất câu một tổn phí ích-lợi chung nào mà buộc cho một làng nào chịu cũng phải trình quan Thống-Đốc cho phép trước mới dặng.

Điều thứ 21. -- (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 10 Novembre 1937). Những tổn phí biên vào đoạn thứ nhất, thứ nhì và thứ ba, thì sổ Công-nho của làng tự trả lấy. Tổn phí ấy làng được phép xuất không cần xin phép quan Chủ-tỉnh trước, nhưng cần nhất là phải có dự-định trong sổ Công-nho.

Về tổn-phí gồm trong điều thứ nhất, đoạn thứ tư mà làng sở tại Cai-tổng cho mượn trước thì quan Chủ-tỉnh lập một ban chia ra cho các làng trong tổng chịu.

Trong thời kỳ mới khởi sự thi hành lời nghị này, thì sự chia tổn phí ấy không cần phải tùy theo số huê-lợi nhiều ít của làng.

Còn tổn phí gồm trong điều thứ hai, đoạn thứ tư mà làng sở tại tỉnh đường trả dùm thì làng ấy gộp trong một

khoản riêng ngoài số Công-nho những phần của các làng gởi đến, mỗi khi cần dùng phải trả tổn-phí ấy.

Toà - bổ không được thâu hay xuất một số tiền Công-nho nào hết bằng bạc mặt.

Điều thứ 22 — (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 21 Mai 1940). Khi nào nhiều làng làm những công-tác mới hay là tu-bổ công việc chi lớn ích lợi chung với nhau phải xuất tiền làng mà làm, và công-tác ấy tốn quá 1.500 \$00, hoặc làm cho những sở công sanh lợi hay là trả tổn phí động tác sở công ấy như sở tuần cảnh, sở đèn, nước, thì quan Tham-biện lập lời nghị trình cho quan Thống-Đốc chuẩn y, cử một Ban Hội-đồng đại-lý do quan Chủ-tỉnh kiểm sát và do quan Chủ-quận hay Cai-tổng làm đầu, và có Hương-cả hay Hương-chủ và Xã-trưởng mỗi làng trên đó cộng tác; vắng mặt mấy Hương-chức đó thì Hương-chức khác thay thế cũng được.

Ban hội-đồng ấy được hỏi ý kiến có nên làm những công-tác hay những sở đã định liệu đó hay chẳng, có làm thì phải làm cách nào, sanh lợi làm sao, phân phú sở tổn ra các làng thế nào, và đại lược là hết thấy những vấn-đề gì có quan hệ đến công-tác hay những sở đó thì nhất thiết phải do hội-đồng đại-lý thương nghị mới đặng.

Điều thứ 23. — Những tờ chứng nhận chi xuất (như là toa vé, tờ nhật ký nhơn công, số lương hướng, giấy phép cho xuất, v.v.) đều phải cất giữ tại làng đặng hễ có tra xét lúc nào thì cũng phải có sẵn mà trình ra.

Về tổn-phí ích-lợi chung thì những tờ chứng nhận chi xuất là những tờ chia tổn-phí cho mỗi làng làm tại tòa-bổ có quan Chủ-tỉnh ký tên, và biên-lai của Hương-chức lãnh việc thâu phần tiền của làng chung chịu và việc xuất trả.

VỀ SỰ GỞI TIỀN LÀNG TẠI KHO BẠC.

Rút bạc ra. — Dùng tờ xin rút bạc mà trả tiền.

Điều thứ 24. — (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 10 Septembre 1931.) Muốn gởi tiền tại kho-bạc theo thể lệ

định trong điều thứ 15 trước đây thì Hương-chức hay là người thay mặt phải xin quan Chủ-tỉnh một lá vé đăng bạc, rồi đến trình cho quan kho-bạc rồi lãnh 1 lá biên lai rặng cửa.

Nếu có ai thiếu tiền của làng mà làng thì xa và không cần dùng gấp số tiền ấy thì làng được phép biểu người thiếu tiền ấy đem tiền đóng vào kho cho mình, hoặc tại Saigon, hoặc tại châu-thành tỉnh. Số tiền ấy kể như là tiền dư kho và vô sổ cũng như tiền chĩ dư của làng gửi vô kho.

Quan kho-bạc tỉnh chạy tờ cho quan Chánh kho-bạc Saigon biết số bạc đã gửi kho đặng viên quan này kể như là số bạc đó đã gửi chuyển lên kho Saigon rồi.

Tiền của làng trong một tỉnh gửi thì đem vô sổ kho-bạc gộp chung lại từ tỉnh và đề như vậy: « Tiền gửi kho — Những làng trong tỉnh . . . » Tiền gửi như vậy thì mỗi năm sanh một số lời do quan Toàn-Quyền nhứt định (Nghị-định quan Toàn-Quyền ngày 2-6-39 đã hủy bỏ tiền lời ấy).

Điều thứ 25.— (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 26 Juin 1931). Muốn rút bạc ra thì Hương-chức phải gửi đơn cho quan Tham-biện phê cho phép lãnh. Hễ thấy đơn này thì quan kho-bạc buộc Xả-trưởng ký tên lãnh bạc rồi mới phát bạc cho.

Điều thứ 26 — (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 26 Juin và 10 Septembre 1931). Tồn-phí nào phải trả tại Saigon hay tại châu-thành các tỉnh khác thì dùng đơn xin rút bạc kho theo điều thứ 25 trên đây.

Sau lưng đơn ấy, quan Chủ-tỉnh có đề trước “Bon à payer” (cho phép trả); người cầm giấy này ký tên vào mà lãnh tiền nơi kho-bạc. Trong tờ, có biên đúng tên họ và chỗ ở của người mà làng thiếu tiền, cùng là các điều có thể chĩ rõ căn cước người ấy.

Hễ trả rồi một tồn phĩ của làng thì liền gửi cho làng một lá trát đặng Hương-chức đem số bạc xuất trả đó vào sổ bút toán của làng.

Như tiền trả ấy có nhiều làng chung chịu thì phải định theo trát cho mỗi làng ấy 1 tờ chia tởn phí mỗi làng chịu bao nhiêu.

Điều thứ 27.— (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 26 Juin 1931). Quan Tham-biện giữ một cuốn sổ, ghi số tiền gửi vô và tiền rút ra với một cuốn sổ khấu trừ, trong đó chỉ rõ những điều sau này :

a) Về tiền gửi vô : Ngày gửi, số tiền gửi là bao nhiêu, và số biên-lai của quan kho-bạc ;

b) Về tiền rút ra : Ngày Hương-chức vô đơn xin rút bạc, số tiền xin rút, ngày phát bạc cho Hương-chức ;

c) Về tởn-phí trả tại Saigon và các tỉnh khác : Ngày tháng của đơn xin rút bạc, số tiền trả, tên người lãnh bạc ấy và tởn phí về việc chi.

Hễ mỗi một lần rút bạc ra hay là gửi vô thì khấu trừ cho biết còn gửi bao nhiêu.

VỀ BÚT TOÁN CỦA LÀNG. — VIỆC KIỂM SOÁT

Điều thứ 28.— Hương-chức đứng xuất phát trong làng là Hương-cả, Hương-chủ và Hương-sur. Hết thầy toa vé và giấy tờ chi phí thì trước khi trả phải có ít nữa là hai vị trong mấy Hương-chức đó ký tên.

Sổ bộ bút toán của làng thì về phần Xã-trưởng giữ, có Hương-thân và Hương-hào phụ giúp.

Điều thứ 29.— Sổ bộ bút toán cần nhứt Hương-chức phải có là :

1^o— Một cuốn sổ biên lai rặng cửa riêng, thâu huê-lợi của làng, dùng luôn làm sổ nhựt ký và sổ thâu từ khoản ;

2^o— Một cuốn sổ nhựt ký chi xuất ;

3^o— Một cuốn sổ chi xuất từ khoản.

Điều thứ 30.— (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 10 Novembre 1937). Lại thêm, cuối kỳ 3 tháng, làng phải lập hai bản khai những khoản thâu xuất đã thâu xuất

rồi mà gửi cho quan Tham-biện, nội trong 5 ngày đầu kỳ ba tháng sau. Kiểm duyệt rồi thì một bản khai gửi trả lại cho làng cất trong giấy tờ của làng, còn bản thứ nhì thì để trong sổ Công-nho tại tòa-bố.

Điều thứ 31.— (Sửa đổi như sau này theo nghị-định ngày 10 Novembre 1937). Máy tờ khai ấy kể những điều trong sổ thu xuất, và phân đứng làm năm cột, trong mỗi cột biên những khoản sau này :

- 1^o— Khoản dự-định trong sổ Công-nho ;
- 2^o— Số thu hay xuất trong mấy tháng trước ;
- 3^o— Số thu hay xuất trong kỳ ba tháng này ;
- 4^o— Hiệp cộng hết thấy số thu hay xuất ;
- 5^o— Số hiệp cộng các khoản chỉ tồn phải thu, hay là các khoản dự định còn lại chưa xuất.

Tờ khai cuối năm phải gửi cho quan Tham-biện trước ngày 25 Janvier năm mới. Tờ khai ấy để thay vì phúc-bẩm thu xuất năm qua rồi, và để mà tính số chỉ tồn phải đem qua sổ năm tới.

Điều thứ 32.— Sổ bộ bút toán của làng phải trình cho Cai Phó-tổng, các Chủ-quận và Chủ-tỉnh kiểm xét.

Điều thứ 33.— Cai Phó-tổng phải cứ 15 ngày kiểm duyệt sổ bộ bút toán của làng trong phần tổng mình một lần. Sự kiểm duyệt ấy chẳng phải là coi cho biết số tiền còn trong tủ đựng bao nhiêu rồi thôi, nhưng phải xét tới những việc thu xuất của làng, và xét cho chính chắn những sổ bộ bút toán và những toa vé chi phí đã xuất rồi. Mỗi kỳ kiểm duyệt thì phải biên ngày xét vào sổ rặng cửa và sổ bộ bút toán và ngưng số tiền thu hay xuất tới ngày đó.

Cai Phó-tổng phải xét chắc rằng thuế thu về phần quân-hạt và địa-hạt hề thu đựng bao nhiêu thì thường dâng lên vô kho-bạc bấy nhiêu.

Nếu có khoản chi phí nào xem thái quá, dầu có giấy

tờ đủ phép mặc lòng, Cai Phó-tổng cũng phải bằm cho quan Chử-tĩnh hay.

Mỗi khi kiểm duyệt xong rồi phải lập tờ vi-bằng làm hai bản, một bản nạp cho quan Chử-quận gửi đến quan Tham-biện, còn một bản thì cất theo giấy tờ tại làng.

Điều thứ 34.— Các quan Chử-quận cũng xem xét sổ bộ bút toán mỗi làng trong quận ít nữa là ba tháng một lần. Mỗi khi xét rồi cũng phải phúc-bằm lại cho quan Tham-biện rõ những điều đã thấy.

Điều thứ 35.— Quan Tham-biện phải coi chừng cho các Cai Phó-tổng và các Chử-quận tuân theo những lời hiệu-dụ trên đây. Phần quan Tham-biện cũng năng kiểm soát in như vậy trong những làng trọng đại. Cuối năm, quan Chử-tĩnh gửi cho quan Thống-Đốc một tờ phúc-bằm về công việc thu xuất Công-nho trong các làng.

Điều thứ 36.— Các quan Tham-biện Chủ-tĩnh lãnh thi hành nghị-định này.

II.-- Nghị-định ngày 24 Juin 1937 của quan Thống-Đốc Nam-kỳ về sự ban tiền huê-hồng cho Hương-chức trong việc thu thuế.

Điều thứ nhứt.— Kể từ ngày 1^{er} Janvier 1938, trong việc thu các sắc thuế chánh ngạch và các thuế tương tự, thu theo bộ làng và về phần Công-nho quản-hạt, địa-hạt và Công-nho làng hưởng, thì Chánh-phủ sẽ ban cho Hương-chức huê-hồng thưởng công lao.

Trong mỗi làng, Bàn Hội-tề cũ các Hương-chức được hưởng huê-hồng và chia tiền ấy cho mỗi người. Lời bàn nghị của Hội-tề sẽ trình cho quan Tham-biện Chủ-tĩnh phê chuẩn.

Điều thứ 2.— Số huê-hồng ấy định cho mỗi làng như sau đây :

5%. Số thu theo bộ chánh trong niên-phần, thu từ đầu năm tới ngày 31 Mai;

4°/o Số thâu theo bộ chánh trong niên-phần, thâu từ ngày 1^{er} Juin tới 30 Septembre ;

3 /o Số thâu theo bộ chánh trong niên-phần, thâu từ 1^{er} Octobre đến ngày khóa sổ chung niên ;

1°/o Số thâu về thuế thượng niên, bất luận thâu ngày nào.

Tiền huê-hồng tín theo số thuế thâu đặng, về phần Công-nho quản-hạt, địa-hạt và Công-nho làng hưởng.

Số huê-hồng chia cho 3 Công-nho ấy chịu như sau này :

(1)	Công-nho quản-hạt	chịu	1/5	số chung
	—	địa-hạt	1/5	—
	—	làng	3/5	—

Số huê-hồng ấy có thể gia nhập với số tiền phụ-cấp hành-lý và chở chuyên đã định trong điều thứ 26 tới 28 nghị-định ngày 30 Octobre 1927.

Điều thứ 3.— Hễ mảng một kỳ trên đây, thì tín số huê-hồng chung, mỗi viên quan thi hành sổ Công-nho của phần việc mình ngưng số huê-hồng ấy và quan kho-bạc chứng thật, rồi phần huê-hồng Công-nho quản-hạt và địa-hạt chịu sẽ trả cho làng bằng mandat.

Điều thứ 4.— Trong làng nào mà số huê-hồng tính như trên đây ít hơn số phụ-cấp ban cho Hương-chức theo điều thứ 29 nghị-định ngày 30 Octobre 1927 thì Chánh-phủ sẽ ban cho một số tiền, cộng với tiền huê-hồng cho bằng số phụ-cấp trước kia ; số ấy về phần Công-nho làng chịu.

Kể từ ngày ký tên nghị-định này mà người Hương-chức nào nhận chức khác thì không được hưởng thể-lệ trên đây nữa. (Thí dụ : Ông X... làm xã-trưởng năm 1937, lãnh mỗi tháng 10\$00 tiền phụ-cấp, qua năm 1938 lãnh tiền huê-hồng theo thể lệ mới chỉ có 8\$00 thì Công-nho làng phải cho thêm 2\$00, nhưng nếu nhận chức khác, như Hương-quản, v. v... thì không được hưởng thể-lệ ấy).

Điều thứ 5 — Các thể-lệ trước trái với nghị-định này đều hủy hết.

Điều thứ 6.— Quan Đồng-ly các văn-phòng dinh Hiệp-ly, quan chánh sở kho-bạc Nam-kỳ và các quan Tham-biện Chủ-tĩnh, người nào theo phần việc này, lãnh thi-hành lời nghị này.

(1) Chiếu theo **nghị-định ngày 15 Septembre 1938** của quan Thống-Đốc Nam-kỳ, phần huê-hồng mỗi Công-nho (quản-hạt, địa-hạt và Công-nho làng) phải chịu sửa đổi như sau đây :

Cantho	Công-nho	quản-hạt	chịu	1/5
	—	địa-hạt	—	3/5
	—	làng	—	1/5
Châudôc	Công-nho	quản-hạt	chịu	1/5
	—	địa-hạt	—	3/5
	—	làng	—	1/5
Giadinh	Công-nho	quản-hạt	chịu	1/5
	—	địa-hạt	—	3/5
	—	làng	—	1/5
Longxuyên	Công-nho	quản-hạt	chịu	1/5
	—	địa-hạt	—	3/5
	—	làng	—	1/5
Mytho	Công-nho	quản-hạt	chịu	1/5
	—	địa-hạt	—	1/5
	—	làng	—	3/5
Sadec	Công-nho	quản-hạt	chịu	1/5
	—	địa-hạt	—	3/5
	—	làng	—	1/5
Travinh	Công-nho	quản-hạt	chịu	1/5
	—	địa-hạt	—	1/5
	—	làng	—	3/5
Vinhlong	Công-nho	quản-hạt	chịu	1/5
	—	địa-hạt	—	4/5
	Công-nho	làng	khỏi	chịu

III

Chiếu theo bức thư ngày 23 Janvier 1938 của quan Thống-Đốc Nam-kỳ gửi cho quan Chủ-tỉnh Thủđầumột (bản sao thư ấy có gửi cho các quan Chủ-tỉnh ngày 26 Janvier 1938) thì :

.....

Hương-chức *không được* hưởng huê-hồng trong sự thu tiền thuế hoa-chi (chợ, lò heo, thuế bến nước, bến đò, thủy lợi) và tiền cho mượn công-điền.

.....

Theo phép thì mǎng kỳ nhứt định theo nghị-định quan Thống-Đốc Nam-kỳ ngày 24 Juin 1937 (như sau ngày 31 Mai, sau ngày 30 Septembre v. v.) Hương-chức mới được lãnh phần huê-hồng thu thuế của làng mình.

Song nếu có Hương-chức nào làm đơn xin mượn tiền trước, thì quan Chủ-tỉnh cho phép xuất Công-nho làng mà cho mượn.

Thư số 8608 ngày 19 Août 1938 của quan Thống-Đốc Nam-kỳ gửi cho quan Chánh sở kho-bạc Saigon.

Về sự tính tiền huê-hồng cho Hương-chức trong sự thu thuế, không phải là kể bộ chánh mà thôi, không kể bộ phụ, phải kể hết số tiền thu về hai thứ bộ ấy, nhưng mà chỉ tính huê-hồng về số thuế tự tay Hương-chức thu, chứ không tính thuế của kho-bạc thu do người thiếu thuế đem đóng, hay là người ấy đứng bộ làng mà kho-bạc làm tờ sao-lục thành ra bộ nêu danh mà thu (extrait nominatif).



Chiếu theo *Châu-tri số 699-B ngày 18 Novembre 1940 của quan Thống-Đốc Nam-Kỳ*, thì, mảng một thời-kỳ thu thuế rồi, nghĩa là sau ngày 31 Mai, 30 Septembre, 31 Décembre, mỗi làng phải lập một bản tờ huê-hồng theo kiểu sau đây, mầy Hương chức được hưởng huê-hồng phải ký tên vào, rồi gửi bản ấy lên tòa-bổ.....

PROVINCE DE GANTHO **ÉTAT des remises à allouer aux notables** **Modèle 1**
Village de **du** **au**
 (Application de l'arrêté du 24 Juin 1937,

EXERCICE EN COURS				EXERCICES ANTÉRIEURS				A LA CHARGE DE:			ÉMARGEMENT des notables bénéficiaires des remises			
B.L. et B.P.	MONTANT DES RECOUVREMENTS	B.L. et B.P.	MONTANT DES RECOUVREMENTS	Budget communal	Total	Budget communal	Budget provincial	Budget local						
1 N° des quittances	2 MONTANT	3	4	5 Budget communal	6 Total	7	8	9	10	11 MONTANTS totaux des remises	12 Budget local	13 Budget provincial	14 Budget communal	15
Total.														

ARRÊTÉ le présent état s'élevant à la somme de dont
 part incombant au Budget communal.
 part incombant au Budget provincial
 part incombant au Budget local

Le Payeur, soussigné certifie que les sommes sus-mentionnées ont fait l'objet des quittances indiquées.
 Le Délégué administratif de
 Camho, le 194

L'ADMINISTRATEUR,

KHOẢN THỨ II

I. — Châu-trị số 369 ngày 14 Aoút 1936 của quan Thống-Đốc Nam-kỳ về sự góp tiền chồ trong các chợ.

Bồn quan hay rằng mới đây, trong một tỉnh kia, có nhiều người lạ mặt đi rảo trong chợ châu-thành xúi dục bạn hàng đừng góp tiền chồ hay là kêu nài rằng góp mắc, và hứa với bạn hàng rằng nếu họ đi thưa thì mấy người ấy sẽ chỉ dẫn dùm.

Muốn cho bạn hàng và người góp chợ khỏi xung-đột nhau về sự góp tiền chồ để cho bọn người đáng nghi ngờ lợi dụng, bồn-quan xin các ngài :

1° — Buộc phải dán bản giá tiền chồ trong chợ, nơi nào cho dễ thấy, ai nấy đều có thể xem đặng, cho bạn hàng biết mình phải trả bao nhiêu. Khi nào tấm bản ấy rách hay là chữ lu lờ không đọc nữa được thì phải thay tấm khác ;

2° — Hãy đề ý tới những sự truyền bá việc rối loạn cho bạn hàng ;

3° — Khi xảy ra sự cãi cọ chi hay là không chịu góp tiền chồ, thì phải thi-hành đúng điều-lệ.

II. — Châu-trị ngày 2 Juin 1938 của quan Thống-Đốc Nam-kỳ về tiền chồ trong địa-phận Saigon-Cholon.

Bồn quan xin các ngài hãy đề ý đến khoản sau này của nghị-định ngày 8 Septembre 1937 do quan Cai-trị địa-phương Saigon — Cholon lập điều-lệ trong các chợ của địa-phương. Nghị-định ấy bồn quan phê chuẩn ngày 27 Septembre 1937 và có cho đăng trong quan-báo Nam-kỳ số 39 Ngày 7 Octobre 1937 :

“ Các thứ hàng-hóa chở vô địa-phương Saigon — Cholon bằng đường thủy, đường bộ hay bằng xe lửa, được miễn góp tiền chồ là chỉ khi nào theo hàng-hóa ấy có một tờ của Hương-chức Hội-tề nơi sản xuất chứng rằng của một người buôn bán có đóng bài sanh-ý trong địa-phương đã mua rồi ngoài địa-phận địa-phương và để mà trữ trong tiệm người buôn đó, nếu buôn mẽ-cóc thì khi chở về tới không cần lại ”.

Mấy lời hiệu-dụ này quan-hệ nhứt cho các cuộc buôn bán giữa người sản-xuất trong xứ và thương-gia có đóng bài sanh-ý trong địa-phương Saigon — Cholon ; bồn-quan xin các ngài truyền rao cho Hương-chức biết và dạy Hương-chức phải thi-hành cho đúng thể-lệ

trên đây. Các ngài cũng nên dặn bảo Hương-chức phải hết sức sốt sắn trong việc cấp tờ giấy phải có trên đây cho thương-gia Saigon—Cholon cho khỏi trễ nải trong cuộc làm ăn, tuy là buộc họ phải trình đủ bằng cứ chắc chắn rằng sản vật ấy đã bán rồi.

III.— Châu-trị số 142 ngày 9 Mars 1938 của quan Thống-Đốc Nam-kỳ về tiền cho các làng mướn thủy-lợi.

Sau cuộc hỏi ý-kiến theo châu-trị của bôn-quan số 37 ngày 18 Janvier 1938, bôn-quan định những thể-lệ sau đây về việc cho mướn thủy-lợi.

Công-nho quản-hạt nhứt định giữ quyền làm chủ các sở thủy-lợi trên sông rạch Nam-kỳ, nhưng nhường cho các làng đóng hoa-chi cho mình mà thâu huê-lợi ấy.

Các làng được tự-do hưởng quyền-lợi do cách nào tùy ý, hoặc đấu giá cho mướn, hoặc là thâu mỗi tên dân đứng bộ-đình một số tiền nhỏ, hoặc là đánh thuế chài lưới. Làng cũng được phép cho nhơn dân tự do chài lưới không thâu tiền chi cả, song như thế cũng không được miễn trọn tiền hoa-chi phải đóng cho Công-nho quản-hạt.

Hết thấy các làng nào trong Nam-kỳ mà có sông rạch có thể chài lưới đặng, đều phải đóng cho Công-nho quản-hạt một số tiền *hoa-chi theo lệ ít lắm là 1\$00* Lại thêm làng nào có thâu thủy-lợi, hoặc sông hoặc biển, theo những cách nói trên đây, thì phải đóng một số hoa-chi phụ, tít như sau này :

Tiền thâu thủy-lợi	Số hoa-chi phụ thêm đóng cho công-nho quản-hạt	Số tiền về phần làng hưởng
Dưới 20 \$	Không đóng chi hết	Hưởng trọn
Từ 20 tới 50 \$	5 0/0	95 0/0
Từ 50 tới 100 \$	10 0/0	90 0/0
Từ 100 tới 200 \$	15 0/0	85 0/0
Trên 200 \$	20 0/0	80 0/0

Những tờ giao-kèo hiện đang thi-hành phải hủy kể từ ngày 1^{er} Janvier năm tới và lập giao-kèo khác với làng theo thể-lệ định trên đây, rồi trình cho bôn-quan phê chuẩn ; giao-

kèo ấy thi-hành kể từ ngày 1^{er} Janvier 1939 trong một thời hạn 3 năm.

Tờ giao-kèo mới sẽ lập trên giấy in theo kiểu mẫu bôn-quan gởi theo đây.

PHÁP-QUỐC CỘNG-HÒA
NAM-KỲ CHÁNH-PHỦ

Tỉnh

THUẾ HOA - CHI

Tờ giao-kèo tự-thuận cho mướn thủy-lợi tỉnh

Ngày nay

Một đảng là bôn-chức quan cai-trị Chánh Chủ-tỉnh có M Phó Chủ-tỉnh phụ sự,

Và một đảng là Xã-trưởng các làng kể dưới đây,

Có nhứt định và ưng thuận những điều khoản sau này :

Điều thứ nhứt.— Các làng dưới đây có Xã-trưởng thay mặt, mướn mấy sở thủy-lợi trong địa-phận mình, trong một thời hạn 3 năm kể từ 1^{er} Janvier 19 . . . cho đến 31 Décembre 19 . . .

Điều thứ 2.— Bàn hội-tề chịu trách nhiệm và Xã-trưởng cai-quản các sở thủy-lợi, y theo thể-lệ về sự cai-quản tài-sản của làng.

Điều thứ 3.— Khi nào cai-quản không đúng đắn hoặc là hà-lạm của công thì Hương-chức sẽ bị trừng phạt theo pháp luật đang thiệ hành.

Điều thứ 4.— Các làng phải tuân theo những điều bố buộc theo nghị-định ngày 25 Janvier 1866.

Điều thứ 5.— Thâu tiền mướn thủy-lợi cũng như thâu các sắc thuế khác; Xã-trưởng phải đóng số tiền ấy vào kho-bạc cho tất trước ngày 1^{er} Octobre mỗi năm.

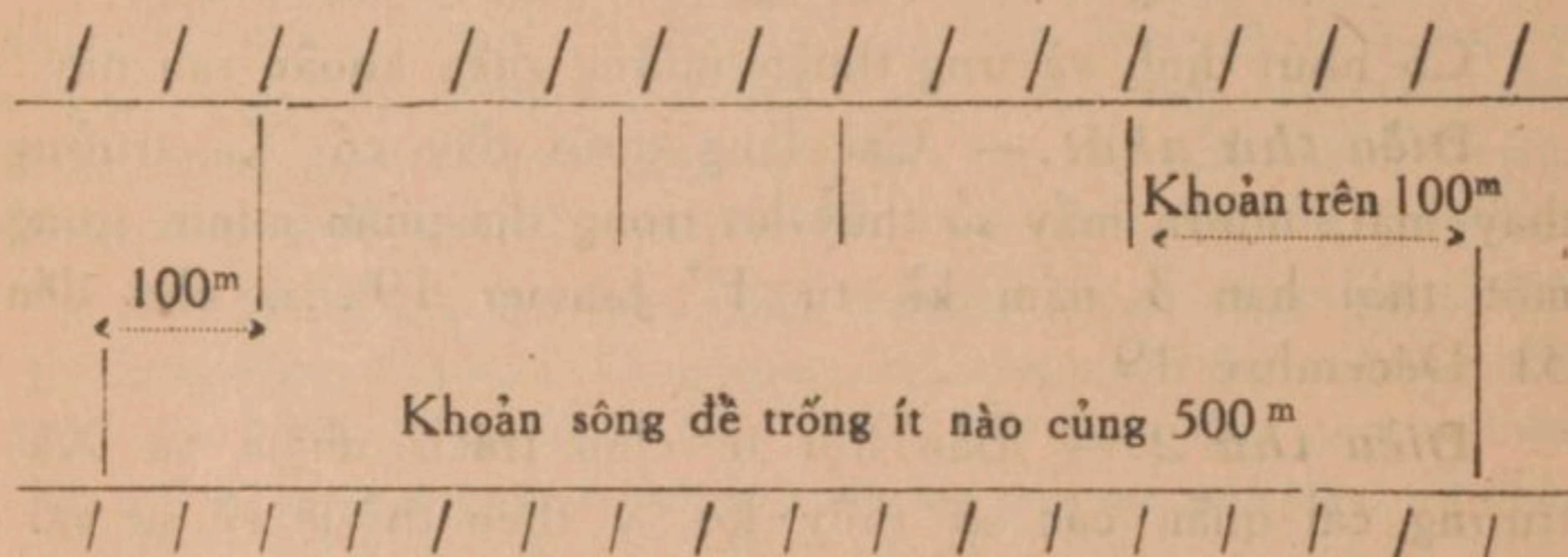
Điều thứ 6.— Nếu đóng trễ thì Xã-trưởng sẽ bị phạt vạ, số tiền phạt không đặng quá một phần năm số tiền mướn chưa đóng khi quá hạn ngày 1^{er} Octobre trên đây.

Điều thứ 7. — Không được phép đắp đập ngăn sông rạch. Nhưng nếu vì sự ích lợi cho sự canh nông mà phải đắp đập, hoặc là để giữ nước trong ruộng, hoặc là để phòng nước lụt tràn vô ruộng thì phải xin phép riêng Chánh-phủ.

Điều thứ 8. — Mấy sớ đáy không được choán quá một phần ba bề ngang những sông rạch thuyền bè đi được và phải đóng quá 100 thước trên vàm hay dưới vàm và doi. Đáy cũng có thể đóng dài theo sông rạch hoặc là đóng ngang sông, nhưng phải chừa chỗ thế nào cho thuyền bè đi được.

Nếu hai sớ đáy đóng liên tiếp nhau, cái thứ nhứt mé bên này, cái thứ nhì mé bên kia, hai sớ ấy phải cách xa nhau quá 100 thước mới được.

Những sớ đáy mà đổi mé rạch hai lần liên tiếp thì phải cách nhau ít nào 500 thước theo hình vẽ dưới đây :



Điều thứ 9. — Khi nào một sớ đáy đóng dài theo mé rạch thuyền bè đi được, thì sớ ấy phải cắm trụ mỗi cây cách nhau nhiều lắm là 30 thước tây, ban ngày thì trên đầu trụ phải treo một cái ba-lông đen cao hơn mặt nước lớn hơn hết, ít nữa là một thước. Ban đêm, mỗi trụ phải treo một cái đèn đỏ.

Nếu sớ đáy đóng giăng ngang sông thì cũng cắm trụ hàng ngang như vậy, lại còn cây trụ chót ngoài sông, ban ngày phải treo một cái ba-lông cao hơn mấy ba-lông kia ít nữa là hai thước, ban đêm phải treo đèn trắng.

Điều thứ 10. — Sự làm đáy, hay đánh cá không được phạm đến quyền lợi của những nghiệp chủ có điền đất dài theo mé rạch, vì sự canh-nông đáng chú trọng hơn các việc khác.

Điều thứ 11. — Chẳng những về thủy-lợi người mua hoa-chi phải tuân theo những điều kiện trên đây mà thôi, lại còn phải tuân theo những điều buộc theo nghị-định ngày 5 Juillet 1935 có nghị-định ngày 18 Mars 1938 về sự hành-thuyền trong Đông-Pháp sửa đổi.

Điều thứ 12 — Những điều tranh cãi về sự thi-hành tờ giao-kèo này thì Chánh-phủ phía cai-trị xử đoán.

Điều thứ 13. — Bản sau đây biên tên các làng có thủy-lợi và số tiền mướn mỗi năm; bản này dùng để mà thâu mấy số tiền mướn ấy.

Tên làng	Tiền của làng thâu thủy-lợi mỗi năm	Tiền mướn mỗi năm			Các Xã-trưởng dưới đây, nhưn danh làng của mình, chịu mướn thủy-lợi và đóng cho kho-bạc số tiền mướn biên ngay tên làng	Nóc hồ
		Số nhưt định	Số phải đóng thêm	Tổng cộng		
.....
.....

Quan cai-trị ký tên dưới đây chứng rằng những chữ ký tên trong tờ này quả thật là chữ ký của Xã-trưởng các làng ấy.

Ngưng tờ này với số tiền mướn thủy-lợi là,.....đề dùng mà thâu số tiền ấy.

Tại. ngày.

Quan Chủ tỉnh,

Sở kiểm soát tài-chánh chứng kiến,

Phê chuẩn :

Saigon le

Quan Thống-Đốc Nam Kỳ,

IV.— Châu-trị số 300 ngày 29 Juin 1936 của Quan Thống-Đốc Nam-Kỳ về sự chia đất công-diễn từ miếng nhỏ mà cho mướn.

Bổn-quan xét thấy sự cho mướn công-diễn chung một sở lớn sanh ra nhiều đều bất lợi.

Chẳng những là cho mượn như vậy làm cho mấy người tiểu nông-gia không thể đầu đặn, lại còn sanh ra những việc công-ký giữa Hương-chức và đại-điền-chủ nơi đó, mấy người này chỉ muốn một mình mượn hết đất cát rồi cho mượn lại lấy lời.

Như thế, nếu các ngài chưa thi-hành sự sau đây thì các ngài nên khởi sự từ ngày nay truyền lệnh chia công-điền tỉnh các ngài ra từ miếng nhỏ từ một tới 5 mẫu trước khi đầu giá, đặn cho dân sự trong làng có thể đầu giá đặn.

Duy có mấy sớ đất hoang-vu hay là đất chưa thành khoảnh thì có thể cho mượn trọn sớ cho mấy người có vốn lớn đặn họ khai phá cho hoàn thành.

V.— Châu-tri số 20 ngày 11 Janvier 1938 của Quan Thống-Đốc Nam-Kỳ về sự cho các gia-quyển nông-phu nghèo mượn đất công-điền.

Trong kỳ nhóm mới đây của Hội-đồng-quản-hạt, có vài nghị-viên yêu cầu bốn quan thiết-hành trong các tỉnh cái cách quan Chủ-tỉnh Gò-công giúp đỡ gia-quyển nông-phu nghèo, là cho những kẻ ấy mượn không trong mỗi làng, một phần công-điền, chia ra từ miếng nhỏ.

Cái cách thiết-hành ở Gò-công và chừng như có kết quả tốt là :

1^o — trong mỗi làng, dành ra một phần công-điền rồi tùy theo đất tốt xấu mà chia ra từ miếng hai hoặc 3 mẫu ;

2^o — dùng các phương pháp rao truyền cho nhơn dân biết và biểu các chủ gia-đình nghèo muốn mượn một sớ ruộng nào thì đến biên tên tại nhà-việc trong kỳ hạn 15 ngày ;

3^o — dạy Hương-cả lập sớ những người xin mượn rồi trình cho một ủy-ban gồm có Cai-tổng, Hội-đồng địa-hạt và Hương-cả trong làng xét.

Ban ấy định những người nào đáng cho mượn hơn hết, và phần đất cho mỗi gia-quyển mượn, bàn định số tiền tá hay

lúa mướn phải đóng sau khi gặt hái. Rồi lập vi-băng, một bản gửi cho quan Chủ-tỉnh, một bản thì dán tại nhà-việc.

Ngoài một kỳ hạn 15 ngày đề cho ai không bằng lòng mà kêu nài thì tờ vi-băng sẽ được quan Chủ-tỉnh phê chuẩn và được thi-hành.

Mỗi người mướn khi ấy ký một tờ giao-kèo, trong đó biên rõ số sào mầu mình mướn và số tiền hay số lúa phải trả trong tháng sau khi gặt. Tại Gò-công, ban ủy-viên định thầu lúa tá, những người mướn có thể trả bằng tiền theo giá lúa lúc gặt. Tuy là không bắt buộc bảo lãnh chi, song các làng thường thường đều thầu lúa tá dễ dàng.

Bổn-chức tưởng các ngài nên thi thử cái cuộc thí-nghiệm tại Gò-công ấy vì là việc có ích cho xã-hội.

.....



Tại Nhà in LY-CÔNG-QUAN — Soctrang

Có lãnh in đủ kiểu khuôn Bằng-Cấp và bán nhiều kiểu Tờ - Cũ Rộng, Phụng, Bông Lá rất đẹp để cử Hương - chức Hội - tề và ngoại Hội - tề.

Có bán khai sanh, khai tử, Thế vì khai sanh, hôn - thú và giấy tánh hạnh (Certificat de Bonne vie & Mœurs) Giấy Thầy - thuốc cho Chauffeur xe hơi.



Mua "Sách dạy làm Quảng Cáo" của soạn - giả LY-CÔNG-QUAN thì chỉ tốn có một trong buổi hiện tại mà tương lai sẽ lợi trăm lợi ngàn. Quả quyết vậy chẳng sai.

SÁCH NÀY IN XONG
.. TẠI NHÀ IN ..
LY - CÔNG - QUAN
SOCTRANG NGÀY 25
THÁNG SÁU NHUẬN
NĂM TÂN-TỊ (17 AOUT
1941) KỶ THỨ NHỨT
.. 3.000 QUYỀN ..



Quý ngài có cần dùng các thứ thiệp hay tất cả giấy tờ hoặc muốn có một quyển sách in khéo đẹp, sắc sảo dễ xem, sắp chữ không lỗi lầm, thì nên đến Nhà in LY-CÔNG-QUAN Soctrang thì sẽ đặng hài lòng, vì Chủ-nhơn và Công-thợ rất lành nghề, hăng quý trọng chức-nghiệp không hề phụ lòng tin cậy của quý ngài.

NHÀ IN TÂM THỜI
.. LY-CÔNG-QUAN ..
SOCTRANG LÀ NƠI
- ĐÁNG TIN CẬY -
CÔNG VIỆC LÀM RẤT
SÁC SẢO-MỸ THUẬT
KỸ LƯỢNG VÀ CHẮC
BỀN, ĐÃ NỔI TIẾNG
CẢN XA
NGÓT 14 NĂM NAY
: GIAO HẸN KHÔNG :
MÂY MÂY SAI CHẠY

LQ